

Số: /SGDDĐT-GDPT

Quảng Ninh, ngày

tháng 12 năm 2024

V/v hướng dẫn thực hiện kiểm tra,  
đánh giá định kì đối với cấp trung học  
từ học kì 2 năm học 2024-2025

Kính gửi:

- Các phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Các trường có cấp trung học phổ thông;
- Các Trung tâm HN&GDTX tỉnh; GDNN-GDTX cấp huyện.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tại Công văn số 7991/BGDĐT -GDTrH ngày 17/12/2024 về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với cấp THCS, THPT; Sở GDĐT hướng dẫn các phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục trung học, cơ sở giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là các đơn vị) thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số từ học kì 2 năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

1. Tiếp tục tuân thủ hướng dẫn thực hiện kiểm tra, đánh giá tại Công văn số 2996/SGDDĐT-GDPT ngày 20/9/2024 của Sở GDĐT.

2. Hướng dẫn, điều chỉnh nội dung, hình thức và tỉ lệ điểm kiểm tra, đánh giá định kì đối với một số môn học tại mục 2.2 Công văn số 2996/SGDDĐT-GDPT ngày 20/9/2024 của Sở GDĐT:

- Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học có từ 70 tiết/năm học trở xuống là **45 phút**, đối với môn học có trên 70 tiết/năm học từ **60 phút đến 90 phút**; đối với môn chuyên tối đa **120 phút**.

- Mức độ đề: **40%** nhận biết; **30%** thông hiểu; **30%** vận dụng.

- Hình thức, ma trận và đặc tả đề kiểm tra định kì từng môn thực hiện theo hướng dẫn (*Phụ lục đính kèm theo công văn này*).

Sở GDĐT yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện hướng dẫn trên. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc liên hệ trực tiếp với Phòng Giáo dục phổ thông để được hướng dẫn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các đơn vị thuộc Sở;
- Đại học Hạ Long;
- Lưu: VT, GDPT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trịnh Đình Hải**

**PHỤ LỤC 01**  
**HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN NGỮ VĂN CẤP THPT**  
(Kèm theo Công văn số            /SGDDT-GDPT ngày        /12/2024 của Sở GDĐT)

**I. Hình thức kiểm tra tự luận: (03 bài/năm học)**

**1. Thời gian:** 90 phút, đối với trường chuyên thời gian tối đa 120 phút.

**2. Cấu trúc:** gồm 2 phần.

- Phần 1. Đọc hiểu: 5,0 điểm.

- Phần 2. Viết: 5,0 điểm.

**3. Ngữ liệu đề kiểm tra:**

- Tránh dùng lại các văn bản đã học trong sách giáo khoa; có nguồn dẫn xác thực, tin cậy; có chú thích, chú giải các từ cổ, thuật ngữ, điển tích, điển cố, một số thông tin cần thiết về tác giả; không vi phạm các quy định về đạo đức, văn hoá, pháp luật,...

- Tổng độ dài của các ngữ liệu trong đề kiểm tra không quá 1000 chữ; trong trường hợp ngữ liệu có dung lượng vượt quy định, cần tóm tắt phần lược bỏ để HS hiểu đúng văn bản trong tính chỉnh thể.

**4. Tham khảo đề kiểm tra, đánh giá giữa học kì II, lớp 12 (Sử dụng bộ sách *Cánh diều*)**

**4.1. Ma trận đề**

| TT | Phần     | Nội dung / đơn vị kiến thức                                                                        | Mức độ đánh giá |      |          |           |      |          |          |      |          | Tổng |      |          |  | Tỉ lệ %<br>điểm |
|----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------|----------|-----------|------|----------|----------|------|----------|------|------|----------|--|-----------------|
|    |          |                                                                                                    | Trả lời ngắn    |      |          | Viết đoạn |      |          | Viết bài |      |          |      |      |          |  |                 |
|    |          |                                                                                                    | Biết            | Hiểu | Vận dụng | Biết      | Hiểu | Vận dụng | Biết     | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |  |                 |
| I  | Đọc hiểu | 1. Đoạn trích từ tác phẩm thuộc thể loại tiểu thuyết                                               | 10              | 10   |          | 5         | 5    | 10       |          |      |          | 15   | 25   | 10       |  | 50              |
|    |          | 2. Thơ trữ tình hiện đại.                                                                          |                 |      |          |           |      |          |          |      |          |      |      |          |  |                 |
|    |          | 3. Tiếng Việt: các kiến thức, hiện tượng tiếng Việt được học trong chương trình lớp 12 và cấp THPT |                 | 10   |          |           |      |          |          |      |          |      |      |          |  |                 |

|              |      |                                                                                                                                                                                                          |     |     |  |     |     |     |     |     |     |     |     |     |  |      |
|--------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|--|------|
| II           | Viết | 1. Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.<br>2. Viết thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.<br>3. Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. |     |     |  |     |     |     | 10  | 20  | 20  | 10  | 20  | 20  |  | 50   |
| Tổng số câu  |      |                                                                                                                                                                                                          | 2   | 2   |  |     |     | 1*  |     |     | 1*  | 2   | 2   | 2   |  | 6    |
| Tổng số điểm |      |                                                                                                                                                                                                          | 1,0 | 2,0 |  | 0,5 | 0,5 | 1,0 | 1,0 | 2,0 | 2,0 | 2,5 | 4,5 | 3,0 |  | 10,0 |
| Tỉ lệ %      |      |                                                                                                                                                                                                          | 10  | 20  |  | 5   | 5   | 10  | 10  | 20  | 20  | 25  | 45  | 30  |  | 100  |

#### 4.2. Đặc tả đề

| TT | Kĩ năng | Nội dung kiến thức/<br>Đơn vị kĩ năng | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |               |              |              |
|----|---------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----------|---------------|--------------|--------------|
|    |         |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Trả lời ngắn                     |      |          | Viết đoạn/bài |              |              |
|    |         |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết          | Hiểu         | Vận dụng     |
| I  | Đọc     | Tiểu thuyết                           | <b>Biết:</b><br>- Nhận biết được các chi tiết, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm.<br>- Nhận biết được một số yếu tố của tiểu thuyết (hiện đại, hậu hiện đại) như: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật,...<br>- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một đoạn văn nghị luận.<br><b>Hiểu:</b><br>- Phân tích được các chi tiết, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.<br>- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong văn bản. | 2                                | 1    |          | 1*<br>(đoạn)  | 1*<br>(đoạn) | 1*<br>(đoạn) |

|           |             |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |   |  |    |    |    |
|-----------|-------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|--|----|----|----|
|           |             |                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.</li> <li>- Phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết (hiện đại, hậu hiện đại) như: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật,...</li> <li>- Phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích và đánh giá được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội.</li> <li>- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản văn học.</li> <li>- Biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.</li> <li>- So sánh được hai văn bản văn học viết cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được đọc.</li> <li>- Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt. Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.</li> </ul> |  |   |  |    |    |    |
|           |             | Tiếng Việt                                                          | Hiểu: Phân tích tác dụng của câu đơn đặc biệt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  | 1 |  |    |    |    |
| <b>II</b> | <b>Viết</b> | Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. | <p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.</li> <li>- Nêu được cụ thể vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ.</li> <li>- Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.</li> <li>- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.</li> </ul> <p><b>Hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được lí do và các phương diện liên quan đến tuổi trẻ của vấn đề.</li> <li>- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.</li> <li>- Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |   |  | 1* | 1* | 1* |

|             |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |           |     |           |     |              |     |
|-------------|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----|-----------|-----|--------------|-----|
|             |  |  | <ul style="list-style-type: none"><li>- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với tuổi trẻ.</li><li>- Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.</li><li>- Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.</li><li>- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm; vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.</li><li>-Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội.</li></ul> |           |     |           |     |              |     |
| Tỉ lệ %     |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 10%       | 20% |           | 15% | 25%          | 30% |
| Tỉ lệ chung |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Biết: 25% |     | Hiểu: 45% |     | Vận dụng:30% |     |
| Tổng        |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 100%      |     |           |     |              |     |

#### 4.3. Đề tham khảo:

### ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

**Môn:** Ngữ văn 12

**Ngày kiểm tra:** ...../...../2025

**Thời gian làm bài:** 90 phút

#### I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

**Tóm tắt:** Nhân vật chính cũng là người kể chuyện xưng tôi của tiểu thuyết “Tuổi hai mươi yêu dấu” là một sinh viên đại học, một cậu con trai thành phố có hoàn cảnh khá may mắn: bố là nhà văn nổi tiếng, mẹ yêu con. Một lần bị bố đánh vì hay tin con trốn học, tôi bỏ nhà ra đi và dấn thân vào cuộc sống giang hồ. Rồi “sai lầm dẫn tới sai lầm, giống như trò chơi xếp hình domino, chỉ là một cú hẩy nhẹ của số phận là bắt đầu cho những phiêu lưu”, tôi sa chân vào con đường nghiện ngập và không tự kiểm soát được mình. Trong một lần bị những người xung quanh xông vào nhằm đánh chết thằng nghiện, tôi được một nhà thơ bạn của bố cứu. Nhà thơ đưa tôi ra một hòn đảo hoang để cai nghiện. Sống giữa thiên nhiên và được sự giúp đỡ của những con người chất phác, tôi đã thoát khỏi ma túy. Phần trích dẫn sau đây là chương cuối cùng của tiểu thuyết.

*Tôi đã rời nhà ra đi hơn một năm trời. Trong khoảng thời gian đầu tiên, thú thực tôi cũng không nhớ gì nhiều về gia đình tôi, có lẽ bởi liên tiếp những sự việc xảy ra đã cuốn tôi đi, như người ta nói cuốn theo chiều gió.*

*Tôi đã sững sờ vì một lần lên bờ cắt tóc, soi trong gương tôi nhận ra đầu mình bạc trắng! Tôi không tin được là tôi có thể biến đổi đến như ngần ấy. Trong tiệm cắt tóc có một tập báo cũ, vô tình tôi vớ lên xem. Tôi lặng người đi khi đọc báo thấy tin bố tôi vừa mất! Nước mắt tôi trào ra. Những dòng chữ nhảy nhót, nhòa đi trước mắt tôi. Tôi gục xuống như bị một đòn trời giáng, run rẩy hết cả chân tay. Mọi người chạy lại đỡ tôi nhưng tôi gạt đi rồi chạy ra ngoài, vừa chạy vừa khóc nức nở. Trời đất như sụp đổ trước mặt tôi.*

*Bố!*

*Bây giờ tôi mới biết khóc như cha chết là khóc thế nào. Chắc chắn đó là cái khóc lớn nhất đời một con người.*

Tôi chạy vào rừng, ngã xuống. Hình ảnh bố tôi hiện ra thân thiết và gần gũi quá. Những dòng đưa tin trên báo thật lạnh lùng. Có cả vạn người đưa tang bố tôi, điều ấy có ý nghĩa gì khi không có tôi ở đây! Chao ôi! Tôi là thằng con bất hiếu, thằng con nghịch tử! Nỗi ân hận bật thành tiếng khóc cứ thế trào ra! Tôi muốn gào lên cho thấu trời xanh!

Bố tôi, người thân yêu nhất của tôi! Bây giờ ngẫm lại tôi mới hiểu rõ bố tôi có ý nghĩa thế nào với tôi.

Như nhiều ông bố khác, có lẽ bố tôi cũng đã vất vả kiếm sống nuôi vợ nuôi con. Nhưng là nhà văn, bố tôi có những phẩm chất khác với mọi người.

Viết văn, đó là công việc không dễ dàng gì. Nhiều khi đùa bỡn, bố tôi vẫn bảo đó là một công việc thô tả, công việc chết người.

Cái khó của một nhà văn - ông nói - đó là việc anh ta phải độc hành kỳ đạo trong cuộc đời mình. Nó gần như công việc của các bậc tiểu thánh. Điều khôn nạn, trở trêu và cũng là điểm yếu của một nhà văn là dù hiểu đời, lịch lãm đến đâu cuối cùng anh ta vẫn phải hành xử và biết trình bày tư tưởng nhân đạo một cách nghệ thuật. Giá trị nhân đạo là lý do duy nhất để cho văn học tồn tại, trước khi nói đến chức năng giải trí hay mua vui.

**Lược một đoạn:** Những suy ngẫm của nhân vật tôi về bố và nghề viết văn

Bố!

Tôi biết bố tôi sẽ tha thứ cho tôi vì những lỗi lầm xã hội của tôi. Ông hiểu và cũng bắt lực trước những lỗi lầm xã hội ấy. Tôi phải cứu tôi và chẳng có ai làm được hộ tôi chuyện ấy.

Bố!

Con hình dung ra được đám tang của bố! Có nhiều người đến tiễn đưa. Chắc sẽ lại có một tay thổi kèn saxo nào đấy biểu diễn một bài ai oán. Người ta đọc điệu văn. Có thể sẽ có những tay nhà thơ chuyên làm thơ phúng điệu giả vờ khóc lóc để huyênh hoang khoe mẽ năng thơ của mình. Sẽ có bạn đọc, chắc chắn thế, và sẽ có những người bạn đọc chất phác đến tiễn đưa ông về nơi yên nghỉ vĩnh hằng.

Tôi biết bố tôi vẫn thích những đám ma dân già của người Việt Nam nhà quê. Có thể nó vớ vẩn, nhiều khi còn nhếch nhác và chẳng văn minh chút nào nhưng ở đó nó có sự giản dị - điều thiết yếu cần thiết cho nhà văn và cái chết.

Có lần tôi đã theo bố tôi dự một đám ma ở vùng núi trên Phú Thọ. [...] Ấn tượng về đám ma ấy in sâu trong tâm trí tôi. Những lời hát vu vơ như xát muối trong lòng tôi. Và mái tóc bạc trên đầu tuổi xanh. Tôi hiểu điều ấy có ý nghĩa gì.

Chắc chắn tôi phải về nhà chịu tang bố tôi. Ngay hôm nay. Ngay lúc này. Có thể tôi sẽ học lại đại học. Có thể tôi sẽ ở cùng mẹ tôi một thời gian. Mẹ thì không bao giờ được quên. Có thể tôi sẽ viết văn giống như bố tôi hoặc làm một nghề gì khác. Dù sao đi nữa cuộc sống cũng có những giá trị đẹp đẽ của nó, không thể vì bất cứ lý do gì mà hủy hoại nó đi. Bạn trẻ, tin tôi đi! Nếu chưa trưởng thành, chưa thực sự đủ lông đủ cánh thì bạn cũng đừng vội vã tuột xích như tôi. Và mái tóc bạc trên đầu tuổi xanh.

Tôi là Khuê. Năm nay tôi 21 tuổi. Phía trước tôi là cả cuộc đời mà tôi phải tìm hiểu và khám phá nó.

(Nguyễn Huy Thiệp – **Tuổi hai mươi yêu dấu**, NXB Hội nhà văn, 2018)

**Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:**

**Câu 1.** (0.5 điểm) Trong đoạn trích, sự kiện nào tác động sâu sắc đến suy nghĩ và tình cảm của nhân vật tôi?

**Câu 2.** (0.5 điểm) Xác định chủ thể của điểm nhìn trần thuật trong đoạn văn sau: “Hình ảnh bố tôi hiện ra thân thiết và gần gũi quá. Những dòng đưa tin trên báo thật lạnh lùng. Có cả vạn người đưa tang bố tôi, điều ấy có ý nghĩa gì khi không có tôi ở đây! Chao ôi! Tôi là thằng con bất hiếu, thằng con nghịch tử!”

**Câu 3:** (1.0 điểm) Phân tích tác dụng của việc tách câu đặc biệt “Bố!” ra thành một đoạn văn.

**Câu 4.** (1.0 điểm) Nhận xét tác dụng của việc tác giả lựa chọn kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

**Câu 5.** (2.0 điểm) Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích, đánh giá ý nghĩa của tình huống nhân vật tôi đọc được dòng tin trên báo về cái chết của bố đối với việc khắc họa nhân vật và thể hiện chủ đề đoạn trích.

## II. VIẾT (5.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) chia sẻ suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: Sự cần thiết của việc biết sửa chữa sai lầm đối với tuổi trẻ.

-----**Hết**-----

*Thí sinh không được sử dụng tài liệu; Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

## II. Hình thức kiểm tra trắc nghiệm kết hợp tự luận: (01 bài/năm học)

1. Thời gian: 90 phút.

2. Cấu trúc: gồm 2 phần.

- Phần 1. Đọc hiểu: 6,0 điểm.

- Phần 2. Viết: 4,0 điểm.

3. Ngữ liệu để kiểm tra:

- Tránh dùng lại các văn bản đã học trong sách giáo khoa; có nguồn dẫn xác thực, tin cậy; có chú thích, chú giải các từ cổ, thuật ngữ, điển tích, điển cố, một số thông tin cần thiết về tác giả; không vi phạm các quy định về đạo đức, văn hoá, pháp luật,...

- Tổng độ dài của các ngữ liệu trong đề kiểm tra không quá 1000 chữ; trong trường hợp ngữ liệu có dung lượng vượt quy định, cần tóm tắt phần lược bỏ để HS hiểu đúng văn bản trong tính chính thể.

4. Tham khảo đề kiểm tra, đánh giá giữa học kì II, lớp 12 (Sử dụng bộ sách *Cánh diều*)

4.1. Ma trận đề

| TT           | Phần     | Nội dung / đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                          | Mức độ đánh giá |      |          |              |      |          |         |      |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ %<br>điểm |
|--------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|------|------|----------|-----------------|
|              |          |                                                                                                                                                                                                      | TNKQ            |      |          |              |      |          | Tự luận |      |          |      |      |          |                 |
|              |          |                                                                                                                                                                                                      | Nhiều lựa chọn  |      |          | Trả lời ngắn |      |          |         |      |          |      |      |          |                 |
|              |          |                                                                                                                                                                                                      | Biết            | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |                 |
| I            | Đọc hiểu | 1. Tiểu thuyết hiện đại<br>2. Thơ trữ tình hiện đại                                                                                                                                                  | 20              | 10   |          |              | 10   | 10       |         |      |          | 20   | 20   | 10       | 50              |
|              |          | 3. Tiếng Việt: các kiến thức, hiện tượng tiếng Việt được học trong chương trình lớp 12 và cấp THPT                                                                                                   |                 |      |          |              | 10   |          |         |      |          |      | 10   |          | 10              |
| II           | Viết     | 1. Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.<br>2. Viết thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.<br>3. Viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. |                 |      |          |              |      |          | 10      | 10   | 20       | 10   | 10   | 20       | 40              |
| Tổng số câu  |          |                                                                                                                                                                                                      | 4               | 2    |          |              | 2    | 1        |         |      | 1*       | 4    | 4    | 2        | 10              |
| Tổng số điểm |          |                                                                                                                                                                                                      | 2,0             | 1,0  |          |              | 2,0  | 1,0      | 1,0     | 1,0  | 2,0      | 3,0  | 4,0  | 3,0      | 10,0            |
| Tỉ lệ %      |          |                                                                                                                                                                                                      | 20              | 10   |          |              | 20   | 10       | 10      | 10   | 20       | 30   | 40   | 30       | 100             |



## 4.2. Đặc tả đề

| TT | Kĩ năng | Nội dung kiến thức/<br>Đơn vị kĩ năng | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |              |      |          |         |      |          |
|----|---------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|
|    |         |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TNKQ                             |      |          |              |      |          | Tự luận |      |          |
|    |         |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Nhiều lựa chọn                   |      |          | Trả lời ngắn |      |          |         |      |          |
|    |         |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
| I  | Đọc     | 1. Thơ trữ tình hiện đại              | <p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết thể thơ.</li> <li>- Nhận biết được nhân vật trữ tình/chủ thể trữ tình; đối tượng trữ tình trong bài thơ.</li> <li>- Nhận biết được đề tài, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật trong thơ hiện đại.</li> <li>- Nhận biết được những hình ảnh tiêu biểu, trung tâm của bài thơ.</li> </ul> <p><b>Hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ.</li> <li>- Nêu/Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.</li> <li>- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ; phân tích được sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.</li> <li>- Hiểu và lí giải được vai trò, tác dụng của hình ảnh, biểu tượng đặc biệt là các yếu tố tượng trưng, siêu thực (nếu có) trong bài thơ.</li> <li>- Phát hiện và lí giải được các giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh trong bài thơ.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản thơ, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.</li> <li>- Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ trong bài thơ.</li> <li>- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản thơ.</li> </ul> | 4                                | 2    |          |              | 1    | 1        |         |      |          |

[illegible]

|              |     |   |  |     |   |   |     |  |   |
|--------------|-----|---|--|-----|---|---|-----|--|---|
| Tổng số câu  | 4   | 2 |  |     | 2 | 1 |     |  | 1 |
| Tổng số điểm | 3,0 |   |  | 3,0 |   |   | 4,0 |  |   |
| Tỉ lệ %      | 30  |   |  | 30  |   |   | 40  |  |   |

#### 4.3. Đề tham khảo:

### ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn 12

Ngày kiểm tra: ...../...../2025

Thời gian làm bài: 90 phút

#### I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

#### THƯ GỬI MẸ

(Lời một người lính đã hi sinh)

Nguyễn Quang Thiều

[...]

(1) Chiến tranh đã tắt cuối con đường  
Cau vẫn rụng vào những chiều thương nhớ  
Bầy sẻ nâu đã bao mùa sinh nở  
Con đã về, mẹ có thấy con không

(2) Cỏ đã lên mầm trên những hố bom  
Ôi Tổ quốc lại một lần đứng dậy  
Gió thổi suốt bốn nghìn năm và mẹ  
Nước mắt đầy trên những vết nhăn

(3) Chiến tranh qua rồi và mãi mãi con tin  
Con ngủ quên dưới cánh rừng lá bạc  
Khi gió thổi là con tỉnh giấc  
Theo đường gió con về ngắm mẹ sau lưng

(4) Chiến tranh qua rồi và mãi mãi con tin  
Con không chết, con chỉ không lớn nữa  
Và con sống suốt đời mười tám tuổi  
Như buổi chiều chào mẹ con đi

(5) Con đã vào đến bếp nhà ta  
Ngồi bên mẹ xoè tay hơ trước lửa  
Niêu tép mẹ kho suốt đời không thể nguội  
Con đang cười mẹ có thấy con không

(6) Đũa vẫn so thừa cả những bữa cơm đông  
Cánh cửa cũ chân chừ đêm gió lạ  
Mẹ ơi mẹ, mẹ đừng ngồi khuya quá  
Mẹ đừng ngồi vắn tóc mãi trong đêm  
[...]

(7) Chiến tranh qua rồi và mãi mãi mẹ ơi  
Đồng đội con trở về với thư con viết dở  
Ôi lá thư chỉ một câu gọi mẹ  
Là lá thư dài nhất ở trên đời.

(Nguyễn Quang Thiều, Trường ca *Những người lính của làng*, NXB Quân đội Nhân dân, 1994)

Lựa chọn đáp án đúng:

**Câu 1. (0.5 điểm)** Xác định thể thơ của đoạn trích trên.

A. Thơ lục bát

C. Thơ tự do

B. Thơ năm chữ

D. Thơ thất ngôn

**Câu 2. (0.5 điểm)** Chủ thể trữ tình trong đoạn trích là ai?

A. Người mẹ

C. Đồng đội của người lính

B. Người lính đã hi sinh

D. Người đưa thư

**Câu 3. (0.5 điểm)** Ý nào nêu đúng đề tài chính của đoạn trích?

A. Tình yêu quê hương, đất nước

C. Người lính

B. Chiến tranh

D. Tình mẫu tử

**Câu 4. (0.5 điểm)** Những từ ngữ, hình ảnh nào miêu tả người mẹ ở khổ thơ (2)?

A. Nước mắt đầy trên những vết nhăn

B. Đũa vẫn so thừa cả những bữa cơm đông

C. Mẹ ơi mẹ, mẹ đừng ngồi khuya quá

D. Mẹ đừng ngồi vắn tóc mãi trong đêm

**Câu 5. (0.5 điểm)** Phương án nào thể hiện đúng nhất nội dung câu thơ sau: *Con không chết, con chỉ không lớn nữa?*

A. Người lính đã hi sinh nhưng bất tử trong kí ức của người mẹ.

B. Người lính chỉ tạm thời rời xa thế gian.

C. Người lính cảm nhận sâu sắc về tình mẫu tử thiêng liêng.

D. Người lính được nhớ đến như một biểu tượng của tuổi mười tám.

**Câu 6. (0.5 điểm)** Hình ảnh người lính trong *Thư gửi mẹ* hiện lên với vẻ đẹp gì?

A. Vẻ đẹp của tình yêu quê hương và lòng yêu nước nồng nàn.

B. Vẻ đẹp của sự hi sinh vì Tổ quốc và tình cảm yêu thương dành cho mẹ.

C. Vẻ đẹp của tinh thần chiến đấu kiên cường và khát vọng hòa bình.

D. Vẻ đẹp của tuổi trẻ và lòng dũng cảm trong cuộc kháng chiến.

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 7. (1.0 điểm)** Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá trong câu thơ: *Cánh cửa cũ chần chừ đêm gió lạ.*

**Câu 8. (1.0 điểm)** Nêu mạch vận động cảm xúc của nhân vật trữ tình trong đoạn trích trên.

**Câu 9. (1.0 điểm)** Từ *Thư gửi mẹ* của người con trong đoạn trích, nêu suy nghĩ của anh/chị về sự hi sinh của thế hệ đi trước cho hoà bình, độc lập dân tộc.

## II. VIẾT (4,0 điểm)

Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc lắng nghe bản thân mình.

-----**HẾT**-----

*Thí sinh không được sử dụng tài liệu; Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

**PHỤ LỤC 02****HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN NGỮ VĂN CẤP THCS***(Kèm theo Công văn số /SGDDT-GDPT ngày /12/2024 của Sở GDĐT)***I. Hình thức kiểm tra:** trắc nghiệm kết hợp tự luận (01 bài /năm học)**1. Thời gian:** 90 phút**2. Cấu trúc:** gồm 2 phần

- Phần 1. Đọc hiểu: 6,0 điểm.

- Phần 2. Viết: 4,0 điểm.

**3. Ngữ liệu đề kiểm tra:** Tránh dùng các văn bản đã học trong sách giáo khoa; có nguồn dẫn xác thực, tin cậy; có chú thích, chú giải các từ cổ, thuật ngữ, điển tích, điển cố, một số thông tin cần thiết về tác giả; không vi phạm các quy định về đạo đức, văn hoá, pháp luật,...

- Tổng độ dài của các ngữ liệu trong đề kiểm tra không quá 700 chữ; trong trường hợp ngữ liệu (văn bản truyện) có dung lượng vượt quy định, cần tóm tắt phần lược bỏ để học sinh hiểu đúng văn bản trong tính chỉnh thể.

**4. Tham khảo đề kiểm tra, đánh giá giữa học kì II, lớp 9 (sách *Cánh Diều*)****4.1. Ma trận đề**

| TT | Phần     | Nội dung / đơn vị kiến thức                                                                           | Mức độ đánh giá |      |          |              |      |          |         |      |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ %<br>điểm |
|----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|------|------|----------|-----------------|
|    |          |                                                                                                       | TNKQ            |      |          |              |      |          | Tự luận |      |          |      |      |          |                 |
|    |          |                                                                                                       | Nhiều lựa chọn  |      |          | Trả lời ngắn |      |          |         |      |          |      |      |          |                 |
|    |          |                                                                                                       | Biết            | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |                 |
| I  | Đọc hiểu | 1. Truyện truyền kì và truyện trinh thám                                                              | 40              | 20   |          |              | 10   | 10       |         |      |          | 30   | 10   | 10       | 50              |
|    |          | 2. Thơ tám chữ và thơ tự do                                                                           |                 |      |          |              | 10   |          |         |      |          |      | 10   |          | 10              |
| II | Viết     | 3. Tiếng Việt: biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; các biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần |                 |      |          |              | 10   |          |         |      |          |      | 10   |          | 10              |
|    |          | 1. Viết bài văn kể chuyện sáng tạo                                                                    |                 |      |          |              |      |          | 10      | 10   | 20       | 10   | 10   | 20       | 40              |
|    |          | 2. Viết bài văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ                                               |                 |      |          |              |      |          |         |      |          |      |      |          |                 |

|                     |            |            |  |  |            |            |            |            |            |            |            |            |             |
|---------------------|------------|------------|--|--|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|-------------|
| <b>Tổng số câu</b>  | <b>4</b>   | <b>2</b>   |  |  | <b>2</b>   | <b>1</b>   |            |            | <b>1</b>   | <b>6</b>   | <b>2</b>   | <b>2</b>   | <b>10</b>   |
| <b>Tổng số điểm</b> | <b>2,0</b> | <b>1,0</b> |  |  | <b>2,0</b> | <b>1,0</b> | <b>1,0</b> | <b>1,0</b> | <b>2,0</b> | <b>4,0</b> | <b>3,0</b> | <b>3,0</b> | <b>10,0</b> |
| <b>Tỉ lệ %</b>      | <b>20</b>  | <b>10</b>  |  |  | <b>20</b>  | <b>10</b>  | <b>10</b>  | <b>10</b>  | <b>20</b>  | <b>40</b>  | <b>30</b>  | <b>30</b>  | <b>100</b>  |

## 4.2. Đặc tả đề

| TT | Kĩ năng  | Nội dung kiến thức/<br>Đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |              |      |          |         |      |          |
|----|----------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|
|    |          |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | TNKQ                             |      |          |              |      |          | Tự luận |      |          |
|    |          |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Nhiều lựa chọn                   |      |          | Trả lời ngắn |      |          |         |      |          |
|    |          |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
| I  | Đọc hiểu | 1. Thơ tự do                            | <p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết thể thơ.</li> <li>Nhận biết được nhân vật trữ tình/chủ thể trữ tình; đối tượng trữ tình trong bài thơ.</li> <li>Nhận biết được đề tài, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật trong thơ tám chữ và thơ tự do</li> <li>Nhận biết được những hình ảnh tiêu biểu, trung tâm của bài thơ.</li> </ul> <p><b>Hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ.</li> <li>Nêu/Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.</li> <li>Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; một số căn cứ để xác định chủ đề, tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết; mục đích của văn.</li> <li>Hiểu và lí giải được vai trò, tác dụng của hình ảnh, chi tiết trong bài thơ.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> | 4                                | 2    |          |              | 1    | 1        |         |      |          |

| TT          | Kĩ năng | Nội dung kiến thức/<br>Đơn vị kiến thức                                                                        | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |              |      |          |         |      |          |
|-------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|
|             |         |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TNKQ                             |      |          |              |      |          | Tự luận |      |          |
|             |         |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nhiều lựa chọn                   |      |          | Trả lời ngắn |      |          |         |      |          |
|             |         |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
|             |         |                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá văn bản thơ, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.</li> <li>- Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ trong bài thơ.</li> <li>- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản thơ.</li> <li>- Vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                            |                                  |      |          |              |      |          |         |      |          |
|             |         | 2. Tiếng Việt: biện pháp tu từ điệp văn                                                                        | Hiểu: Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ điệp văn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                  |      |          |              | 1    |          |         |      |          |
| II          | Viết    | Viết bài văn kể chuyện sáng tạo (truyện kể sáng tạo mô phỏng một truyện đã đọc, có yếu tố miêu tả và biểu cảm) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận diện kiểu bài kể chuyện sáng tạo</li> <li>+ Đảm bảo nguyên tắc trình bày, bố cục</li> <li>+ Đảm bảo chuẩn chính tả và quy tắc dùng từ tiếng Việt.</li> </ul> </li> <li>- <b>Hiểu:</b> Xác định được cốt truyện và các nội dung chi tiết, yếu tố cần triển khai liên quan đến đối tượng, vấn đề. Dùng từ, viết câu đúng chuẩn.</li> <li>- <b>Vận dụng:</b> Thực hiện đúng yêu cầu của kiểu bài (ngôi kể, sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm...); có những sáng tạo trong cách kể chuyện (tạo tình huống, sắp xếp lại các tình tiết, bổ sung chi tiết...)</li> <li>- Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt để tăng sức hấp dẫn cho bài viết.</li> </ul> |                                  |      |          |              |      |          | 1*      | 1*   | 1*       |
| Tổng số câu |         |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4                                | 2    |          |              | 2    | 1        |         |      | 1        |

| TT           | Kĩ năng | Nội dung kiến thức/<br>Đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |              |      |          |         |      |          |
|--------------|---------|-----------------------------------------|-----------------|----------------------------------|------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|
|              |         |                                         |                 | TNKQ                             |      |          |              |      |          | Tự luận |      |          |
|              |         |                                         |                 | Nhiều lựa chọn                   |      |          | Trả lời ngắn |      |          |         |      |          |
|              |         |                                         |                 | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
| Tổng số điểm |         |                                         |                 | 3,0                              |      |          | 3,0          |      |          | 4,0     |      |          |
| Tỉ lệ %      |         |                                         |                 | 30                               |      |          | 30           |      |          | 40      |      |          |



### 4.3. Đề tham khảo:

## ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn 9

Ngày kiểm tra: ...../...../2025

Thời gian làm bài: 90 phút

### I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 9:

### CẢM ƠN ĐẤT NƯỚC

*Huỳnh Thanh Hồng*

- (1) Tôi chưa từng đi qua chiến tranh  
Chưa thấy hết sự hy sinh của bao người ngã xuống  
Thuở quê hương còn gồng gánh nỗi đau
- (2) Tôi lớn lên từ rẫy mía, bờ ao  
Thả cánh điều bay  
Lội đồng hái bông súng trắng  
Mẹ nuôi tôi dải dầu mưa nắng  
Lặn lội thân cò quãng vắng đồng xa.
- (3) Tôi lớn lên từ những khúc dân ca  
Khoan nhặt tiếng đàn kìm  
Ngân nga sáo trúc  
Đêm Trung thu say sưa nghe bà kể  
Chú Cuội một mình ngồi gốc cây đa.
- (4) Thời gian qua  
Xin cảm ơn đất nước

Vẫn sáng ngời như vàng trắng vánh vạnh.

\* **Chú thích:** Huỳnh Thanh Hồng (1964 – 2007) là hội viên Hội nhà báo, hội viên Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Vĩnh Long cũng là một nhà thơ được nhiều người biết đến với bút pháp thơ sâu lắng, nồng nàn tình yêu quê hương xứ sở.

**Câu 1.(0.5 điểm)** Xác định thể thơ của bài thơ trên.

**Câu 2.(0.5 điểm)** Cách ngắt nhịp của bài thơ có đặc điểm gì?

**Câu 3:** (0,5 điểm) Trong bài thơ, tác giả bộc lộ cảm xúc với đối tượng nào?

**Câu 4.(0,5 điểm)** Nhan đề của bài thơ thể hiện cảm xúc gì của tác giả?

**Câu 5.** (0,5 điểm) Nhân định nào sau đây là nội dung của bài thơ?

A. Lời kể chuyện của tác giả về đất nước  
B. Lời giới thiệu của tác giả về đất nước  
C. Những cảm xúc của nhà thơ về đất nước  
D. Những ý kiến của nhà thơ về đất nước.

**Câu 6. (0,5 điểm)** Đặc điểm nổi bật về ngôn ngữ trong bài thơ trên là gì?

- A. Ngôn ngữ mượt mà, sâu lắng, vận dụng ca dao, tục ngữ.
- B. Ngôn ngữ thơ giản dị mộc mạc nhưng cô đọng và hàm súc.
- C. Ngôn ngữ tinh nghịch mang đậm chất khẩu ngữ đời thường.
- D. Ngôn ngữ mang đậm chất triết lý, giàu tính biểu tượng.

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 7 (1,0 điểm)** Em hãy cho biết tác dụng của biện pháp tu từ điệp vần trong khổ thơ (2).

**Câu 8 (1,0 điểm)** Trình bày cách hiểu của em về hai câu thơ cuối bài thơ:

“Đất nước của tôi ơi!

Vẫn sáng ngời như vàng trắng vành vạnh.”

**Câu 9 (1,0 điểm)** Qua những lời tâm sự của nhà thơ *Mang hình bóng quê hương tôi lớn thành người*, em có những suy nghĩ gì về vai trò của quê hương? (trình bày khoảng 4 – 5 dòng)

## **II. VIẾT (4.0 điểm)**

Em hãy đóng vai nhân vật Trinh trong câu chuyện “Món quà sinh nhật” (Trần Hoài Dương) để kể lại câu chuyện sau:

### **MÓN QUÀ SINH NHẬT**

Nhân kỉ niệm ngày sinh năm nay của tôi, bạn bè đến chơi vui vẻ quá. (...)Vui thì vui thật, xong tôi vẫn bồn chồn không yên. Không hiểu sao cái Trinh, đứa bạn thân nhất của tôi, giờ này vẫn chưa đến. Chẳng lẽ nó lại quên ngày vui của tôi? Không, con bé vốn chu đáo lắm kia mà! Bạn bè đã bắt đầu ra về lác đác, tôi cũng bồn chồn. Tôi không trách Trinh nữa mà bắt đầu lo. Hay là... Trinh đã gặp tai nạn gì giữa đường chăng?

Tôi đang đắm chiêu nghĩ ngợi, chợt cái Thanh reo lên:

- Kia rồi! Chị Trinh kia rồi!

Tôi quay phắt ra cửa, nhìn thấy Trinh đang tươi cười đi vào sân. Tôi chạy ào ra, xô đổ cả ghế. Thấy Trinh bình thường, tự nhiên tôi thấy tủi thân và giận Trinh. Tôi trách:

- Sao bây giờ mới đến? Tưởng quên người ta rồi? Ghét!

Trinh cười lớn lên, đầu hơi nghiêng nghiêng trông thật hiền lành. Nhìn nét cười ấy không thể nào mà giận cho được. Tôi phát vào lưng Trinh một cái rõ đau, rồi hỏi:

- Xe đâu không dắt vào, lại để ngoài cổng hả?

Trinh vẫn cười không ra tiếng, lắc lắc đầu hất lọn tóc nặng ra sau, nói nhỏ như có lỗi:

- Xe sáng nay anh Toàn đi sớm.

- Thế đi bộ xuống đây à?

Trình không trả lời, chỉ mỉm cười gật đầu.

Tôi giận mình quá, thế mà cứ trách Trình mãi. Đi bộ thảo nào bây giờ mới đến. Nhà Trình mãi trên Quảng Bá, xuống đây cũng phải đến năm, sáu cây số, chứ có gần gì.

Tôi kéo Trình vào ngồi giữa bạn bè. Trình mở chiếc lầy mây nhỏ, thận trọng lấy ra mấy bông hồng vàng. Tất cả đều sừng sốt reo lên. Cái Thanh vội cầm chiếc cốc đi múc nước. Mấy bạn khác cũng xúm lại trầm trồ nhìn ngắm. Trình lại khẽ nâng lên một cành ổi. Còn nguyên cả lá và lúc lỉu đến năm, sáu quả tròn to, láng bóng. Lại những tiếng xuýt xoa bàn tán. Trình cười quay sang tôi:

- Trang còn nhớ chùm ổi này không? Không à? Quả của cây ổi găng góc ao đây thôi!

Tôi "à" lên một tiếng, mi mắt bỗng nong nóng và sống mũi cay xộc. Tôi nhớ ra rồi. Lâu lắm, từ mấy tháng trước, lúc ổi đang ra hoa, tôi có lên nhà Trình chơi. Trình dẫn tôi vào vườn, đến góc bờ ao, Trình nói nhỏ, về bí mật:

- Trang! Trang! Lại đây tớ cho xem cái này, hay lắm!

Trình lom khom, luồn qua những cành ổi la đà gần sát mặt đất, rẽ lối cho tôi luôn theo. Đến góc ao, Trình vít một cành ổi xa nhất, thích thú chỉ cho tôi xem một chùm hoa trắng muốt. Trình thì thào:

- Cậu xem có thích không? Cả chùm mọc sát nhau nhé! Cây ổi này là giống ổi găng ngon nhất vườn đây. Quả to, cùi dày, ăn giòn và thơm chẳng kém gì lê. Tớ phát hiện ra chùm hoa này, tuyệt không? Một, hai, ba,... sáu, bảy, tám... phải hơn chục hoa là ít. Mà lại nở chụm vào một đầu cành mới thích chứ!

Thấy tôi chăm chú nhìn cành hoa ổi, Trình nói tiếp:

- Tớ đang có một "âm mưu" này, Trang ạ. Rất thú vị nhé!

Tôi gặng hỏi mãi, Trình cũng không chịu nói. Trình bảo chưa muốn nói bây giờ vì muốn dành cho tôi một sự bất ngờ. Và bây giờ thì chùm ổi đã chín vàng trên hai bàn tay tôi. Nâng chùm ổi trên tay, giọng tôi run run:

- Cái "âm mưu" Trình nói dạo ấy là chuyện này đây phải không?

Trình vẫn lặng lẽ mỉm cười, chỉ gật đầu không nói.

Cảm ơn Trình quá. Món quà sinh nhật Trình mang đến cho mình mới quý giá làm sao! Nó không phải là món quà mua vội vàng trên vỉa hè, trong cửa hiệu, chỉ cốt bỏ tiền ra mua là được, mà nó là cả một tấm lòng trân trọng của Trình. Trình đã ấp ủ, nâng niu, hằng nghĩ đến suốt bao ngày nay. Trình đã săn sóc chùm ổi ấy, để mắt đến nó, từ khi nó chỉ mới là những chiếc nụ nhỏ xíu, rồi nở hoa, rồi kết quả. Trình đã mong ngày, mong đêm, tìm mọi cách giữ chùm quả ấy lại nguyên vẹn để hôm nay có được chùm quả vàng tươi thơm mát này...

(Trích tác phẩm *Món quà sinh nhật*, Trần Hoài Dương, Những ngôi sao trong mưa, NXB Hội nhà văn, 1988

.....**Hết**.....

**I. Hình thức kiểm tra tự luận:** (03 bài/năm học)**1. Thời gian:** 90 phút**2. Cấu trúc:** gồm 2 phần

- Phần 1. Đọc hiểu: 4,0 điểm.

- Phần 2. Viết: 6,0 điểm.

**3. Ngữ liệu đề kiểm tra:** Tránh dùng các văn bản đã học trong sách giáo khoa; có nguồn dẫn xác thực, tin cậy; có chủ thích, chú giải các từ cổ, thuật ngữ, điển tích, điển cố, một số thông tin cần thiết về tác giả; không vi phạm các quy định về đạo đức, văn hoá, pháp luật,...

- Tổng độ dài của các ngữ liệu trong đề kiểm tra không quá 700 chữ; trong trường hợp ngữ liệu (văn bản truyện) có dung lượng vượt quy định, cần tóm tắt phần lược bỏ để HS hiểu đúng văn bản trong tính chỉnh thể.

**4. Tham khảo đề kiểm tra, đánh giá cuối học kì II, lớp 9 (sách *Cánh Diều* )****4.1. Ma trận đề**

| TT           | Phần     | Nội dung / đơn vị kiến thức                                                                      | Mức độ đánh giá |      |          |         |      |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ %<br>điểm |
|--------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------|----------|---------|------|----------|------|------|----------|-----------------|
|              |          |                                                                                                  | TN tự luận      |      |          | Tự luận |      |          |      |      |          |                 |
|              |          |                                                                                                  | Trả lời ngắn    |      |          |         |      |          |      |      |          |                 |
|              |          |                                                                                                  | Biết            | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |                 |
| I            | Đọc hiểu | 1. Thơ tám chữ và thơ tự do<br>2. Văn bản thông tin giới thiệu một di tích lịch sử<br>3. Bi kịch | 20              |      | 10       |         |      |          | 20   | 10   | 10       | 40              |
|              |          | 4. Tiếng Việt: kiến thức trong chương trình Ngữ văn lớp 9.                                       |                 | 10   |          |         |      |          |      |      |          |                 |
| II           | Viết     | 1. Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.                                   |                 |      |          | 20      | 20   | 20       | 20   | 20   | 20       | 60              |
| Tổng số câu  |          |                                                                                                  | 4               | 1    | 1        |         |      | 1*       | 4    | 1    | 2        | 7               |
| Tổng số điểm |          |                                                                                                  | 2,0             | 1,0  | 1,0      | 2,0     | 2,0  | 2,0      |      |      |          | 10,0            |
| Tỉ lệ %      |          |                                                                                                  | 20              | 10   | 10       | 20      | 20   | 20       | 40   | 30   | 30       | 100             |

### 4.3. Đặc tả đề tham khảo

| TT | Phần     | Nội dung / đơn vị kiến thức                         | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |         |      |          |
|----|----------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----------|---------|------|----------|
|    |          |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | TN tự luận                       |      |          | Tự luận |      |          |
|    |          |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Trả lời ngắn                     |      |          |         |      |          |
|    |          |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
| I  | Đọc hiểu | 1. Văn bản thông tin giới thiệu một di tích lịch sử | <b>Biết:</b><br>- Nhận biết được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một di tích lịch sử - văn hóa (nhan đề sa pô, hình ảnh, các chi tiết, thông tin cơ bản trong văn bản).<br>- Biết được cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu...<br>- Nhận biết các phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản.<br><b>Hiểu:</b><br>- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; giải thích được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.<br>- Phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một di tích lịch sử; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.<br>- Phân tích được tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu...<br><b>Vận dụng:</b><br>- Phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ...) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản.<br>- Liên hệ, vận dụng được những điều đã học từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống. | 4                                |      | 1        |         |      |          |
|    |          | 2. Tiếng Việt: kiến thức trong                      | <b>Hiểu</b><br>Phân tích được cấu tạo ngữ pháp của câu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                  | 1    |          |         |      |          |

| TT           | Phần | Nội dung / đơn vị kiến thức                                    | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |         |      |          |
|--------------|------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----------|---------|------|----------|
|              |      |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | TN tự luận                       |      |          | Tự luận |      |          |
|              |      |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Trả lời ngắn                     |      |          |         |      |          |
|              |      |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
|              |      | chương trình Ngữ văn lớp 9.                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                  |      |          |         |      |          |
| II           | Viết | 1. Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết. | - <b>Biết:</b> Nhận diện kiểu bài, nội dung, vấn đề. Đảm bảo nguyên tắc trình bày (bố cục, chính tả, chữ viết).<br>- <b>Hiểu:</b> Trình bày rõ vấn đề. Xây dựng hệ thống luận điểm; lí lẽ xác đáng, thuyết phục; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp. Dùng từ, viết câu đúng chuẩn.<br>- <b>Vận dụng:</b> Thực hiện đúng yêu cầu của kiểu bài (bố cục, biết lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận...). Trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. Kết nối nội dung, vấn đề với cá nhân, rút ra thông điệp (suy nghĩ sâu sắc). Có phát hiện, ý tưởng riêng, mới mẻ/ cách diễn đạt, trình bày độc đáo. |                                  |      |          | 1*      | 1*   | 1*       |
| Tổng số câu  |      |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4                                | 1    | 1        |         |      | 1        |
| Tổng số điểm |      |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4,0                              |      |          | 6,0     |      |          |
| Tỉ lệ %      |      |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 40                               |      |          | 60      |      |          |

### 4.3 Đề tham khảo:

## ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

**Môn:** Ngữ văn 9

**Ngày kiểm tra:** .../.../2025

**Thời gian làm bài:** 90 phút

### I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi/thực hiện yêu cầu:

#### CHIÊM NGƯỠNG DI SẢN VĂN MIẾU QUỐC TỬ GIÁM - HÒN THIÊNG DÂN TỘC

Nhắc đến những công trình kiến trúc độc đáo của Hà Nội không thể không nhắc đến Văn Miếu - Quốc Tử Giám (toạ lạc tại số 58 Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội). Trải qua hơn 1.000 năm với những biến thiên của lịch sử, Văn Miếu vẫn vẹn toàn được nét cổ kính, tôn nghiêm.

(1) Văn Miếu - Quốc Tử Giám là một quần thể kiến trúc ấn tượng được xây dựng từ thời nhà Lý. Với bề dày lịch sử cùng với nét kiến trúc cổ độc đáo, Văn Miếu - Quốc Tử Giám được xem là một trong những di sản đặc biệt của quốc gia. Khu di tích này cũng là một trong những điểm du lịch Hà Nội nổi tiếng được du khách gần xa mến mộ. Cũng giống như nhiều công trình khác, Văn Miếu - Quốc Tử Giám trải qua nhiều triều đại với những hưng thịnh, tàn suy cùng nhiều lần tu tạo, đổi tên mới có vị trí và không gian kiến trúc như hiện tại. Văn Miếu - Quốc Tử Giám không chỉ là một minh chứng lịch sử mà còn trở thành một biểu tượng văn hoá của Việt Nam.

(2) Lối kiến trúc phương Đông với sự ảnh hưởng đậm đặc của Nho - Phật giáo thể hiện rõ nét trong từng chi tiết của không gian. Từ chất liệu (chủ yếu là gỗ lim, gạch nung và ngói mũi hài...) cho đến những lớp ngói, hoa văn đều được trang trí một cách tỉ mỉ và sang trọng. Văn Miếu - Quốc Tử Giám được biết đến là trường đại học đầu tiên của khu vực Đông Nam Á xây dựng tại kinh thành Thăng Long xưa, đây là nơi hội tụ những giá trị văn hoá, lịch sử của dân tộc.





*Di sản Văn Miếu Quốc Tử Giám*

(3) Văn Miếu được xây dựng vào năm 1070 (đời vua Lý Thánh Tông) là nơi thờ các thánh hiền đạo nho (Khổng Tử, Mạnh Tử...). Năm 1076, Lý Nhân Tông lập thêm Quốc Tử Giám ở phía sau, ban đầu là nơi học của các hoàng tử, sau mở rộng thu nhận cả những học trò giỏi trong thiên hạ. Đến đời Vua Trần Minh Tông (1314 - 1329), nhà giáo Chu Văn An được cử làm quan Quốc Tử Giám Tư nghiệp (Hiệu trưởng) và thầy dạy trực tiếp cho các hoàng tử. Năm 1370, sau khi ông mất, vua Trần Nghệ Tông đã cho thờ ở Văn Miếu bên cạnh Khổng Tử. Năm 2010, 82 bia đá các khoa thi tiến sĩ triều Hậu Lê và Mạc ở Văn Miếu Quốc Tử Giám - địa điểm du lịch Hà Nội duy nhất được công nhận là Di sản tư liệu thế giới thuộc Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO.

[...]

(Nam Nguyễn - Di Sản Xanh - **Tạp chí điện tử Văn hóa và Phát triển**

Số ra ngày 25/10/2024)

**Câu 1.** (0,5 điểm) Thông tin trong văn bản được trình bày theo cách nào?

**Câu 2.** (0,5 điểm) Phần Sapo trong văn bản trên cho ta biết điều gì?

**Câu 3.** (0,5 điểm) Xác định một yếu tố phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản.

**Câu 4.** (0,5 điểm) Văn Miếu - Quốc Tử Giám là một quần thể kiến trúc ấn tượng được xây dựng từ thời kì nào?

**Câu 5.** (1,0 điểm) Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn sau:

*Cũng giống như nhiều công trình khác, Văn Miếu - Quốc Tử Giám trải qua nhiều triều đại với những hưng thịnh, tàn suy cùng nhiều lần tu tạo, đổi tên mới có vị trí và không gian kiến trúc như hiện tại.*

**Câu 6.** (1,0 điểm)

Vì sao tác giả cho rằng: “*Văn Miếu - Quốc Tử Giám không chỉ là một minh chứng lịch sử mà còn trở thành một biểu tượng văn hoá của Việt Nam*”.

## **II. VIẾT (6,0 điểm)**

Từ nội dung của văn bản, hãy viết bài văn nghị luận chia sẻ suy nghĩ của em về những việc học sinh cần làm để góp phần giữ gìn và phát huy giá trị của các di tích lịch sử trên quê hương em.

----- HẾT -----

### PHỤ LỤC 03

#### HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN TOÁN CẤP THPT

(Kèm theo Công văn số                      /SGDDĐT-GDPT ngày                      /12/2024 của Sở GDĐT)

#### I. Hình thức, thời gian đề kiểm tra, đánh giá định kì

**1. Thời gian:** 90 phút, đối với trường chuyên thời gian tối đa 120 phút.

#### 2. Hình thức

##### 2.1. Khối 10, Khối 11

- Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, trong đó: tỉ lệ điểm trắc nghiệm là 70%, tỉ lệ điểm tự luận là 30%.

- Phần trắc nghiệm (**7 điểm**) có 3 dạng thức:

+ Dạng trắc nghiệm 04 phương án lựa chọn, chọn 01 phương án đúng (**3 điểm**): 12 câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

+ Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai (**2 điểm**): 02 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 4 ý, tại mỗi ý chọn Đúng hoặc Sai, mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

+ Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn (**2 điểm**): 04 câu hỏi, mỗi câu đưa ra đáp số đúng được 0,5 điểm.

- Phần tự luận (**3 điểm**): 04 câu hỏi.

##### 2.2. Khối 12

- Hình thức trắc nghiệm 100%.

- Phần trắc nghiệm có 3 dạng thức:

+ Dạng trắc nghiệm 04 phương án lựa chọn, chọn 01 phương án đúng (**3 điểm**): 12 câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

+ Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai (**4 điểm**): 04 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 4 ý, tại mỗi ý chọn Đúng hoặc Sai, mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

+ Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn (**3 điểm**): 06 câu hỏi, mỗi câu đưa ra đáp số đúng được 0,5 điểm.

II. Ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì

1. Khối 10, Khối 11

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT           | Chủ đề/Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá        |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ % điểm |
|--------------|---------------|---------------------------|------------------------|------|----------|--------------|------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|------|------|----------|--------------|
|              |               |                           | Trắc nghiệm khách quan |      |          |              |      |          |              |      |          | Tự luận |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           | Nhiều lựa chọn         |      |          | Đúng/Sai     |      |          | Trả lời ngắn |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           | Biết                   | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |              |
| 1            | Chủ đề 1      |                           |                        |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           |                        |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           |                        |      |          | (n)<br>(NL?) |      |          |              |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
| 2            | Chủ đề 2      |                           |                        |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           |                        |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           |                        |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
| ...          | Chủ đề ....   |                           |                        |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
| Tổng số câu  |               |                           |                        |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
| Tổng số điểm |               |                           | 3,0                    |      |          | 2,0          |      |          | 2,0          |      |          | 3,0     |      |          | 4,0  | 3,0  | 3,0      |              |
| Tỉ lệ (%)    |               |                           | 30                     |      |          | 20           |      |          | 20           |      |          | 30      |      |          | 40   | 30   | 30       |              |

2. Khối 12

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT           | Chủ đề/Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá |      |          |              |      |          |              |      |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ % điểm |
|--------------|---------------|---------------------------|-----------------|------|----------|--------------|------|----------|--------------|------|----------|------|------|----------|--------------|
|              |               |                           | Nhiều lựa chọn  |      |          | Đúng/Sai     |      |          | Trả lời ngắn |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           | Biết            | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |              |
| 1            | Chủ đề 1      |                           |                 |      |          |              |      |          |              |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           |                 |      |          |              |      |          |              |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           |                 |      |          | (n)<br>(NL?) |      |          |              |      |          |      |      |          |              |
| 2            | Chủ đề 2      |                           |                 |      |          |              |      |          |              |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           |                 |      |          |              |      |          |              |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           |                 |      |          |              |      |          |              |      |          |      |      |          |              |
| ...          | Chủ đề ....   |                           |                 |      |          |              |      |          |              |      |          |      |      |          |              |
| Tổng số câu  |               |                           |                 |      |          |              |      |          |              |      |          |      |      |          |              |
| Tổng số điểm |               |                           | 3,0             |      |          | 4,0          |      |          | 3,0          |      |          | 4,0  | 3,0  | 3,0      |              |
| Tỉ lệ (%)    |               |                           | 30              |      |          | 40           |      |          | 30           |      |          | 40   | 30   | 30       |              |

III. Đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kì

1. Khối 10, Khối 11

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT           | Chủ đề/Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
|--------------|---------------|---------------------------|-----------------|----------------------------------|------|----------|--------------|------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|
|              |               |                           |                 | Trắc nghiệm khách quan           |      |          |              |      |          |              |      |          | Tự luận |      |          |
|              |               |                           |                 | Nhiều lựa chọn                   |      |          | Đúng/Sai     |      |          | Trả lời ngắn |      |          |         |      |          |
|              |               |                           |                 | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
| 1            | Chủ đề 1      |                           | - Biết...       |                                  |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
|              |               |                           | - Hiểu...       |                                  |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
|              |               |                           | - VD...         |                                  |      |          | (n)<br>(NL?) |      |          |              |      |          |         |      |          |
| 2            | Chủ đề 2      |                           | - Biết...       |                                  |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
|              |               |                           | - Hiểu...       |                                  |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
|              |               |                           | - VD...         |                                  |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
| ...          | Chủ đề ....   |                           |                 |                                  |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
| Tổng số câu  |               |                           |                 |                                  |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
| Tổng số điểm |               |                           |                 | 3,0                              |      |          | 2,0          |      |          | 2,0          |      |          | 3,0     |      |          |
| Tỉ lệ (%)    |               |                           |                 | 30                               |      |          | 20           |      |          | 20           |      |          | 30      |      |          |

2. Khối 12

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT           | Chủ đề/Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |          |              |          |              |      |          |
|--------------|---------------|---------------------------|-----------------|----------------------------------|------|----------|----------|--------------|----------|--------------|------|----------|
|              |               |                           |                 | Nhiều lựa chọn                   |      |          | Đúng/Sai |              |          | Trả lời ngắn |      |          |
|              |               |                           |                 | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết     | Hiểu         | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng |
| 1            | Chủ đề 1      |                           | - Biết...       |                                  |      |          |          |              |          |              |      |          |
|              |               |                           | - Hiểu...       |                                  |      |          |          |              |          |              |      |          |
|              |               |                           | - VD...         |                                  |      |          |          | (n)<br>(NL?) |          |              |      |          |
| 2            | Chủ đề 2      |                           | - Biết...       |                                  |      |          |          |              |          |              |      |          |
|              |               |                           | - Hiểu...       |                                  |      |          |          |              |          |              |      |          |
|              |               |                           | - VD...         |                                  |      |          |          |              |          |              |      |          |
| ...          | Chủ đề ....   |                           |                 |                                  |      |          |          |              |          |              |      |          |
| Tổng số câu  |               |                           |                 |                                  |      |          |          |              |          |              |      |          |
| Tổng số điểm |               |                           |                 | 3,0                              |      |          | 4,0      |              |          | 3,0          |      |          |
| Tỉ lệ (%)    |               |                           |                 | 30                               |      |          | 40       |              |          | 30           |      |          |

*Ghi chú:*

- (n): ghi thứ tự trong câu hỏi Đúng/Sai, ví dụ 1a, 1b, 1c, 1d;
- (NL?): ghi tắt tên của năng lực đã được quy định trong Chương trình môn học.

## PHỤ LỤC 04

### HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN TOÁN CẤP THCS

(Kèm theo Công văn số 4148/SGDDĐT-GDPT ngày 31/12/2024 của Sở GDĐT)

#### I. Hình thức, thời gian đề kiểm tra, đánh giá định kì

1. Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, trong đó: tỉ lệ điểm trắc nghiệm là **30%**, tỉ lệ điểm tự luận là **70%**.

2. Thời gian: **90 phút**.

#### II. Nội dung kiến thức được sử dụng trong kiểm tra, đánh giá và ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT

1. Học sinh được sử dụng Định nghĩa, Khái niệm, Định lí, Kiến thức trọng tâm, Đọc hiểu - Nghe hiểu, Nhận xét, Ghi chú, Chú ý, Lưu ý, những kết luận của Vuông, Tròn, Pi trong phần lý thuyết và phần Em có biết, Tìm tòi - Mở rộng, Đọc thêm của các bộ sách giáo khoa môn Toán cấp THCS được phê duyệt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Trong quá trình lập luận, biến đổi, giải phương trình, bất phương trình, ... học sinh có thể sử dụng dấu suy ra “ $\Rightarrow$ ”, dấu tương đương “ $\Leftrightarrow$ ” hoặc không sử dụng, nếu làm đúng, đều cho điểm tối đa.

3. Các bất đẳng thức:

a) Với hai số thực  $a, b$  bất kì thì

$$a^2 + b^2 \geq 2ab; ab \leq \frac{(a+b)^2}{4}; (a+b)^2 \leq 2(a^2 + b^2).$$

b) Bất đẳng thức AM-GM (bất đẳng thức Cauchy):

Với hai số thực không âm  $a, b$  thì  $\frac{a+b}{2} \geq \sqrt{ab}$ . Dấu bằng xảy ra khi  $a = b \geq 0$ .

4. Hệ thức lượng trong tam giác vuông: Cho tam giác  $ABC$  vuông tại  $A$  đường cao  $AH$ , ta có:

a)  $AB^2 = BH.BC$  và  $AC^2 = CH.CB$ ;

b)  $HB.HC = HA^2$ ;

c)  $AB.AC = AH.BC$ ;

d)  $\frac{1}{AH^2} = \frac{1}{AB^2} + \frac{1}{AC^2}$ .

5. Với góc nhọn  $x$  bất kỳ ta có:

a)  $\tan x = \frac{\sin x}{\cos x}, \cot x = \frac{\cos x}{\sin x};$

b)  $\sin^2 x + \cos^2 x = 1;$

c)  $\tan x \cdot \cot x = 1;$

d)  $1 + \tan^2 x = \frac{1}{\cos^2 x}; 1 + \cot^2 x = \frac{1}{\sin^2 x}.$

6. Đường tròn:

- Hai cung trên một đường tròn gọi là bằng nhau nếu chúng có cùng số đo.
- Đường kính vuông góc với một dây thì đi qua trung điểm của dây ấy.
- Đường kính đi qua trung điểm của một dây không đi qua tâm thì vuông góc với dây ấy.
- Đường kính vuông góc với dây cung  $AB$  thì đi qua điểm chính giữa của cung  $AB$  và ngược lại.

7. Quan hệ song song, vuông góc:

- Hai đường thẳng cắt nhau và trong các góc tạo thành có một góc vuông được gọi là hai đường thẳng vuông góc với nhau.
- Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với đường thẳng thứ ba thì song song với nhau.
- Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.
- Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó sẽ vuông góc với đường thẳng còn lại.
- Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì hai góc trong cùng phía bù nhau và ngược lại.

8. Các vấn đề liên quan đến tam giác:

- Cho tam giác  $ABC$  cân tại  $A$ , khi đó đường trung tuyến, đường cao, đường phân giác xuất phát từ đỉnh  $A$  là trùng nhau. Ngược lại, nếu trong một tam giác, hai trong ba đường trung tuyến, đường cao, đường phân giác xuất phát từ một đỉnh trùng nhau thì tam giác đó là tam giác cân.

- Định lý Thalès trong tam giác vẫn đúng cho trường hợp đường thẳng song song với một cạnh của tam giác và cắt phần kéo dài của hai cạnh còn lại.

- Hệ quả của định lý Thalès: Nếu một đường thẳng song song với một cạnh của tam giác và cắt hai cạnh còn lại thì nó tạo thành một tam giác mới có ba cạnh tương ứng tỉ lệ với ba cạnh của tam giác đã cho.

- Cho tam giác  $ABC$ , điểm  $D$  thuộc cạnh  $BC$  sao cho  $\frac{DB}{DC} = \frac{AB}{AC}$  khi đó  $AD$  là tia phân giác của  $\widehat{BAC}$ .

- Cho tam giác  $ABC$  có  $AE$  ( $E$  thuộc đường thẳng  $BC$ ) là đường phân giác góc ngoài tại đỉnh  $A$ , khi đó  $\frac{EB}{EC} = \frac{AB}{AC}$ .

#### 9. Các vấn đề liên quan đến hình thang:

- Đường thẳng đi qua trung điểm một cạnh bên của hình thang và song song với cạnh đáy thì đi qua trung điểm của cạnh bên còn lại.

- Đoạn thẳng nối hai trung điểm hai cạnh bên của hình thang thì song song và bằng nửa tổng hai đáy.



## **PHỤ LỤC 05**

### **HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN TIẾNG ANH CẤP THPT**

*(Kèm theo Công văn số            /SGDDT-GDPT ngày    /12/2024 của Sở GDĐT)*

---

#### **I. Hình thức, thời gian đề kiểm tra, đánh giá định kì**

- Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, trong đó: tỉ lệ điểm trắc nghiệm là **70%**, tỉ lệ điểm tự luận là **30%**.
- Thời gian: **60-90** phút, đối với trường chuyên thời gian tối đa **120** phút.
- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

#### **II. Ma trận và đặc tả minh họa đề kiểm tra, đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ 2 lớp 11.**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 – LỚP 11 (MINH HỌA)**

| TT           | KỸ NĂNG   | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá |      |    |                 |      |    |         |      |     | Tổng |      |    | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|--------------|-----------|---------------------------|-----------------|------|----|-----------------|------|----|---------|------|-----|------|------|----|--------------------|
|              |           |                           | TNKQ            |      |    | TNKQ đúng - sai |      |    | Tự luận |      |     |      |      |    |                    |
|              |           |                           | Biết            | Hiểu | VD | Biết            | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD  | Biết | Hiểu | VD |                    |
| 1            | Listening | Listening 1 - T/F         |                 |      |    | 3               | 2    |    |         |      |     |      |      |    | 1.0                |
|              |           | Listening 2 - MCQs        | 3               | 2    |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 1.0                |
| 2            | Language  | Word stress               | 2               |      |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 0.4                |
|              |           | Grammar                   | 4               | 2    |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 1.2                |
|              |           | Vocabulary                | 2               | 2    |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 0.8                |
| 3            | Reading   | Cloze test                | 3               | 2    |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 1.0                |
|              |           | Reading comprehension     | 3               | 5    |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 1.6                |
| 4            | Writing   | Rewrite sentences         |                 |      |    |                 |      |    |         |      | 5   |      |      |    | 1.5                |
|              |           | Writing a paragraph       |                 |      |    |                 |      |    |         |      | 1   |      |      |    | 1.5                |
| Tổng số câu  |           |                           | 17              | 13   |    | 3               | 2    |    |         |      | 6   |      |      |    | 41                 |
| Tổng số điểm |           |                           | 3.4             | 2.6  |    | 0.6             | 0.4  |    |         |      | 3.0 |      |      |    | 10.0               |
| Tỉ lệ %      |           |                           | 60              |      |    | 10              |      |    | 30      |      |     | 60   | 10   | 30 | 100                |

**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT BÀI KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 – LỚP 11 (MINH HỌA)**

| TT  | KĨ NĂNG                                                                                                        | Nội dung/đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                                                                    | Yêu cầu cần đạt<br>(Đã được tách ra theo các mức độ)                                                                                                        | Số lượng câu hỏi ở các mức độ |         |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                             | Trắc nghiệm                   | Tự luận |
|     |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                             | Nhiều lựa chọn                |         |
| (1) | (2)                                                                                                            | (3)                                                                                                                                                                                                                                                          | (4)                                                                                                                                                         | (5)                           | (8)     |
| 1   | <b>LISTENING</b><br><br><b>Cần đảm bảo kiểm tra cả hội thoại và đọc thoại trong kiểm tra kỹ năng nghe hiểu</b> | Nghe một đoạn hội thoại/ đọc thoại khoảng 3 phút (khoảng 180-200 từ) liên quan chủ đề về preserving our heritage, education options for school-leavers, becoming independent, để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề.<br><b>TRUE/ FALSE</b> | - <b>Nhận biết</b><br>Nghe và chọn thông tin đúng, sai trong đoạn một đoạn hội thoại/ đọc thoại có liên quan đến các chủ đề về healthy life.                | 3                             |         |
|     |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                              | - <b>Thông hiểu:</b><br>Nghe và hiểu thông tin đúng trong đoạn một đoạn hội thoại/ đọc thoại để chọn thông tin có liên quan đến các chủ đề về healthy life. | 2                             |         |
|     |                                                                                                                | Nghe một đoạn hội thoại/ đọc thoại trong khoảng 3 phút (khoảng 180 – 200 từ, chủ đề về preserving our heritage, education options for school-leavers, becoming independent để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề.<br><b>MCQs</b>           | - <b>Nhận biết:</b><br>Nghe lấy thông tin chi tiết                                                                                                          | 3                             |         |
|     |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                              | - <b>Thông hiểu:</b><br>Hiểu nội dung chính của đoạn đọc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng.                                                          | 2                             |         |
|     |                                                                                                                | <b>Word stress</b>                                                                                                                                                                                                                                           | Nhận biết:<br>- Trọng âm của từ 2 và 3 âm tiết                                                                                                              | 2                             |         |

| TT | KĨ NĂNG  | Nội dung/đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                                                                | Yêu cầu cần đạt<br>(Đã được tách ra theo các mức độ)                                                                                                                              | Số lượng câu hỏi ở các mức độ |         |
|----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                   | Trắc nghiệm                   | Tự luận |
|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                   | Nhiều lựa chọn                |         |
| 2  | LANGUAGE | <b>Vocabulary</b><br>Chủ đề từ unit 6 – unit 8                                                                                                                                                                                                           | <b>Nhận biết:</b><br>Nhận biết được các từ vựng theo chủ đề đã học áp dụng trong câu.                                                                                             | 2                             |         |
|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Thông hiểu:</b><br>- Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học.<br>- Nắm được các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng.             | 2                             |         |
|    |          | <b>Grammar</b><br>Kiểm tra kiến thức ngữ pháp to - infinitive clauses, perfect gerund and perfect participle clauses, cleft sentence                                                                                                                     | - <b>Nhận biết:</b><br>Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học                                                                                                                 | 4                             |         |
|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                          | - <b>Thông hiểu:</b><br>Hiểu và phân biệt các chủ điểm ngữ pháp đã học.                                                                                                           | 2                             |         |
| 3  | READING  | <b>Cloze test</b><br>Đọc một quảng cáo hoặc thông báo khoảng 150-200 từ về một trong các chủ đề preserving our heritage, education options for school-leavers, becoming independent, social issues, the ecosystem chọn đáp án điền vào chỗ trống ((MCQs) | - <b>Nhận biết:</b><br>Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học từ bài 6-8<br>To -infinitive clauses, perfect gerund and perfect participle clauses, cleft sentence, word form. | 3                             |         |
|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                          | - <b>Thông hiểu:</b><br>Đọc và hiểu nghĩa của từ trong ngữ cảnh về các chủ đề đã học, linking words.                                                                              | 2                             |         |
|    |          | <b>Reading comprehension</b><br>Đọc đoạn văn khoảng 220-250 từ về chủ đề preserving our heritage, education options for school-leavers, becoming independent,                                                                                            | <b>Nhận biết:</b><br>- Thông tin chi tiết                                                                                                                                         | 3                             |         |
|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                | 5                             |         |

| TT | KĨ NĂNG | Nội dung/đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                                      | Yêu cầu cần đạt<br>(Đã được tách ra theo các mức độ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số lượng câu hỏi ở các mức độ |         |
|----|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
|    |         |                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Trắc nghiệm                   | Tự luận |
|    |         |                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Nhiều lựa chọn                |         |
|    |         | social issues, the ecosystem chọn câu trả lời đúng                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu ý chính của bài đọc và chọn câu trả lời phù hợp.</li> <li>- Hiểu được nghĩa tham chiếu.</li> <li>- Loại trừ các chi tiết để đưa ra câu trả lời phù hợp</li> <li>- Câu hỏi về thông tin theo đoạn văn</li> <li>- Hiểu được nghĩa của từ trong văn cảnh: opposite/ closest meaning,</li> <li>- Xác định vị trí của câu trong đoạn văn</li> <li>- Xác định thông tin nằm ở đoạn văn nào</li> </ul> |                               |         |
| 4  | WRITING | <b>Rewrite sentences</b><br>Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi liên quan kiến thức pháp to -infinitive clauses, perfect gerund and perfect participle clauses, cleft sentence<br>(tích hợp kiểm tra kiến thức ngôn ngữ) | <b>- Vận dụng:</b><br>- Phân tích đề bài, vận dụng các kiến thức đã học để viết lại các câu mới đúng cấu trúc ngữ pháp, nghĩa không thay đổi so với câu đã cho                                                                                                                                                                                                                                                                                |                               | 5       |
|    |         | <b>Writing a leaflet/ a request letter/ an article</b>                                                                                                                                                                         | Viết được 1 tờ rơi/một lá thư yêu cầu/ một bài báo khoảng ( 130 -150 từ) về chủ điểm đã học. (preserving our heritage, education options for school-leavers,)                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                               | 1       |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2 – LỚP 11 (MINH HỌA)**

| TT           | KỸ NĂNG   | Nội dung/đơn vị kiến thức                                          | Mức độ đánh giá |      |    |                 |      |    |         |      |     | Tổng |      |    | Tỉ lệ %<br>điểm |
|--------------|-----------|--------------------------------------------------------------------|-----------------|------|----|-----------------|------|----|---------|------|-----|------|------|----|-----------------|
|              |           |                                                                    | TNKQ            |      |    | TNKQ đúng - sai |      |    | Tự luận |      |     |      |      |    |                 |
|              |           |                                                                    | Biết            | Hiểu | VD | Biết            | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD  | Biết | Hiểu | VD |                 |
| 1            | Listening | Listening 1 -T/F                                                   |                 |      |    | 3               | 2    |    |         |      |     |      |      |    | 1.0             |
|              |           | Listening 2 - MCQs                                                 | 3               | 2    |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 1.0             |
| 2            | Language  | Grammar                                                            | 5               | 1    |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 1.2             |
|              |           | Vocabulary                                                         | 2               | 2    |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 0.8             |
| 3            | Reading   | Cloze test                                                         | 3               | 2    |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 1.0             |
|              |           | Reading comprehension                                              | 3               | 4    |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 1.4             |
| 4            | Writing   | Arrangement of the sentences to make a meaningful paragraph/letter | 1               | 2    |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 0.6             |
|              |           | Writing a paragraph                                                |                 |      |    |                 |      |    |         |      | 1   |      |      |    | 1.0             |
| 5            | Speaking  | Topic Unit 6-10                                                    |                 |      |    |                 |      |    |         |      | 2   |      |      |    | 2.0             |
| Tổng số câu  |           |                                                                    | 16              | 14   |    | 3               | 2    |    |         |      | 3   |      |      |    | 38              |
| Tổng số điểm |           |                                                                    | 3.4             | 2.6  |    | 0.6             | 0.4  |    |         |      | 3.0 |      |      |    | 10.0            |
| Tỉ lệ %      |           |                                                                    | 60              |      |    | 10              |      |    | 30      |      |     | 60   | 10   | 30 | 100             |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT BÀI KIỂM TRA CUỐI KỲ 2 – LỚP 11 (MINH HỌA)**

| TT  | KĨ NĂNG                                                                                                        | Nội dung/đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                                                                                                 | Yêu cầu cần đạt<br>(Đã được tách ra theo các mức độ)                                                                                                        | Số lượng câu hỏi ở các mức độ |         |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                             | Trắc nghiệm                   | Tự luận |
|     |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                             | Nhiều lựa chọn                |         |
| (1) | (2)                                                                                                            | (3)                                                                                                                                                                                                                                                                                       | (4)                                                                                                                                                         | (5)                           | (8)     |
| 1   | <b>LISTENING</b><br><br><b>Cần đảm bảo kiểm tra cả hội thoại và độc thoại trong kiểm tra kỹ năng nghe hiểu</b> | Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại khoảng 3 phút (khoảng 180-230 từ) liên quan chủ đề về preserving our heritage, education options for school-leavers, becoming independent, social issues, the ecosystem để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề.<br><b>TRUE/ FALSE</b> | - <b>Nhận biết</b><br>Nghe và chọn thông tin đúng, sai trong đoạn một đoạn hội thoại/ độc thoại có liên quan đến các chủ đề về healthy life.                | 3                             |         |
|     |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                           | - <b>Thông hiểu:</b><br>Nghe và hiểu thông tin đúng trong đoạn một đoạn hội thoại/ độc thoại để chọn thông tin có liên quan đến các chủ đề về healthy life. | 2                             |         |
|     |                                                                                                                | Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại trong khoảng 3 phút (khoảng 180 – 230 từ, chủ đề về preserving our heritage, education options for school-leavers, becoming independent, social issues, the ecosystem để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề.                         | - <b>Nhận biết:</b><br>Nghe lấy thông tin chi tiết                                                                                                          | 3                             |         |
|     |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                           | - <b>Thông hiểu:</b><br>Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng.                                                          | 2                             |         |

| TT | KĨ NĂNG  | Nội dung/đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                                                                | Yêu cầu cần đạt<br>(Đã được tách ra theo các mức độ)                                                                                                                            | Số lượng câu hỏi ở các mức độ |         |
|----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                 | Trắc nghiệm                   | Tự luận |
|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                 | Nhiều lựa chọn                |         |
|    |          | MCQs                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                 |                               |         |
| 2  | LANGUAGE | <b>Vocabulary</b><br>Chủ đề từ unit 6 – unit 10                                                                                                                                                                                                          | <b>Nhận biết:</b><br>Nhận biết được các từ vựng theo chủ đề đã học áp dụng trong câu.                                                                                           | 2                             |         |
|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Thông hiểu:</b><br>- Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học.<br>- Nắm được các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng.           | 2                             |         |
|    |          | <b>Grammar</b><br>Kiểm tra kiến thức ngữ pháp to -infinitive clauses, perfect gerund and perfect participle clauses, cleft sentence, linking words and phrases, compound nouns                                                                           | - <b>Nhận biết:</b><br>Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học                                                                                                               | 4                             |         |
|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                          | - <b>Thông hiểu:</b><br>Hiểu và phân biệt các chủ điểm ngữ pháp đã học.                                                                                                         | 2                             |         |
| 3  | READING  | <b>Cloze test</b><br>Đọc một quảng cáo hoặc thông báo khoảng 150-200 từ về một trong các chủ đề preserving our heritage, education options for school-leavers, becoming independent, social issues, the ecosystem chọn đáp án điền vào chỗ trống ((MCQs) | - <b>Nhận biết:</b><br>Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học từ bài 6-10 To -infinitive clauses, perfect gerund and perfect participle clauses, cleft sentence, word form. | 3                             |         |
|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                          | - <b>Thông hiểu:</b><br>Đọc và hiểu nghĩa của từ trong ngữ cảnh về các chủ đề đã học, linking words and phrases hoặc compound nouns.                                            | 2                             |         |



| TT | KĨ NĂNG  | Nội dung/đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                        | Yêu cầu cần đạt<br>(Đã được tách ra theo các mức độ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Số lượng câu hỏi ở các mức độ |         |
|----|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
|    |          |                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Trắc nghiệm                   | Tự luận |
|    |          |                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Nhiều lựa chọn                |         |
|    |          |                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                               |         |
|    |          | <b>Reading comprehension</b><br>Đọc đoạn văn khoảng 250-280 từ về chủ đề preserving our heritage, education options for school-leavers, becoming independent, social issues, the ecosystem chọn câu trả lời đúng | <b>Nhận biết:</b><br>- Thông tin chi tiết<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Hiểu ý chính của bài đọc và chọn câu trả lời phù hợp.<br>- Hiểu được nghĩa tham chiếu.<br>- Loại trừ các chi tiết để đưa ra câu trả lời phù hợp<br>- Câu hỏi về thông tin theo đoạn văn<br>- Hiểu được nghĩa của từ trong văn cảnh: opposite/ closest meaning,<br>- Xác định vị trí của câu trong đoạn văn<br>- Xác định thông tin nằm ở đoạn văn nào | 3                             |         |
|    |          |                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4                             |         |
| 4  | WRITING  | <b>Arrangement of the sentences to make a meaningful letter/ paragraph</b>                                                                                                                                       | - <b>Nhận biết:</b><br>Nhận biết được cấu trúc, nội dung của 1 lá thư, 1 đoạn văn để chọn phương án đúng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1                             |         |
|    |          |                                                                                                                                                                                                                  | - <b>Thông hiểu:</b><br>Hiểu được cấu trúc, nội dung của 1 lá thư, 1 đoạn văn để chọn phương án đúng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2                             |         |
|    |          | <b>Writing a leaflet/ a request letter/ an article/ a proposal/ an opinion essay</b>                                                                                                                             | Viết được 1 tờ rơi/ một lá thư yêu cầu/ một bài báo/ một đề xuất, một bài luận trình bày quan điểm khoảng ( 150 -180 từ) về chủ điểm đã học. (preserving our heritage, education options for school-leavers, becoming independent, social issues, the ecosystem)                                                                                                                                                           |                               | 1       |
| 5  | SPEAKING | Nói về chủ đề liên quan đến các chủ điểm từ bài 6 đến bài 10.                                                                                                                                                    | - <b>Vận dụng:</b><br><br>+ Sử dụng từ vựng và cấu trúc linh hoạt, diễn tả được nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                               | 2       |

| TT | KĨ NĂNG | Nội dung/đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt<br>(Đã được tách ra theo các mức độ)                                                                                                                                                                                | Số lượng câu hỏi ở các mức độ |         |
|----|---------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
|    |         |                           |                                                                                                                                                                                                                                     | Trắc nghiệm                   | Tự luận |
|    |         |                           |                                                                                                                                                                                                                                     | Nhiều lựa chọn                |         |
|    |         |                           | cần nói theo những cách khác nhau. Phát âm tương đối chuẩn.<br><br>+ Hiểu, đặt câu hỏi và trả lời được câu hỏi một cách linh hoạt (của giám khảo hoặc của thành viên trong nhóm). Sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên và thuần thực. |                               |         |

## **PHỤ LỤC 06**

### **HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN TIẾNG ANH CẤP THCS**

*(Kèm theo Công văn số            /SGDDĐT-GDPT ngày    /12/2024 của Sở GDĐT)*

---

#### **I. Hình thức, thời gian đề kiểm tra, đánh giá định kì**

- Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, trong đó: tỉ lệ điểm trắc nghiệm là **70%**, tỉ lệ điểm tự luận là **30%**.
- Thời gian: **60-90** phút.

#### **II. Ma trận và đặc tả minh họa**

**(Kiểm tra giữa học kì 1, lớp 6, SGK Global Success)**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 – LỚP 6**

| TT           | KỸ NĂNG   | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá |      |    |                 |      |    |         |      |     | Tổng |      |    | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|--------------|-----------|---------------------------|-----------------|------|----|-----------------|------|----|---------|------|-----|------|------|----|--------------------|
|              |           |                           | TNKQ            |      |    | TNKQ đúng - sai |      |    | Tự luận |      |     |      |      |    |                    |
|              |           |                           | Biết            | Hiểu | VD | Biết            | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD  | Biết | Hiểu | VD |                    |
| 1            | Listening | Listening 1 _T/F          |                 |      |    | 3               | 2    |    |         |      |     |      |      |    | 1.0                |
|              |           | Listening 2 - MCQs        | 3               | 2    |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 1.0                |
| 2            | Language  | Pronunciation             | 2               |      |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 0.4                |
|              |           | Grammar                   | 5               | 3    |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 1.4                |
|              |           | Vocabulary                | 2               | 3    |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 1.0                |
| 3            | Reading   | Cloze test                | 3               | 2    |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 1.0                |
|              |           | Reading comprehension     | 2               | 3    |    |                 |      |    |         |      |     |      |      |    | 1.6                |
| 4            | Writing   | Sentence Transformation   |                 |      |    |                 |      |    |         |      | 5   |      |      |    | 1.5                |
|              |           | Sentence building         |                 |      |    |                 |      |    |         |      | 5   |      |      |    | 1.5                |
| Tổng số câu  |           |                           | 17              | 13   |    | 3               | 2    |    |         |      | 10  |      |      |    | 45                 |
| Tổng số điểm |           |                           | 3.4             | 2.6  |    | 0.6             | 0.4  |    |         |      | 3.0 |      |      |    | 10.0               |
| Tỉ lệ %      |           |                           | 60              |      |    | 10              |      |    | 30      |      |     | 60   | 10   | 30 | 100                |

**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT BÀI KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 – LỚP 6**

| TT  | KĨ NĂNG   | Nội dung/đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                  | Yêu cầu cần đạt<br>(Đã được tách ra theo các mức độ)                                                                                                   | Số lượng câu hỏi ở các mức độ |         |
|-----|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
|     |           |                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                        | Trắc nghiệm                   | Tự luận |
|     |           |                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                        | Nhiều lựa chọn                |         |
| (1) | (2)       | (3)                                                                                                                                                                                        | (4)                                                                                                                                                    | (5)                           | (8)     |
| 1   | LISTENING | Nghe một đoạn hội thoại/ đọc thoại khoảng 1-1,5 liên quan chủ đề về my friends, my home, my school, để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề.<br><b>TRUE/ FALSE</b>         | - <b>Nhận biết</b><br>Nghe và chọn thông tin đúng, sai trong đoạn một đoạn hội thoại/ đọc thoại có liên quan đến các chủ đề từ Unit 1-3                | 3                             |         |
|     |           |                                                                                                                                                                                            | - <b>Thông hiểu:</b><br>Nghe và hiểu thông tin đúng trong đoạn một đoạn hội thoại/ đọc thoại để chọn thông tin có liên quan đến các chủ đề từ Uit 1-3. | 2                             |         |
|     |           | Nghe một đoạn hội thoại/ đọc thoại khoảng 1 -1,5 phút, chủ đề về my friends, my home, my school để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề.<br><b>MCQs</b>                    | - <b>Nhận biết:</b><br>Nghe lấy thông tin chi tiết                                                                                                     | 3                             |         |
|     |           |                                                                                                                                                                                            | - <b>Thông hiểu:</b><br>Hiểu nội dung chính của đoạn đọc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng.                                                     | 2                             |         |
| 2   | LANGUAGE  | <b>Pronunciation</b>                                                                                                                                                                       | Nhận biết các âm: /a/, /ʌ/ /s/, /z/, /b/, /p/                                                                                                          | 2                             |         |
|     |           | <b>Vocabluary:</b><br>Chủ đề: my school, my home, my friends (đồ dùng học tập, các loại nhà, các phòng trong ngôi nhà, nội thất, bộ phận cơ thể, tính từ miêu tả tích cách, ngoại hình...) | <b>Nhận biết:</b><br>Nhận biết được các từ vựng theo chủ đề đã học áp dụng trong câu.                                                                  | 2                             |         |
|     |           |                                                                                                                                                                                            | <b>Thông hiểu:</b><br>- Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học.                                                                         | 3                             |         |
|     |           | <b>Grammar:</b> Kiểm tra kiến thức ngữ pháp: present simple, adverbs of prequency, present                                                                                                 | - <b>Nhận biết:</b><br>Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học                                                                                      | 5                             |         |
|     |           |                                                                                                                                                                                            | - <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                   | 3                             |         |

| TT | KĨ NĂNG | Nội dung/đơn vị kiến thức                                                                                                | Yêu cầu cần đạt<br>(Đã được tách ra theo các mức độ)                                                                                                        | Số lượng câu hỏi ở các mức độ |         |
|----|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
|    |         |                                                                                                                          |                                                                                                                                                             | Trắc nghiệm                   | Tự luận |
|    |         |                                                                                                                          |                                                                                                                                                             | Nhiều lựa chọn                |         |
|    |         | continuous, possessive case, prepositions of places                                                                      | Hiểu và phân biệt các chủ điểm ngữ pháp đã học.                                                                                                             |                               |         |
| 3  | READING | <b>Cloze text</b><br>Đọc một đoạn văn khoảng 50 – 80 từ chủ đề từ Unit 1-3 và các chọn đáp án điền vào chỗ trống ((MCQs) | <b>- Nhận biết:</b><br>Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học từ bài 1-3                                                                                | 3                             |         |
|    |         |                                                                                                                          | <b>- Thông hiểu:</b><br>Đọc và hiểu nghĩa của từ trong ngữ cảnh về các chủ đề đã học                                                                        | 2                             |         |
|    |         | <b>Reading comprehension MCQs</b><br>Đọc một đoạn văn khoảng 80-100 từ chủ đề từ Unit 1 -3 để chọn phương án đúng        | <b>Nhận biết:</b><br>- Thông tin chi tiết                                                                                                                   | 2                             |         |
|    |         |                                                                                                                          | <b>Thông hiểu:</b><br>Hiểu nội dung bài đọc để đưa ra phương án lựa chọn đúng                                                                               | 3                             |         |
| 4  | WRITING | <b>Sentence Transformation</b>                                                                                           | <b>Vận dụng</b><br>- Phân tích đề bài, vận dụng các kiến thức đã học để viết lại các câu mới đúng cấu trúc ngữ pháp, nghĩa không thay đổi so với câu đã cho |                               | 5       |
|    |         | <b>Sentence Building</b>                                                                                                 | <b>Vận dụng</b><br>Phân tích đề bài, vận dụng các kiến thức đã học để viết các câu đúng cấu trúc ngữ pháp.                                                  |                               | 5       |

**PHỤ LỤC 07**  
**HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN TIN HỌC CẤP THPT**  
(Kèm theo Công văn số                      /SGDDT-GDPT ngày            /12/2024 của Sở GDĐT)

**I. Hình thức, thời gian đề kiểm tra, đánh giá định kì**

**1. Thời gian:** 45 phút, đối với trường chuyên tối đa 120 phút.

**2. Hình thức:** Thông qua bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy vi tính. Căn cứ đối tượng học, điều kiện của từng đơn vị có thể áp dụng linh hoạt hình thức kiểm tra.

**2.1. Khối 10, Khối 11: Chọn một trong hai hình thức sau**

**a) Hình thức trắc nghiệm 100%**

- Dạng trắc nghiệm 04 phương án chọn, chọn 01 phương án đúng (**6 điểm**): 24 câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.
- Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai (**4 điểm**): 04 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 4 ý, tại mỗi ý chọn Đúng hoặc Sai, mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

**b) Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận**

- Dạng trắc nghiệm 04 phương án chọn, chọn 01 phương án đúng (**6 điểm**): 24 câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.
- Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai (**2 điểm**): 02 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 4 ý, tại mỗi ý chọn Đúng hoặc Sai, mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.
- Tự luận/thực hành (**2 điểm**): từ 01 đến 02 câu hỏi.

**2.2. Khối 12: Trắc nghiệm 100%**

- Dạng trắc nghiệm 04 phương án chọn, chọn 01 phương án đúng (**6 điểm**): 24 câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.
- Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai (**4 điểm**): 04 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 4 ý, tại mỗi ý chọn Đúng hoặc Sai, mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

## II. Ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì tham khảo

### 1. Khối 10, Khối 11

#### a) Hình thức trắc nghiệm 100%

#### MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT           | Chủ đề      | Nội dung | Mức độ đánh giá |      |          |          |      |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ % điểm |
|--------------|-------------|----------|-----------------|------|----------|----------|------|----------|------|------|----------|--------------|
|              |             |          | Trắc nghiệm     |      |          |          |      |          | Biết | Hiểu | Vận dụng |              |
|              |             |          | Nhiều lựa chọn  |      |          | Đúng/Sai |      |          |      |      |          |              |
|              |             |          | Biết            | Hiểu | Vận dụng | Biết     | Hiểu | Vận dụng |      |      |          |              |
| 1            | Chủ đề 1    |          |                 |      |          |          |      |          |      |      |          |              |
|              |             |          |                 |      |          |          |      |          |      |      |          |              |
|              |             |          |                 |      |          |          |      |          |      |      |          |              |
| 2            | Chủ đề 2    |          |                 |      |          |          |      |          |      |      |          |              |
|              |             |          |                 |      |          |          |      |          |      |      |          |              |
|              |             |          |                 |      |          |          |      |          |      |      |          |              |
| ...          | Chủ đề .... |          |                 |      |          |          |      |          |      |      |          |              |
| Tổng số câu  |             |          |                 |      |          |          |      |          |      |      |          |              |
| Tổng số điểm |             |          | 6,0             |      |          | 4,0      |      |          | 4,0  | 3,0  | 3,0      |              |
| Tỉ lệ %      |             |          | 60              |      |          | 40       |      |          | 40   | 30   | 30       |              |



**b) Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

| TT           | Chủ đề     | Nội dung | Mức độ đánh giá |      |          |          |      |          |                    |      |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ<br>% điểm |
|--------------|------------|----------|-----------------|------|----------|----------|------|----------|--------------------|------|----------|------|------|----------|-----------------|
|              |            |          | Trắc nghiệm     |      |          |          |      |          | Tự luận/ Thực hành |      |          |      |      |          |                 |
|              |            |          | Nhiều lựa chọn  |      |          | Đúng/Sai |      |          |                    |      |          |      |      |          |                 |
|              |            |          | Biết            | Hiểu | Vận dụng | Biết     | Hiểu | Vận dụng | Biết               | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |                 |
| 1            | Chủ đề 1   |          |                 |      |          |          |      |          |                    |      |          |      |      |          |                 |
|              |            |          |                 |      |          |          |      |          |                    |      |          |      |      |          |                 |
|              |            |          |                 |      |          |          |      |          |                    |      |          |      |      |          |                 |
| 2            | Chủ đề 2   |          |                 |      |          |          |      |          |                    |      |          |      |      |          |                 |
|              |            |          |                 |      |          |          |      |          |                    |      |          |      |      |          |                 |
|              |            |          |                 |      |          |          |      |          |                    |      |          |      |      |          |                 |
| ...          | Chủ đề ... |          |                 |      |          |          |      |          |                    |      |          |      |      |          |                 |
| Tổng số câu  |            |          |                 |      |          |          |      |          |                    |      |          |      |      |          |                 |
| Tổng số điểm |            |          | 6,0             |      |          | 2,0      |      |          | 2,0                |      |          | 4,0  | 3,0  | 3,0      |                 |
| Tỉ lệ %      |            |          | 60              |      |          | 20       |      |          | 20                 |      |          | 40   | 30   | 30       |                 |

## 2. Môn Tin học khối 12

### MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT           | Chủ đề     | Nội dung | Mức độ đánh giá       |      |          |                 |      |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ %<br>điểm |
|--------------|------------|----------|-----------------------|------|----------|-----------------|------|----------|------|------|----------|-----------------|
|              |            |          | Trắc nghiệm           |      |          |                 |      |          |      |      |          |                 |
|              |            |          | <i>Nhiều lựa chọn</i> |      |          | <i>Đúng/Sai</i> |      |          |      |      |          |                 |
|              |            |          | Biết                  | Hiểu | Vận dụng | Biết            | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |                 |
| 1            | Chủ đề 1   |          |                       |      |          |                 |      |          |      |      |          |                 |
|              |            |          |                       |      |          |                 |      |          |      |      |          |                 |
|              |            |          |                       |      |          |                 |      |          |      |      |          |                 |
| 2            | Chủ đề 2   |          |                       |      |          |                 |      |          |      |      |          |                 |
|              |            |          |                       |      |          |                 |      |          |      |      |          |                 |
|              |            |          |                       |      |          |                 |      |          |      |      |          |                 |
| ...          | Chủ đề ... |          |                       |      |          |                 |      |          |      |      |          |                 |
| Tổng số câu  |            |          |                       |      |          |                 |      |          |      |      |          |                 |
| Tổng số điểm |            |          | 6,0                   |      |          | 4,0             |      |          | 4,0  | 3,0  | 3,0      |                 |
| Tỉ lệ %      |            |          | 60                    |      |          | 40              |      |          | 40   | 30   | 30       |                 |

### III. Đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kì tham khảo

#### 1. Khối 10, Khối 11

##### a) Hình thức trắc nghiệm 100%

#### BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT                  | Chủ đề     | Nội dung   | Yêu cầu cần đạt                           | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |                     |                  |          |
|---------------------|------------|------------|-------------------------------------------|----------------------------------|------|----------|---------------------|------------------|----------|
|                     |            |            |                                           | Trắc nghiệm                      |      |          |                     |                  |          |
|                     |            |            |                                           | <i>Nhiều lựa chọn</i>            |      |          | <i>“Đúng – Sai”</i> |                  |          |
|                     |            |            |                                           | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết                | Hiểu             | Vận dụng |
| 1                   | Chủ đề 1   | Nội dung 1 | - Biết...<br>- Hiểu...<br>- Vận dụng..... |                                  |      |          |                     |                  |          |
|                     |            | Nội dung 2 | - Biết...<br>- Hiểu...<br>- Vận dụng..... |                                  |      |          |                     | (Câu n)<br>(NL?) |          |
|                     |            | .....      | .....                                     |                                  |      |          |                     |                  |          |
| 2                   | Chủ đề 2   |            |                                           |                                  |      |          |                     |                  |          |
|                     |            |            |                                           |                                  |      |          |                     |                  |          |
|                     |            |            |                                           |                                  |      |          |                     |                  |          |
| ...                 | Chủ đề ... | .....      | .....                                     |                                  |      |          |                     |                  |          |
| <b>Tổng số câu</b>  |            |            |                                           |                                  |      |          |                     |                  |          |
| <b>Tổng số điểm</b> |            |            |                                           | 6,0                              |      |          | 4,0                 |                  |          |
| <b>Tỉ lệ %</b>      |            |            |                                           | 60                               |      |          | 40                  |                  |          |

**b) Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận**

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

| TT           | Chủ đề     | Nội dung   | Yêu cầu cần đạt                            | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |          |                  |          |         |      |          |
|--------------|------------|------------|--------------------------------------------|----------------------------------|------|----------|----------|------------------|----------|---------|------|----------|
|              |            |            |                                            | Trắc nghiệm khách quan           |      |          |          |                  |          | Tự luận |      |          |
|              |            |            |                                            | Nhiều lựa chọn                   |      |          | Đúng/Sai |                  |          |         |      |          |
|              |            |            |                                            | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết     | Hiểu             | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
| 1            | Chủ đề 1   | Nội dung 1 | - Biết...<br>- Hiểu....<br>- Vận dụng..... |                                  |      |          |          |                  |          |         |      |          |
|              |            | Nội dung 2 | - Biết...<br>- Hiểu....<br>- Vận dụng..... |                                  |      |          |          | (Câu n)<br>(NL?) |          |         |      |          |
|              |            | .....      | .....                                      |                                  |      |          |          |                  |          |         |      |          |
| 2            | Chủ đề 2   | Nội dung 1 | - Biết...<br>- Hiểu....<br>- Vận dụng..... |                                  |      |          |          |                  |          |         |      |          |
|              |            | Nội dung 2 | - Biết...<br>- Hiểu....<br>- Vận dụng..... |                                  |      |          |          |                  |          |         |      |          |
|              |            |            |                                            |                                  |      |          |          |                  |          |         |      |          |
| ...          | Chủ đề ... | .....      | .....                                      |                                  |      |          |          |                  |          |         |      |          |
| Tổng số câu  |            |            |                                            |                                  |      |          |          |                  |          |         |      |          |
| Tổng số điểm |            |            |                                            | 6,0                              |      |          | 2,0      |                  |          | 2,0     |      |          |
| Tỉ lệ %      |            |            |                                            | 60                               |      |          | 20       |                  |          | 20      |      |          |

### 3. Khối 12

#### BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT                  | Chủ đề     | Nội dung   | Yêu cầu cần đạt                           | Số câu hỏi ở các mức độ nhận thức |      |          |                 |                  |          |
|---------------------|------------|------------|-------------------------------------------|-----------------------------------|------|----------|-----------------|------------------|----------|
|                     |            |            |                                           | Trắc nghiệm khách quan            |      |          |                 |                  |          |
|                     |            |            |                                           | <i>Nhiều lựa chọn</i>             |      |          | <i>Đúng Sai</i> |                  |          |
|                     |            |            |                                           | Biết                              | Hiểu | Vận dụng | Biết            | Hiểu             | Vận dụng |
| 1                   | Chủ đề 1   | Nội dung 1 | - Biết...<br>- Hiểu...<br>- Vận dụng...   |                                   |      |          |                 |                  |          |
|                     |            | Nội dung 2 | - Biết...<br>- Hiểu...<br>- Vận dụng..... |                                   |      |          |                 | (Câu n)<br>(NL?) |          |
|                     |            | .....      | .....                                     |                                   |      |          |                 |                  |          |
| 2                   | Chủ đề 2   |            |                                           |                                   |      |          |                 |                  |          |
|                     |            |            |                                           |                                   |      |          |                 |                  |          |
|                     |            | .....      | .....                                     |                                   |      |          |                 |                  |          |
| ...                 | Chủ đề ... | .....      | .....                                     |                                   |      |          |                 |                  |          |
| <b>Tổng số câu</b>  |            |            |                                           |                                   |      |          |                 |                  |          |
| <b>Tổng số điểm</b> |            |            |                                           | <b>6,0</b>                        |      |          | <b>4,0</b>      |                  |          |
| <b>Tỉ lệ %</b>      |            |            |                                           | <b>60</b>                         |      |          | <b>40</b>       |                  |          |

**PHỤ LỤC 08**  
**HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN TIN HỌC CẤP THCS**  
*(Kèm theo Công văn số                      /SGDDT-GDPT ngày                      /12/2024 của Sở GDĐT)*

**I. Thời gian: 45 phút.**

**II. Ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì tham khảo**

| TT<br>(1)   | Chương/<br>chủ đề<br>(2) | Nội dung/<br>đơn vị kiến thức<br>(3) | Mức độ nhận thức<br>(4-11) |    |            |    |          |    |              |    | Tổng<br>(12) |
|-------------|--------------------------|--------------------------------------|----------------------------|----|------------|----|----------|----|--------------|----|--------------|
|             |                          |                                      | Nhận biết                  |    | Thông hiểu |    | Vận dụng |    | Vận dụng cao |    |              |
|             |                          |                                      | TNKQ                       | TL | TNKQ       | TL | TNKQ     | TL | TNKQ         | TL |              |
| 1           | Chủ đề A                 | Nội dung 1                           |                            |    |            |    |          |    |              |    |              |
|             |                          | Nội dung 2                           |                            |    |            |    |          |    |              |    |              |
|             |                          | ...                                  |                            |    |            |    |          |    |              |    |              |
| 2           | Chủ đề B                 |                                      |                            |    |            |    |          |    |              |    |              |
|             |                          |                                      |                            |    |            |    |          |    |              |    |              |
|             |                          |                                      |                            |    |            |    |          |    |              |    |              |
| 3           | Chủ đề C                 |                                      |                            |    |            |    |          |    |              |    |              |
|             |                          |                                      |                            |    |            |    |          |    |              |    |              |
| Tổng        |                          |                                      |                            |    |            |    |          |    |              |    |              |
| Tỉ lệ %     |                          |                                      | 40%                        |    | 30%        |    | 20%      |    | 10%          |    | 100%         |
| Tỉ lệ chung |                          |                                      | 70%                        |    |            |    | 30%      |    |              |    | 100%         |

*Ghi chú:*

- Cột (2) và cột (3) ghi tên chủ đề như trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học 2018, gồm các chủ đề đã dạy theo kế hoạch giáo dục tính đến thời điểm kiểm tra.
- Cột (12) ghi tổng % số điểm của mỗi chủ đề
- Tỉ lệ % số điểm của các chủ đề tương ứng với tỉ lệ thời lượng dạy học của các chủ đề đó.

- Tỷ lệ các mức độ đánh giá: Nhận biết 40%; Thông hiểu 30%; Vận dụng 20%; Vận dụng cao 10%.
- Tỷ lệ điểm TNKQ 70%, TL 30%.
- Số câu hỏi TNKQ 28 câu: mỗi câu 0,25 điểm; TL 3 câu: mỗi câu 1,0 điểm.

### III. Đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kì tham khảo

| TT          | Chương/<br>Chủ đề | Nội dung/<br>Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá                                                                         | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |               |             |                 |
|-------------|-------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------|-------------|-----------------|
|             |                   |                               |                                                                                         | Nhận<br>biết                     | Thông<br>hiểu | Vận<br>dụng | Vận<br>dụng cao |
| 1           | Chủ đề A          | Nội dung 1                    | Nhận biết<br>- ...<br>Thông hiểu<br>- ...<br>Vận dụng<br>- ...<br>Vận dụng cao<br>- ... |                                  |               |             |                 |
|             |                   | Nội dung 2                    | ...                                                                                     |                                  |               |             |                 |
| 2           | Chủ đề B          |                               |                                                                                         |                                  |               |             |                 |
|             |                   |                               |                                                                                         |                                  |               |             |                 |
| 3           | Chủ đề C          |                               |                                                                                         |                                  |               |             |                 |
|             |                   |                               |                                                                                         |                                  |               |             |                 |
| Tổng        |                   |                               |                                                                                         |                                  |               |             |                 |
| Tỉ lệ %     |                   |                               |                                                                                         | 40%                              | 30%           | 20%         | 10%             |
| Tỉ lệ chung |                   |                               |                                                                                         | 70%                              |               | 30%         |                 |

*Ghi chú:*

- Ở mức độ nhận biết và thông hiểu có thể ra câu hỏi ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (một gạch đầu dòng của mức độ đó);
- Ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể xây dựng câu hỏi vào một trong các đơn vị kiến thức.

**PHỤ LỤC 09**  
**HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN VẬT LÝ CẤP THPT**  
*(Kèm theo Công văn số            /SGDDĐT-GDPT ngày    /12/2024 của Sở GDĐT)*

---

**I. MA TRẬN**

**1. Thời gian làm bài:** 45 phút, đối với trường chuyên tối đa **120** phút.

**2. Hình thức:** Trắc nghiệm 70%, tự luận 30%

**3. Cấu trúc:**

- + Mức độ đề: 40% *Nhận biết*; 30% *Thông hiểu*; 30% *Vận dụng*.
- + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 12 Câu = 3,0 điểm
- + Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu = 8 ý = 2,0 điểm
- + Phần III. Trả lời ngắn: 8 Câu = 2,0 điểm
- + Phần IV. Tự luận: 3 câu = 6 ý = 3 điểm



#### 4. Ma trận tham khảo: Chương Năng lượng, công, công suất (10 tiết)

| TT                | Chương/<br>chủ đề                              | Nội dung/đơn vị<br>kiến thức                          | Mức độ đánh giá           |      |    |                       |      |    |                         |      |    |                    |      |    | Tổng |      |     | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|-------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------|------|----|-----------------------|------|----|-------------------------|------|----|--------------------|------|----|------|------|-----|--------------------|
|                   |                                                |                                                       | TNKQ                      |      |    |                       |      |    |                         |      |    | Phần 4:<br>Tự luận |      |    |      |      |     |                    |
|                   |                                                |                                                       | Phần 1: Nhiều lựa<br>chọn |      |    | Phần 2:<br>Đúng - Sai |      |    | Phần 3:<br>Trả lời ngắn |      |    |                    |      |    |      |      |     |                    |
|                   |                                                |                                                       | Biết                      | Hiểu | VD | Biết                  | Hiểu | VD | Biết                    | Hiểu | VD | Biết               | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD  |                    |
| 1                 | VI.<br>Năng<br>lượng,<br>công,<br>công<br>suất | Năng lượng.<br>Công cơ học (2<br>tiết)                | 3                         |      |    | 2                     | 2    |    |                         | 1    |    |                    | 2    | 2  | 3-5  | 1-5  | 0-2 | 20                 |
|                   |                                                | Công suất (2<br>tiết)                                 | 2                         |      |    |                       |      |    | 1                       | 1    |    |                    |      |    | 2-4  | 1-5  | 1-3 | 20                 |
|                   |                                                | Động năng, thế<br>năng (2 tiết )                      | 2                         |      |    | 2                     | 2    |    |                         | 1    | 1  |                    | 2    | 2  | 2-4  | 1-3  | 1-3 | 20                 |
|                   |                                                | Cơ năng và định<br>luật bảo toàn cơ<br>năng (3 tiết ) | 3                         |      |    |                       |      |    | 1                       | 1    |    |                    |      |    | 3-5  | 1-3  | 1-3 | 30                 |
|                   |                                                | Hiệu suất<br>(1 tiết)                                 | 2                         |      |    |                       |      |    |                         | 1    |    |                    |      |    | 2-4  | 0-2  | 1-3 | 10                 |
| Tổng số câu/ý hỏi |                                                |                                                       | 12                        | 0    |    | 4                     | 4    |    |                         | 4    | 4  |                    | 2    | 4  | 16   | 12   | 6   |                    |
| Tổng số điểm      |                                                |                                                       | 3                         | 0    |    | 2                     |      |    |                         | 1    | 1  |                    | 1    | 2  | 4    | 3    | 3   |                    |
| Tỉ lệ %           |                                                |                                                       | 30                        |      |    | 20                    |      |    | 20                      |      |    | 30                 |      |    | 40   | 30   | 30  |                    |

\* Lưu ý:

- Số lượng câu/ý hỏi ở mỗi cột tính tương đối theo số tiết của mỗi chủ đề;
- Ở các phần 2,3,4 có thể là bài tập/ tình huống bao gồm nhiều yêu cầu cần đạt ở các đơn vị kiến thức liên quan với các mức độ đánh giá khác nhau, do đó số lượng câu/ý hỏi ở mỗi mức độ có thể thay đổi linh động ở phần tổng; miễn sao đảm bảo tỉ lệ số câu/ý hỏi, số điểm theo 2 dòng cuối cùng của ma trận.
- Mức độ đánh giá 40% Biết, 30% Hiểu, 30% vận dụng.

II. BẢN ĐẶC TẢ

Mã hoá liên kết ma trận và đặc tả

| TT                | Chương/<br>chủ đề                              | Nội dung/đơn<br>vị kiến thức                             | Mức độ đánh giá |      |    |            |      |    |              |         |         |         |         |     | Tổng |      |    | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|-------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|------|----|------------|------|----|--------------|---------|---------|---------|---------|-----|------|------|----|--------------------|
|                   |                                                |                                                          | TNKQ            |      |    |            |      |    |              |         |         | Tự luận |         |     |      |      |    |                    |
|                   |                                                |                                                          | Nhiều lựa chọn  |      |    | Đúng - Sai |      |    | Trả lời ngắn |         |         |         |         |     |      |      |    |                    |
|                   |                                                |                                                          | Biết            | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD | Biết         | Hiểu    | VD      | Biết    | Hiểu    | VD  | Biết | Hiểu | VD |                    |
| 1                 | VI.<br>Năng<br>lượng,<br>công,<br>công<br>suất | Năng lượng.<br>Công cơ học (2<br>tiết)                   | 3<br>C1,2,3     |      |    | 2          | 2    |    |              | 1<br>C1 |         | 2<br>B1 | 2<br>B2 | 3-5 | 1-5  |      | 20 |                    |
|                   |                                                | Công suất (2<br>tiết)                                    | 2<br>C4,5       |      |    |            |      |    | 1<br>C2      | 1<br>C5 |         |         |         | 2-4 | 1-5  | 1-3  | 20 |                    |
|                   |                                                | Động năng, thế<br>năng (2 tiết )                         | 2<br>C6,7       |      |    | 2          | 2    |    |              | 1<br>C3 | 1<br>C6 |         | 2<br>B3 | 2-4 | 1-3  | 1-3  | 20 |                    |
|                   |                                                | Cơ năng và<br>định luật bảo<br>toàn cơ năng (3<br>tiết ) | 3<br>C8,9,10    |      |    |            |      |    | 1<br>C4      | 1<br>C7 |         | 3-5     |         | 1-3 | 1-3  | 30   |    |                    |
|                   |                                                | Hiệu suất<br>(1 tiết)                                    | 2<br>C11,12     |      |    |            |      |    |              | 1<br>C8 |         | 2-4     |         | 0-2 | 1-3  | 10   |    |                    |
| Tổng số câu/ý hỏi |                                                |                                                          | 12              | 0    |    | 4          | 4    |    |              | 4       | 4       |         | 2       | 4   | 16   | 12   | 6  |                    |
| Tổng số điểm      |                                                |                                                          | 3               | 0    |    | 2          |      |    |              | 1       | 1       |         | 1       | 2   | 4    | 3    | 3  |                    |
| Tỉ lệ %           |                                                |                                                          | 30              |      |    | 20         |      |    | 20           |         |         | 30      |         |     | 40   | 30   | 30 |                    |

| Chủ đề                               | Đơn vị kiến thức   | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                   | Phần 1         | Phần 2              | Phần 3    | Phần 4            |
|--------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------|-------------------|
| <b>Công, năng lượng và công suất</b> | Công và năng lượng | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                                                 | <b>C1, 2,3</b> | <b>1a/b</b>         |           |                   |
|                                      |                    | - Nêu được biểu thức tính công bằng tích của lực tác dụng và độ dịch chuyển theo phương của lực; nêu được đơn vị đo công là đơn vị đo năng lượng (với $1\text{J} = 1\text{Nm}$ ). |                |                     |           |                   |
|                                      |                    | <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                |                | <b>1c/d</b>         | <b>C1</b> | <b>B1</b>         |
|                                      |                    | - Chứng minh có thể truyền năng lượng từ vật này sang vật khác bằng cách thực hiện công qua ví dụ cụ thể.                                                                         |                |                     |           |                   |
|                                      |                    | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                  |                |                     |           | <b>B2</b>         |
|                                      |                    | - Tính được công trong một số trường hợp đơn giản.                                                                                                                                |                |                     |           |                   |
|                                      |                    | <b>Vận dụng cao:</b>                                                                                                                                                              |                |                     |           |                   |
|                                      |                    | - Thiết kế mô hình đơn giản minh họa được định luật bảo toàn năng lượng, liên quan đến một số dạng năng lượng khác nhau.                                                          |                |                     |           |                   |
|                                      | Công suất          | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                                                 | <b>C4,5</b>    | Hoặc/và <b>1a/b</b> |           |                   |
|                                      |                    | - Nêu được định nghĩa công suất.                                                                                                                                                  |                |                     |           |                   |
|                                      |                    | <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                |                | <b>1c/d</b>         | <b>C2</b> | Hoặc/và <b>B1</b> |
|                                      |                    | - Từ một số tình huống thực tế, thảo luận để nêu được ý nghĩa vật lí và định nghĩa công suất.                                                                                     |                |                     |           |                   |
|                                      |                    | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                  |                |                     | <b>C5</b> |                   |

| Chủ đề | Đơn vị kiến thức      | Mức độ đánh giá                                                                                                                                               | Phần 1  | Phần 2           | Phần 3 | Phần 4               |
|--------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|--------|----------------------|
|        |                       | - Vận dụng được mối liên hệ công suất (hay tốc độ thực hiện công) với tích của lực và vận tốc trong một số tình huống thực tế.                                |         |                  |        | Hoặc/và<br><b>B2</b> |
|        |                       | <b>Vận dụng cao:</b>                                                                                                                                          |         |                  |        |                      |
|        |                       | - Vận dụng được công suất trong tình huống thực tiễn và tình huống mới                                                                                        |         |                  |        |                      |
|        | Động năng và thế năng | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                             | C6,7    | 2 a,b            |        |                      |
|        |                       | - Nêu được công thức tính thế năng trong trường trọng lực đều.                                                                                                |         |                  |        |                      |
|        |                       | - Nêu được khái niệm cơ năng.                                                                                                                                 |         |                  |        |                      |
|        |                       | - Phát biểu được định luật bảo toàn cơ năng.                                                                                                                  |         |                  |        |                      |
|        |                       | <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                            |         | 2 c,d            | C3     |                      |
|        |                       | - Từ phương trình chuyển động thẳng biến đổi đều với vận tốc ban đầu bằng không, rút ra được động năng của vật có giá trị bằng công của lực tác dụng lên vật. |         |                  |        |                      |
|        |                       | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                              |         |                  | C6     | <b>B3</b>            |
|        |                       | - Vận dụng được biểu thức tính động năng trong một số trường hợp đơn giản.                                                                                    |         |                  |        |                      |
|        |                       | - Vận dụng được định luật bảo toàn cơ năng trong một số trường hợp đơn giản.                                                                                  |         |                  |        |                      |
|        | Cơ năng. ĐLBT Cơ năng | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                             | C8,9,10 | Hoặc/và<br>2 a/b |        |                      |
|        |                       | - Nêu được khái niệm cơ năng.                                                                                                                                 |         |                  |        |                      |
|        |                       | - Phát biểu được định luật bảo toàn cơ năng.                                                                                                                  |         |                  |        |                      |

| Chủ đề | Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá                                                              | Phần 1 | Phần 2               | Phần 3 | Phần 4         |
|--------|------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------------|--------|----------------|
|        |                  | <b>Thông hiểu:</b>                                                           |        | <b>Hoặc/và 2 c,d</b> | C4     |                |
|        |                  | - Tính được cơ năng của vật;<br>- Mô tả được đặc điểm của cơ năng.           |        |                      |        |                |
|        |                  | <b>Vận dụng:</b>                                                             |        |                      | C7     | Hoặc <b>B3</b> |
|        |                  | - Vận dụng được định luật bảo toàn cơ năng trong một số trường hợp đơn giản. |        |                      |        |                |
|        | Hiệu suất        | <b>Nhận biết:</b>                                                            | C11,12 | <b>Hoặc/và 2 a/b</b> |        |                |
|        |                  | - Nêu được định nghĩa hiệu suất.                                             |        |                      |        |                |
|        |                  | <b>Thông hiểu:</b>                                                           |        | <b>Hoặc/và 2 c,d</b> |        |                |
|        |                  | - Từ tình huống thực tế, thảo luận để nêu được định nghĩa hiệu suất.         |        |                      |        |                |
|        |                  | <b>Vận dụng:</b>                                                             |        |                      | C8     | Hoặc <b>B3</b> |
|        |                  | - Vận dụng được hiệu suất trong một số trường hợp thực tế.                   |        |                      |        |                |
|        |                  | <b>Vận dụng cao:</b>                                                         |        |                      |        |                |
|        |                  | - Vận dụng được hiệu suất trong tình huống thực tiễn và tình huống mới       |        |                      |        |                |

**PHỤ LỤC 10**  
**HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN HÓA HỌC**  
(Kèm theo Công văn số            /SGDDT-GDPT ngày            /12/2024 của Sở GDĐT)

**I. Hình thức, thời gian đề kiểm tra, đánh giá định kì**

- Thời gian: **45** phút, đối với trường chuyên tối đa **120** phút.
- Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, trong đó: tỉ lệ điểm trắc nghiệm là **70%**, tỉ lệ điểm tự luận là **30%**.

**1.1. Trắc nghiệm**

Đề kiểm tra trắc nghiệm gồm 3 phần.

- + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 12 Câu hỏi = 3,0 điểm, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.
- + Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu hỏi = 8 ý, 2,0 điểm, mỗi câu hỏi có 4 ý, tại mỗi ý chọn Đúng hoặc Sai, mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.
- + Phần III. Trả lời ngắn: 8 Câu hỏi = 2,0 điểm mỗi câu đưa ra đáp số đúng được 0,25 điểm.

**1.2. Tự luận**

- + Phần IV. Tự luận: 3 Câu hỏi = 12 ý = 3,0 điểm, mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

**Phân bố cấp độ tư duy tính theo tổng số lệnh hỏi**

Phù hợp với cảnh dạy học, thời điểm kiểm tra và mục đích đánh giá, nhà trường chủ động xác định % phân bố cấp độ tư duy cần đánh giá trong đề kiểm tra.

Lệnh hỏi Biết: khoảng 40 %; lệnh hỏi Hiểu: khoảng 30 %; lệnh hỏi Vận dụng: khoảng 30 %.

**II. Ma trận, bản đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kì**

### ***a) Xây dựng ma trận đề kiểm tra***

Ma trận đề kiểm tra là một bảng biểu thị cách thức để đo lường các *mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh theo yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông*. Theo cách này, kế hoạch kiểm tra cung cấp tổng quan về tất cả bài kiểm tra và phương pháp kiểm tra sẽ được sử dụng và ma trận đề kiểm tra hiển thị nội dung của từng đề riêng biệt.

Các ma trận đề kiểm tra dùng để đánh giá *mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh theo yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông* chỉ ra chủ đề của bài kiểm tra, mức độ thành thạo nào được mong đợi cho mỗi chủ đề và cách các chủ đề được phân phối như thế nào trong bài kiểm tra. Nội dung học tập được thể hiện trong ma trận đề kiểm tra. Ma trận đề kiểm tra trình bày các *nội dung và yêu cầu cần đạt của chương trình* có trong bài kiểm tra và qua đó thể hiện được các hành vi khi làm bài của học sinh.

Cách thiết lập ma trận đề kiểm tra phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Một ma trận đề kiểm tra thường bao gồm hai chiều, trong đó quan trọng nhất là nội dung chủ đề và cấp độ nhận thức. Để xây dựng được ma trận đề kiểm tra có chất lượng tốt, người xây dựng ma trận đề kiểm tra cần trả lời các câu hỏi sau:

- + Các tiêu chí khác nhau trong bài kiểm tra được phân bổ trọng số như thế nào?
- + Làm thế nào để có thể bao hàm đủ các mục tiêu và chủ đề?
- + Làm thế nào để có thể bao hàm đủ các cấp độ nhận thức từ bậc thấp đến bậc cao?
- + Làm thế nào để có thể bao hàm đủ các tình huống ứng dụng dự kiến?
- + Làm thế nào để có thể bảo đảm rằng bài làm thực sự là của học sinh?

Định dạng khung ma trận đề kiểm tra có thể được xây dựng theo nhiều cách khác nhau. Tuy nhiên, để thuận lợi cho việc quản lý trong các nhà trường, nên thống nhất định dạng chung như sau:

| TT           | Chủ đề/Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá  |      |          |                           |      |          |                           |      |          |         |      |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ % điểm |
|--------------|---------------|---------------------------|------------------|------|----------|---------------------------|------|----------|---------------------------|------|----------|---------|------|----------|------|------|----------|--------------|
|              |               |                           | TNKQ             |      |          |                           |      |          |                           |      |          | Tự luận |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           | Nhiều lựa chọn   |      |          | “Đúng – Sai” <sup>2</sup> |      |          | Trả lời ngắn <sup>3</sup> |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           | Biết             | Hiểu | Vận dụng | Biết                      | Hiểu | Vận dụng | Biết                      | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |              |
| 1            | Chủ đề 1      |                           |                  |      |          |                           |      |          |                           |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           |                  |      |          |                           |      |          |                           |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           |                  |      |          |                           |      |          |                           |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
| 2            | Chủ đề 2      |                           |                  |      |          |                           |      |          |                           |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           |                  |      |          |                           |      |          |                           |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           |                  |      |          |                           |      |          |                           |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
| ...          | Chủ đề ....   |                           |                  |      |          |                           |      |          |                           |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           |                  |      |          |                           |      |          |                           |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
|              |               |                           |                  |      |          |                           |      |          |                           |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
| Tổng số câu  |               |                           |                  |      |          |                           |      |          |                           |      |          |         |      |          |      |      |          |              |
| Tổng số điểm |               |                           | 3,0 <sup>5</sup> |      |          | 2,0                       |      |          | 2,0                       |      |          | 3,0     |      |          | 4,0  | 3,0  | 3,0      |              |
| Tỉ lệ %      |               |                           | 30               |      |          | 20                        |      |          | 20                        |      |          | 30      |      |          | 40   | 30   | 30       |              |

<sup>2</sup> Mỗi câu hỏi bao gồm 4 ý nhỏ, mỗi ý học sinh phải chọn đúng hoặc sai. Một số tài liệu xếp loại câu hỏi này vào loại *Nhiều lựa chọn phức hợp* hoặc *Nhiều lựa chọn có nhiều phương án đúng*.

<sup>3</sup> Đối với môn học không sử dụng dạng này thì chuyển toàn bộ số điểm cho dạng “Đúng – Sai”.

<sup>4</sup> Có ở trong một số ô của ma trận, thể hiện số câu hỏi hoặc câu hỏi số bao nhiêu.

<sup>5</sup> Lựa chọn sao cho được khoảng 3,0 điểm, tương ứng với tỉ lệ khoảng 30%; tương tự như thế đối với các dạng khác.



### ***b) Xây dựng bản đặc tả đề kiểm tra***

Bản đặc tả đề kiểm tra là một bảng hai chiều, trong đó, một chiều là thông tin về các chủ đề kiến thức và một chiều là thông tin về các cấp độ (nhận thức, năng lực) mà người học sẽ được đánh giá thông qua đề kiểm tra, được biên soạn theo bản đặc tả này. Với mỗi chủ đề kiến thức, tại một cấp độ (nhận thức, năng lực), căn cứ mục tiêu dạy học, người kiểm tra, đánh giá đưa ra một tỉ trọng cho phù hợp.

Bản đặc tả đề kiểm tra cung cấp thông tin cơ sở giúp xây dựng ma trận đề kiểm tra, đánh giá đúng những mục tiêu dạy học đã định, do đó, giúp nâng cao độ giá trị của hoạt động đánh giá. Nó cũng giúp đảm bảo sự thống nhất giữa các đề kiểm tra dùng cho cùng một mục đích đánh giá. Bên cạnh lợi ích đối với hoạt động kiểm tra, đánh giá, bản đặc tả đề kiểm tra còn có tác dụng giúp cho hoạt động học tập trở nên rõ ràng, có mục đích, có tổ chức và có thể kiểm soát được. Người học có thể sử dụng bản đặc tả để chủ động đánh giá việc học tập của mình. Người dạy có thể áp dụng bản đặc tả để triển khai hướng dẫn các nhiệm vụ, kiểm tra và đánh giá. Bên cạnh đó, nó cũng giúp các nhà quản lý giáo dục kiểm soát chất lượng giáo dục qua thực tiễn dạy học của đơn vị mình.

Cấu trúc bản đặc tả đề kiểm tra theo 3 mức: nhận biết; thông hiểu; vận dụng. Việc xây dựng bản đặc tả phù hợp với các mức độ yêu cầu cần đạt được giới thiệu trong chương trình môn học và bản đặc tả đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025.

Bản đặc tả đề kiểm tra dùng cho việc lập ma trận đề và biên soạn đề kiểm tra định kì như sau:

| TT           | Chủ đề/Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt  | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |                           |      |          |              |      |          |         |      |          |
|--------------|---------------|---------------------------|------------------|----------------------------------|------|----------|---------------------------|------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|
|              |               |                           |                  | TNKQ                             |      |          |                           |      |          |              |      |          | Tự luận |      |          |
|              |               |                           |                  | Nhiều lựa chọn                   |      |          | “Đúng – Sai”              |      |          | Trả lời ngắn |      |          |         |      |          |
|              |               |                           |                  | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết                      | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
| 1            | Chủ đề 1      |                           | - Biết...<br>... |                                  |      |          |                           |      |          |              |      |          |         |      |          |
|              |               |                           | - Hiểu...<br>... |                                  |      |          |                           |      |          |              |      |          |         |      |          |
|              |               |                           | - VD...<br>...   |                                  |      |          | (n)<br>(NL?) <sup>6</sup> |      |          |              |      |          |         |      |          |
| 2            | Chủ đề 2      |                           | - Biết...<br>... |                                  |      |          |                           |      |          |              |      |          |         |      |          |
|              |               |                           | - Hiểu...<br>... |                                  |      |          |                           |      |          |              |      |          |         |      |          |
|              |               |                           | - VD...<br>...   |                                  |      |          |                           |      |          |              |      |          |         |      |          |
| ...          | Chủ đề ....   |                           |                  |                                  |      |          |                           |      |          |              |      |          |         |      |          |
|              |               |                           |                  |                                  |      |          |                           |      |          |              |      |          |         |      |          |
| Tổng số câu  |               |                           |                  |                                  |      |          |                           |      |          |              |      |          |         |      |          |
| Tổng số điểm |               |                           |                  | 3,0                              |      |          | 2,0                       |      |          | 2,0          |      |          | 3,0     |      |          |
| Tỉ lệ %      |               |                           |                  | 30                               |      |          | 20                        |      |          | 20           |      |          | 30      |      |          |

<sup>6</sup> Có ở trong một số ô của bản đặc tả, ghi tắt tên của năng lực (đã được quy định trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục).

### III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II - LỚP 12- MÔN HÓA HỌC (THAM KHẢO)

| T<br>T | Chương/<br>chủ đề                                           | Nội<br>dung/đơn vị<br>kiến thức                    | Mức độ đánh giá            |          |    |                         |      |      |                            |    |          |              |      |      | Tổng          |   |    | Điểm<br>(Tỉ lệ<br>) | Tổng<br>điểm<br>(Tỉ lệ %) |
|--------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------|----------|----|-------------------------|------|------|----------------------------|----|----------|--------------|------|------|---------------|---|----|---------------------|---------------------------|
|        |                                                             |                                                    | TNKQ nhiều<br>lựa chọn (I) |          |    | TNKQ đúng – sai<br>(II) |      |      | TNKQ trả lời ngắn<br>(III) |    |          | Tự luận (IV) |      |      | Cấp độ tư duy |   |    |                     |                           |
|        |                                                             |                                                    | B                          | H        | VD | B                       | H    | VD   | B                          | H  | VD       | B            | H    | VD   | B             | H | VD |                     |                           |
| 1      | Đại<br>cương về<br>kim loại                                 | Cấu tạo và liên<br>kết trong tinh<br>thể KL        |                            |          |    |                         |      |      |                            |    |          |              |      |      |               |   |    |                     | 1,5 điểm<br>(15%)         |
|        |                                                             | Tính chất vật lí<br>và tính chất hóa<br>học của KL |                            |          |    |                         |      |      |                            |    |          | C1.a<br>C1.b | C1.c | C1.d | 2             | 1 | 1  | 1,0                 |                           |
|        |                                                             | KL trong tự<br>nhiên và<br>phương pháp<br>tách KL  | C1                         |          |    |                         |      |      |                            |    |          |              |      |      | 1             |   |    | 0,25                |                           |
|        |                                                             | Hợp kim                                            |                            |          |    |                         |      |      |                            |    |          |              |      |      |               |   |    |                     |                           |
|        |                                                             | Sự ăn mòn KL                                       | C2                         |          |    |                         |      |      |                            |    |          |              |      |      | 1             |   |    | 0,25                |                           |
| 2      | Nguyên<br>tổ nhóm<br>IA và IIA<br>(8 tiết)                  | Nguyên tố<br>nhóm IA                               | C3                         | C7       |    |                         |      |      |                            |    |          |              |      |      | 1             | 1 |    | 0, 5                | 1,5 điểm<br>(15%)         |
|        |                                                             | Nguyên tố<br>nhóm IIA                              |                            |          |    |                         |      |      |                            |    |          | C2.a<br>C2.b | C2.c | C2.d | 2             | 1 | 1  | 1,0                 |                           |
| 3      | Sơ lược<br>về KL<br>chuyển<br>tiếp dãy<br>thứ nhất<br>và PC | Đại cương về<br>KL chuyển<br>tiếp dãy thứ 1        |                            | C8<br>C9 |    | C1.a<br>C1.b            | C1.c | C1.d |                            |    | C1<br>C2 | C3.a<br>C3.b | C3.c | C3.d | 4             | 4 | 4  | 3,0                 | 7,0 điểm<br>(79%)         |
|        |                                                             | Sơ lược về<br>phức chất                            | C4<br>C5                   | C10      |    |                         |      |      |                            | C3 | C4<br>C5 |              |      |      | 2             | 2 | 2  | 1,5                 |                           |

|                          |          |                                            |            |            |            |              |            |            |            |             |                |            |             |             |             |            |            |             |             |
|--------------------------|----------|--------------------------------------------|------------|------------|------------|--------------|------------|------------|------------|-------------|----------------|------------|-------------|-------------|-------------|------------|------------|-------------|-------------|
|                          | (9 tiết) | Một số tính chất và ứng dụng của phức chất | C6         | C11<br>C12 |            | C2.a<br>C2.b | C2.c       | C2.d       |            |             | C6<br>C7<br>C8 |            |             |             | 3           | 3          | 4          | 2,5         |             |
| <b>Số câu (Lệnh hỏi)</b> |          |                                            | <b>6</b>   | <b>6</b>   | <b>0</b>   | <b>4</b>     | <b>2</b>   | <b>2</b>   |            | <b>1</b>    | <b>7</b>       | <b>6</b>   | <b>3</b>    | <b>3</b>    | <b>16</b>   | <b>12</b>  | <b>12</b>  | <b>40</b>   | <b>10</b>   |
| <b>Tổng LH</b>           |          |                                            | <b>12</b>  |            |            | <b>8</b>     |            |            | <b>8</b>   |             |                | <b>12</b>  |             |             | <b>40</b>   |            |            | <b>10,0</b> | <b>10,0</b> |
| <b>Số điểm</b>           |          |                                            | <b>1,5</b> | <b>1,5</b> | <b>0,0</b> | <b>1,0</b>   | <b>0,5</b> | <b>0,5</b> | <b>0,0</b> | <b>0,25</b> | <b>1,75</b>    | <b>1,5</b> | <b>0,75</b> | <b>0,75</b> | <b>4,0</b>  | <b>3,0</b> | <b>3,0</b> | <b>10,0</b> | <b>10,0</b> |
| <b>Tổng số điểm</b>      |          |                                            | <b>3,0</b> |            |            | <b>2,0</b>   |            |            | <b>2,0</b> |             |                | <b>3,0</b> |             |             | <b>10,0</b> |            |            | <b>10,0</b> | <b>10,0</b> |
| <b>Tỉ lệ % điểm</b>      |          |                                            | <b>30</b>  |            |            | <b>20</b>    |            |            | <b>20</b>  |             |                | <b>30</b>  |             |             | <b>40</b>   | <b>30</b>  | <b>30</b>  | <b>100</b>  | <b>100</b>  |

## PHỤ LỤC 11

### HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN SINH HỌC CẤP THPT

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDPT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

---

#### I. MA TRẬN

**1. Thời gian làm bài:** 45 phút, đối với trường chuyên tối đa **120** phút.

**2. Hình thức:** Trắc nghiệm 70%, tự luận 30%

#### **3. Cấu trúc:**

- + Mức độ đề: 40% *Nhận biết*; 30% *Thông hiểu*; 30% *Vận dụng*.
- + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 12 Câu = 3,0 điểm.
- + Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu = 8 ý = 2,0 điểm.
- + Phần III. Trả lời ngắn: 8 Câu = 2,0 điểm.
- + Phần IV. Tự luận: 3 Câu = 3 điểm.

#### 4. Ma trận tham khảo

| TT           | Chương/<br>chủ đề                                   | Nội dung/đơn vị kiến<br>thức                                                                                        | Mức độ đánh giá        |   |    |                 |     |     |                      |     |     |         |     |     | Tổng |      |      | Tỉ<br>lệ<br>%<br>điể<br>m |
|--------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---|----|-----------------|-----|-----|----------------------|-----|-----|---------|-----|-----|------|------|------|---------------------------|
|              |                                                     |                                                                                                                     | TNKQ nhiều lựa<br>chọn |   |    | TNKQ đúng - sai |     |     | TNKQ trả lời<br>ngắn |     |     | Tự luận |     |     |      |      |      |                           |
|              |                                                     |                                                                                                                     | B                      | H | VD | B               | H   | VD  | B                    | H   | VD  | B       | H   | VD  | B    | H    | VD   |                           |
| 1            | Chủ đề 1<br>Sinh<br>trưởng và<br>phát triển<br>ở SV | ND1: Đặc điểm;<br>Các giai đoạn phát<br>triển ở động vật và<br>người; Các hình thức<br>sinh trưởng và phát<br>triển | 1                      |   |    | 1a              | 1b  | 1d  |                      | 1   | 1   |         |     | 1   | 1,25 | 1,25 | 2,25 | 52,5<br>%                 |
|              |                                                     | ND2: Các nhân tố ảnh<br>hưởng                                                                                       | 3                      |   |    |                 | 1c  |     | 1                    |     |     |         | 1   |     | 4    | 1,25 |      |                           |
|              |                                                     | ND3: Tuổi dậy thì, tránh<br>thai và bệnh, tật.                                                                      |                        |   |    |                 | 2c  |     | 1                    |     |     |         |     | 1   | 0,25 |      |      |                           |
| 2            | Chủ đề 2<br>Sinh sản ở<br>SV                        | ND1: Khái quát sinh sản ở<br>sinh vật                                                                               | 2                      |   |    |                 |     |     |                      | 1   |     |         |     |     | 2    | 1    |      | 47,5<br>%                 |
|              |                                                     | ND2: Sinh sản ở thực<br>vật                                                                                         | 3                      |   |    | 2a              |     |     |                      | 1   |     |         |     |     | 3,25 | 1    |      |                           |
|              |                                                     | ND3: Sinh sản ở động vật                                                                                            | 3                      |   |    |                 | 2b  | 2d  |                      | 1   | 1   |         |     | 1   | 3    | 1,25 | 2,25 |                           |
| Tổng số câu  |                                                     |                                                                                                                     | 12                     | 0 | 0  | 1/2             | 1   | 1/2 | 2                    | 4   | 2   | 0       | 1   | 2   | 14,5 | 6    | 4,5  | 25                        |
| Tổng số điểm |                                                     |                                                                                                                     | 3,0                    | 0 | 0  | 0,5             | 1,0 | 0,5 | 0,5                  | 1,0 | 0,5 | 0       | 1,0 | 2,0 | 4,0  | 3,0  | 3,0  | 10                        |
| Tỉ lệ %      |                                                     |                                                                                                                     | 30                     |   |    | 20              |     |     | 20                   |     |     | 30      |     |     | 40   | 30   | 30   | 100                       |

## II. BẢN ĐẶC TẢ

| TT | Chương/<br>chủ đề                                    | Nội<br>dung/đơn vị<br>kiến thức                                                                      | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |    |            |      |    |              |      |    |         |      |    |
|----|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----|------------|------|----|--------------|------|----|---------|------|----|
|    |                                                      |                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | TNKQ                             |      |    |            |      |    |              |      |    | Tự luận |      |    |
|    |                                                      |                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Nhiều lựa chọn                   |      |    | Đúng - Sai |      |    | Trả lời ngắn |      |    |         |      |    |
|    |                                                      |                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Biết                             | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD | Biết         | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |
| 1  | Chủ đề 1<br><br>Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật | ND1: Đặc điểm; Các giai đoạn phát triển ở động vật và người; Các hình thức sinh trưởng và phát triển | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được đặc điểm sinh trưởng và phát triển ở động vật.<br>- Dựa vào sơ đồ vòng đời, trình bày được các giai đoạn chính trong quá trình sinh trưởng và phát triển ở động vật (giai đoạn phôi và giai đoạn hậu phôi).                                                                                                       | 1                                |      |    | 1a         |      |    |              |      |    |         |      |    |
|    |                                                      |                                                                                                      | <b>Thông hiểu:</b><br>- Phân biệt các hình thức phát triển qua biến thái và không qua biến thái.<br>- Phân tích được ý nghĩa của sự phát triển qua biến thái hoàn toàn ở động vật đối với đời sống của chúng.<br>- Dựa vào hình ảnh (hoặc sơ đồ, video), trình bày được các giai đoạn phát triển của con người từ hợp tử đến cơ thể trưởng thành. |                                  |      |    | 1b         |      |    | 1            |      |    |         |      |    |

| TT | Chương/<br>chủ đề                                                                                                                                                                                                           | Nội<br>dung/đơn vị<br>kiến thức   | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                     | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |    |            |      |    |              |      |    |         |      |    |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----|------------|------|----|--------------|------|----|---------|------|----|
|    |                                                                                                                                                                                                                             |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                     | TNKQ                             |      |    |            |      |    |              |      |    | Tự luận |      |    |
|    |                                                                                                                                                                                                                             |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                     | Nhiều lựa chọn                   |      |    | Đúng - Sai |      |    | Trả lời ngắn |      |    |         |      |    |
|    |                                                                                                                                                                                                                             |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                     | Biết                             | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD | Biết         | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |
|    |                                                                                                                                                                                                                             |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                  |      |    |            |      |    |              |      |    |         |      |    |
|    |                                                                                                                                                                                                                             |                                   | <b>Vận dụng:</b><br>- Vận dụng được hiểu biết về các giai đoạn phát triển để áp dụng chế độ ăn uống hợp lí.                                                                                                                                         |                                  |      |    |            |      | 1d |              |      | 1  |         |      | 1  |
|    |                                                                                                                                                                                                                             | <b>ND2:</b> Các nhân tố ảnh hưởng | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được ảnh hưởng của các nhân tố bên trong đến sinh trưởng và phát triển động vật (di truyền; giới tính; hormone sinh trưởng và phát triển).<br>- Nêu được vai trò của một số hormone đối với hoạt động sống của động vật. | 3                                |      |    |            |      |    | 1            |      |    |         |      |    |
|    | <b>Thông hiểu:</b><br>- Phân tích được ảnh hưởng của các nhân tố bên ngoài đến sinh trưởng và phát triển động vật (nhiệt độ, thức ăn,...).<br>- Phân tích được khả năng điều khiển sự sinh trưởng và phát triển ở động vật. |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                  |      |    | 1c         |      |    |              |      |    |         |      |    |



| TT | Chương/<br>chủ đề                             | Nội<br>dung/đơn vị<br>kiến thức                    | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |    |            |      |    |              |      |    |         |      |    |
|----|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----|------------|------|----|--------------|------|----|---------|------|----|
|    |                                               |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | TNKQ                             |      |    |            |      |    |              |      |    | Tự luận |      |    |
|    |                                               |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Nhiều lựa chọn                   |      |    | Đúng - Sai |      |    | Trả lời ngắn |      |    |         |      |    |
|    |                                               |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Biết                             | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD | Biết         | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |
|    |                                               |                                                    | <b>Vận dụng:</b><br>- Vận dụng hiểu biết về hormone để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: không lạm dụng hormone trong chăn nuôi; thiên hoạn động vật;...).<br>- Vận dụng được hiểu biết về sinh trưởng và phát triển ở động vật vào thực tiễn (ví dụ: đề xuất được một số biện pháp hợp lí trong chăn nuôi nhằm tăng nhanh sự sinh trưởng và phát triển của vật nuôi; tiêu diệt côn trùng, muỗi;...). |                                  |      |    |            |      |    |              |      |    |         | 1    |    |
|    |                                               | <b>ND3:</b> Tuổi dậy thì, tránh thai và bệnh, tật. | <b>Thông hiểu:</b><br>- Phân tích đặc điểm tuổi dậy thì ở người và ứng dụng hiểu biết về tuổi dậy thì để bảo vệ sức khỏe, chăm sóc bản thân và người khác.                                                                                                                                                                                                                                                               |                                  |      |    |            | 2c   |    | 1            |      |    |         |      |    |
| 2  | <b>Chủ đề 2</b><br><b>Sinh sản ở sinh vật</b> | <b>ND1:</b> Khái quát sinh sản ở sinh vật          | <b>Nhận biết:</b><br>- Phát biểu được khái niệm sinh sản, sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2                                |      |    |            |      |    |              |      | 1  |         |      |    |

| TT | Chương/<br>chủ đề | Nội<br>dung/đơn vị<br>kiến thức | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |    |            |      |    |              |      |    |         |      |    |
|----|-------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----|------------|------|----|--------------|------|----|---------|------|----|
|    |                   |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | TNKQ                             |      |    |            |      |    |              |      |    | Tự luận |      |    |
|    |                   |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Nhiều lựa chọn                   |      |    | Đúng - Sai |      |    | Trả lời ngắn |      |    |         |      |    |
|    |                   |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Biết                             | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD | Biết         | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |
|    |                   |                                 | - Trình bày được vai trò của sinh sản đối với sinh vật.                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                  |      |    |            |      |    |              |      |    |         |      |    |
|    |                   | ND2: Sinh sản ở thực vật        | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được các phương pháp nhân giống vô tính ở thực vật.<br>- Trình bày đặc điểm các hình thức sinh sản vô tính ở thực vật (sinh sản bằng bào tử, sinh sản sinh dưỡng).<br>- Trình bày được ứng dụng của sinh sản vô tính ở thực vật trong thực tiễn.<br>- Trình bày được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật có hoa. | 3                                |      |    | 2a         |      |    |              |      |    |         |      |    |
|    |                   |                                 | <b>Thông hiểu:</b><br>- So sánh được sinh sản hữu tính với sinh sản vô tính ở thực vật.<br>- Phân biệt được quá trình hình thành hạt phấn, túi phôi; thụ phấn, thụ tinh.                                                                                                                                                                       |                                  |      |    |            |      |    |              | 1    |    |         |      |    |

| TT | Chương/<br>chủ đề | Nội<br>dung/đơn vị<br>kiến thức | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |    |            |      |    |              |      |    |         |      |    |
|----|-------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----|------------|------|----|--------------|------|----|---------|------|----|
|    |                   |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | TNKQ                             |      |    |            |      |    |              |      |    | Tự luận |      |    |
|    |                   |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Nhiều lựa chọn                   |      |    | Đúng - Sai |      |    | Trả lời ngắn |      |    |         |      |    |
|    |                   |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Biết                             | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD | Biết         | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |
|    |                   | ND3: Sinh sản ở động vật        | <b>Nhận biết:</b><br><br>- Trình bày được quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở người.<br>- Nêu được các biện pháp tránh thai.<br>- Nhận ra được cơ sở của quá trình rụng trứng (chu kì kinh nguyệt).                                                                                                                           | 3                                |      |    |            |      |    |              |      |    |         |      |    |
|    |                   |                                 | <b>Thông hiểu:</b><br><br>- Phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật.<br><br>- Phân biệt được các hình thức sinh sản hữu tính ở động vật.<br><br>- Phân tích được cơ chế điều hoà sinh sản ở động vật; quá trình điều hòa nồng độ testosterone trong cơ thể nam giới.<br><br>- Phân tích được cơ sở các biện pháp tránh thai. |                                  |      |    |            | 2b   |    |              | 1    |    |         |      |    |

| TT           | Chương/<br>chủ đề | Nội<br>dung/đơn vị<br>kiến thức | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |    |            |      |     |              |      |     |         |      |     |
|--------------|-------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----|------------|------|-----|--------------|------|-----|---------|------|-----|
|              |                   |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | TNKQ                             |      |    |            |      |     |              |      |     | Tự luận |      |     |
|              |                   |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Nhiều lựa chọn                   |      |    | Đúng - Sai |      |     | Trả lời ngắn |      |     |         |      |     |
|              |                   |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Biết                             | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD  | Biết         | Hiểu | VD  | Biết    | Hiểu | VD  |
|              |                   |                                 | <b>Vận dụng:</b><br>- Giải thích được một số vấn đề thực tiễn: vấn đề hôn nhân gia đình; thụ tinh trong ống nghiệm; vấn đề cho cây tự thụ phấn, động vật giao phối gần giảm năng suất, chất lượng.<br><br>- Vận dụng hiểu biết về cơ chế điều hòa sinh trứng để đề xuất được biện pháp tránh thai. |                                  |      |    |            |      |     |              |      |     |         |      |     |
| Tổng số câu  |                   |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 12                               | 0    | 0  | 1/2        | 1    | 1/2 | 2            | 4    | 2   | 0       | 1    | 2   |
| Tổng số điểm |                   |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3,0                              | 0    | 0  | 0,5        | 1,0  | 0,5 | 0,5          | 1,0  | 0,5 | 0       | 1,0  | 2,0 |
| Tỉ lệ %      |                   |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 30                               |      |    | 20         |      |     | 20           |      |     | 30      |      |     |

**PHỤ LỤC 12**  
**HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN CẤP THCS**  
*(Kèm theo Công văn số 4148/SGDDĐT-GDPT ngày 31/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

---

**I. MA TRẬN**

**1. Thời gian làm bài: 90 phút.**

**2. Hình thức:** Trắc nghiệm 70%, tự luận 30%

**3. Cấu trúc:**

+ Mức độ đề: 40% *Nhận biết*; 30% *Thông hiểu*; 30% *Vận dụng*.

+ Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 12 Câu hỏi = 3,0 điểm, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

+ Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu hỏi = 8 ý, 2,0 điểm, mỗi câu hỏi có 4 ý, tại mỗi ý chọn Đúng hoặc Sai, mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

+ Phần III. Trả lời ngắn: 8 Câu hỏi = 2,0 điểm mỗi câu đưa ra đáp số đúng được 0,25 điểm.

+ Phần IV. Tự luận: 3 Câu hỏi = 12 ý = 3,0 điểm, mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

**4. Ma trận tham khảo**

| TT           | Chủ đề/Chương                      | Nội dung/đơn vị kiến thức                | Mức độ đánh giá |      |          |          |      |          |              |      |          |         |      |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ % điểm |    |
|--------------|------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|------|----------|----------|------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|------|------|----------|--------------|----|
|              |                                    |                                          | TNKQ            |      |          |          |      |          |              |      |          | Tự luận |      |          |      |      |          |              |    |
|              |                                    |                                          | Nhiều lựa chọn  |      |          | Đúng/Sai |      |          | Trả lời ngắn |      |          |         |      |          |      |      |          |              |    |
|              |                                    |                                          | Biết            | Hiểu | Vận dụng | Biết     | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |              |    |
| 1            | Năng lượng và sự biến đổi (8 tiết) | Sự truyền nhiệt (2 tiết)                 | 1               | 1    |          |          |      |          |              |      |          |         |      |          | 1    | 1    |          | 5            |    |
|              |                                    | Sự nở vì nhiệt (2 tiết)                  | 1               |      |          |          |      |          |              |      | 1        |         |      |          | 1    |      | 1        | 5            |    |
|              |                                    | Hiện tượng nhiễm điện do cọ sát (2 tiết) | 1               |      |          |          |      |          |              | 1    |          |         | 1    |          | 1    | 2    |          | 7,5          |    |
|              |                                    | Dòng điện, nguồn điện (2 tiết)           | 1               | 1    |          |          |      |          |              |      |          |         |      | 1        | 1    | 1    | 1        | 7,5          |    |
| 2            | Chất và sự biến đổi chất (10 tiết) | Phương trình hóa học (1 tiết)            |                 |      |          |          |      |          |              |      | 1        |         |      |          |      |      | 1        | 2,5          |    |
|              |                                    | Tính theo PTHH (3 tiết)                  | 1               |      |          |          |      |          |              |      |          | 1       |      |          | 2    | 1    |          | 3            | 10 |
|              |                                    | Tốc độ phản ứng (4 tiết)                 |                 |      |          | 1        | 2    | 1        |              |      |          |         | 1    |          | 1    | 3    | 1        | 12,5         |    |
|              |                                    | Acid (2 tiết)                            | 1               |      |          |          |      |          |              |      |          |         |      | 1        | 1    |      | 1        | 5            |    |
| 3            | Vật sống (15 tiết)                 | Cơ thể người (8 tiết)                    | 2               |      |          | 1        | 2    | 1        |              |      | 1        |         | 3    |          |      | 6    | 3        | 1            | 25 |
|              |                                    | Hệ sinh thái (7 tiết)                    | 1               | 1    |          |          |      |          | 2            |      |          | 1       |      | 1        | 2    | 3    | 2        | 3            | 20 |
| Tổng số câu  |                                    |                                          | 9               | 3    |          | 2        | 4    | 2        | 2            | 2    | 4        | 3       | 3    | 6        | 16   | 12   | 12       |              |    |
| Tổng số điểm |                                    |                                          | 3,0             |      |          | 2,0      |      |          | 2,0          |      |          | 3,0     |      |          | 4,0  | 3,0  | 3,0      |              |    |
| Tỉ lệ (%)    |                                    |                                          | 30              |      |          | 20       |      |          | 20           |      |          | 30      |      |          | 40   | 30   | 30       |              |    |

\* Lưu ý:

- Số lượng câu/ý hỏi ở mỗi cột tính tương đối theo số tiết của mỗi chủ đề;
- Mức độ đánh giá 40% Biết, 30% Hiểu, 30% vận dụng.

## II. BẢN ĐẶC TẢ

| TT | Chủ đề/Chương                      | Nội dung/đơn vị kiến thức                | Mức độ đánh giá |           |          |           |           |           |              |           |           |           |           |           |
|----|------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-----------|----------|-----------|-----------|-----------|--------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|    |                                    |                                          | TNKQ            |           |          |           |           |           |              |           |           | Tự luận   |           |           |
|    |                                    |                                          | Nhiều lựa chọn  |           |          | Đúng/Sai  |           |           | Trả lời ngắn |           |           |           |           |           |
|    |                                    |                                          | Biết            | Hiểu      | Vận dụng | Biết      | Hiểu      | Vận dụng  | Biết         | Hiểu      | Vận dụng  | Biết      | Hiểu      | Vận dụng  |
| 1  | Năng lượng và sự biến đổi (8 tiết) | Sự truyền nhiệt (2 tiết)                 | 1<br>NLNT       | 1<br>NLTH |          |           |           |           |              |           |           |           |           |           |
|    |                                    | Sự nở vì nhiệt (2 tiết)                  | 1<br>NLNT       |           |          |           |           |           |              |           | 1<br>NLVD |           |           |           |
|    |                                    | Hiện tượng nhiễm điện do cọ sát (2 tiết) | 1<br>NLNT       |           |          |           |           |           |              | 1<br>NLTH |           |           | 1<br>NLTH |           |
|    |                                    | Dòng điện, nguồn điện (2 tiết)           | 1<br>NLNT       | 1<br>NLTH |          |           |           |           |              |           |           |           |           | 1<br>NLVD |
| 2  | Chất và sự biến đổi chất (10 tiết) | Phương trình hóa học (1 tiết)            |                 |           |          |           |           |           |              |           | 1<br>NLVD |           |           |           |
|    |                                    | Tính theo PTHH (3 tiết)                  | 1<br>NLNT       |           |          |           |           |           |              |           | 1<br>NLVD |           |           | 2<br>NLVD |
|    |                                    | Tốc độ phản ứng (4 tiết)                 |                 |           |          | 1<br>NLNT | 2<br>NLTH | 1<br>NLVD |              |           |           |           | 1<br>NLTH |           |
|    |                                    | Acid (2 tiết)                            | 1<br>NLNT       |           |          |           |           |           |              |           |           |           |           | 1<br>NLVD |
| 3  | Vật sống (15 tiết)                 | Cơ thể người (8 tiết)                    | 2<br>NLNT       |           |          | 1<br>NLNT | 2<br>NLTH | 1         |              | 1<br>NLTH |           | 3<br>NLNT |           |           |
|    |                                    | Hệ sinh thái                             | 1               | 1         |          |           |           |           | 2            |           | 1         |           | 1         | 2         |

|              |  |          |      |      |  |     |   |   |     |      |   |      |      |   |
|--------------|--|----------|------|------|--|-----|---|---|-----|------|---|------|------|---|
|              |  | (7 tiết) | NLNT | NLTH |  |     |   |   |     | NLVD |   | NLTH | NLVD |   |
| Tổng số câu  |  |          | 9    | 3    |  | 2   | 4 | 2 | 2   | 2    | 4 | 3    | 3    | 6 |
| Tổng số điểm |  |          | 3,0  |      |  | 2,0 |   |   | 2,0 |      |   | 3,0  |      |   |
| Tỉ lệ (%)    |  |          | 30   |      |  | 20  |   |   | 20  |      |   | 30   |      |   |

\* Lưu ý: Các từ viết tắt trong bảng

NLNT: Năng lực nhận thức KHTN

NLTH: Năng lực tìm hiểu KHTN

NLVD: Năng lực vận dụng KHTN

| Chủ đề                           | Đơn vị kiến thức       | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | TN nhiều lựa chọn | TN “Đúng-Sai” | TN trả lời ngắn | Tự luận |
|----------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|-----------------|---------|
| <b>Năng lượng và sự biến đổi</b> | <b>Sự truyền nhiệt</b> | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>1</b>          |               |                 |         |
|                                  |                        | - Kể tên được ba cách truyền nhiệt.<br>- Lấy được ví dụ về hiện tượng dẫn nhiệt.<br>- Lấy được ví dụ về hiện tượng đối lưu.<br>- Lấy được ví dụ về hiện tượng bức xạ nhiệt.                                                                                                                                       |                   |               |                 |         |
|                                  |                        | <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>1</b>          |               |                 |         |
|                                  |                        | - Giải thích sơ lược được sự truyền năng lượng (truyền nhiệt) bằng cách dẫn nhiệt.<br>- Giải thích sơ lược được sự truyền năng lượng (truyền nhiệt) bằng cách đối lưu.<br>- Giải thích sơ lược được sự truyền năng lượng (truyền nhiệt) bằng cách bức xạ nhiệt.                                                   |                   |               |                 |         |
|                                  |                        | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |               |                 |         |
|                                  |                        | - Giải thích được một số hiện tượng quan sát thấy về truyền nhiệt trong tự nhiên bằng cách dẫn nhiệt.<br>- Giải thích được một số hiện tượng quan sát thấy về truyền nhiệt trong tự nhiên bằng cách đối lưu.<br>- Giải thích được một số hiện tượng quan sát thấy về truyền nhiệt trong tự nhiên bằng cách bức xạ |                   |               |                 |         |



| Chủ đề | Đơn vị kiến thức                | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TN nhiều lựa chọn | TN “Đúng-Sai” | TN trả lời ngắn | Tự luận |
|--------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|-----------------|---------|
|        |                                 | nhiệt.<br>- Trình bày ý tưởng khai thác nguồn năng lượng nhiệt trong nhiên để phục vụ trong sinh hoạt gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                   |               |                 |         |
|        | Sự nở vì nhiệt                  | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1                 |               | 1               |         |
|        |                                 | - Kể tên được một số vật liệu cách nhiệt kém.<br>- Kể tên được một số vật liệu dẫn nhiệt tốt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                   |               |                 |         |
|        |                                 | <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                   |               |                 |         |
|        |                                 | - Phân tích được một số ví dụ về công dụng của vật dẫn nhiệt tốt.<br>- Phân tích được một số ví dụ về công dụng của vật cách nhiệt tốt.                                                                                                                                                                                                                                                                      |                   |               |                 |         |
|        |                                 | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                   |               |                 |         |
|        |                                 | - Giải thích được ứng dụng của vật liệu cách nhiệt tốt được sử dụng trong kĩ thuật và đời sống.<br>- Giải thích được ứng dụng của vật liệu dẫn nhiệt tốt được sử dụng trong kĩ thuật và đời sống.<br>- Giải thích được một số ứng dụng của sự nở vì nhiệt trong kĩ thuật và đời sống.<br>- Thiết kế phương án khai thác hoặc hạn chế nguồn năng lượng nhiệt trong nhiên để phục vụ trong sinh hoạt gia đình. |                   |               |                 |         |
|        | Hiện tượng nhiễm điện do cọ sát | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1                 |               |                 |         |
|        |                                 | - Lấy được ví dụ về hiện tượng nhiễm điện.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                   |               |                 |         |
|        |                                 | <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                   |               | 1               | 1       |
|        |                                 | - Mô tả cách làm một vật bị nhiễm điện.<br>- Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát.                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                   |               |                 |         |

| Chủ đề | Đơn vị kiến thức             | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | TN nhiều lựa chọn | TN “Đúng-Sai” | TN trả lời ngắn | Tự luận  |
|--------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|-----------------|----------|
|        |                              | - Chỉ ra được vật nhiễm điện chỉ có thể nhiễm một trong hai loại điện tích.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                   |               |                 |          |
|        |                              | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                   |               |                 |          |
|        |                              | - Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát.<br>- Vận dụng phản ứng liên kết ion để giải thích cơ chế vật nhiễm điện.                                                                                                                                                                                                                                |                   |               |                 |          |
|        | <b>Dòng điện, nguồn điện</b> | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>1</b>          |               |                 |          |
|        |                              | - Nhận biết được kí hiệu nguồn điện.<br>- Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện.<br>- Kể tên được một số nguồn điện trong thực tế.<br>- Phát biểu được định nghĩa về dòng điện.<br>- Kể tên được một số vật liệu dẫn điện và vật liệu không dẫn điện.<br>- Nêu được dòng điện có tác dụng: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí.                                           |                   |               |                 |          |
|        |                              | <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>1</b>          |               |                 |          |
|        |                              | - Nguồn điện 1 chiều luôn có 2 cực (âm, dương) cố định.<br>- Nguồn điện xoay chiều đổi cực liên tục.<br>- Giải thích được nguyên nhân vật dẫn điện, vật không dẫn điện.<br>- Giải thích được tác dụng nhiệt của dòng điện.<br>- Giải thích được tác dụng phát sáng của dòng điện.<br>- Giải thích được tác dụng hóa học của dòng điện.<br>- Giải thích được tác dụng sinh lí của dòng điện. |                   |               |                 |          |
|        |                              | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                   |               |                 | <b>1</b> |

| Chủ đề                   | Đơn vị kiến thức    | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | TN nhiều lựa chọn | TN “Đúng-Sai” | TN trả lời ngắn | Tự luận  |
|--------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|-----------------|----------|
|                          |                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra được các ví dụ trong thực tế về tác dụng của dòng điện và giải thích.</li> <li>- Thiết kế phương án (hay giải pháp) để làm một vật dụng điện hữu ích cho bản thân (hay đưa ra biện pháp sử dụng điện an toàn và hiệu quả).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                   |               |                 |          |
| Chất và sự biến đổi chất | PTHH-Tính theo PTHH | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>1</b>          |               |                 |          |
|                          |                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được khái niệm phương trình hoá học và các bước lập phương trình hoá học.</li> <li>– Trình bày được ý nghĩa của phương trình hoá học.</li> <li>– Nêu được khái niệm về mol (nguyên tử, phân tử).</li> <li>– Nêu được khái niệm tỉ khối, viết được công thức tính tỉ khối của chất khí.</li> <li>– Nêu được khái niệm thể tích mol của chất khí ở áp suất 1 bar và 25 °C</li> </ul> Nêu được khái niệm hiệu suất của phản ứng                                                                                                                      |                   |               |                 |          |
|                          |                     | <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                   |               |                 |          |
|                          |                     | Lập được sơ đồ phản ứng hoá học dạng chữ và phương trình hoá học (dùng công thức hoá học) của một số phản ứng hoá học cụ thể. <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tính được khối lượng mol (M); Chuyển đổi được giữa số mol (n) và khối lượng (m)</li> <li>– So sánh được chất khí này nặng hay nhẹ hơn chất khí khác dựa vào công thức tính tỉ khối.</li> <li>– Sử dụng được công thức <math display="block">n(\text{mol}) = \frac{V(\text{L})}{24,79(\text{L} / \text{mol})}</math> để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 °C.</li> </ul> |                   |               |                 |          |
|                          |                     | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                   |               | <b>2</b>        | <b>2</b> |

| Chủ đề | Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                           | TN nhiều lựa chọn | TN “Đúng-Sai” | TN trả lời ngắn | Tự luận  |
|--------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|-----------------|----------|
|        |                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tính được lượng chất trong phương trình hóa học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 °C.</li> <li>Tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lí thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế.</li> </ul> |                   |               |                 |          |
|        | Tốc độ phản ứng  | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                   | <b>1</b>      |                 |          |
|        |                  | Nêu được các yếu tố làm thay đổi tốc độ phản ứng.                                                                                                                                                                                                                                                         |                   |               |                 |          |
|        |                  | <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                   | <b>2</b>      |                 | <b>1</b> |
|        |                  | Lấy ví dụ ảnh hưởng của các yếu tố đến tốc độ phản ứng                                                                                                                                                                                                                                                    |                   |               |                 |          |
|        |                  | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                   | <b>1</b>      |                 |          |
|        |                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ So sánh được tốc độ một số phản ứng hoá học;</li> <li>+ Xác định được ảnh hưởng của các yếu tố đến tốc độ phản ứng trong trường hợp cụ thể</li> </ul>                                                                                                            |                   |               |                 |          |
|        | Acid             | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>1</b>          |               |                 |          |
|        |                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion <math>H^+</math>).</li> <li>Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (HCl, <math>H_2SO_4</math>, <math>CH_3COOH</math>).</li> </ul>                                                                           |                   |               |                 |          |
|        |                  | <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                   |               |                 |          |
|        |                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiến hành được thí nghiệm của hydrochloric acid (làm đổi màu chất chỉ thị; phản ứng với kim loại), nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của acid.</li> </ul>                      |                   |               |                 |          |
|        |                  | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                   |               |                 | <b>1</b> |
|        |                  | - Viết PTHH thể hiện tính chất của acid                                                                                                                                                                                                                                                                   |                   |               |                 |          |

| Chủ đề   | Đơn vị kiến thức     | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | TN nhiều lựa chọn | TN “Đúng-Sai” | TN trả lời ngắn | Tự luận |
|----------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|-----------------|---------|
| Vật sống | Cấu tạo cơ thể người | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>2</b>          | <b>1</b>      | <b>3</b>        |         |
|          |                      | <p>Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Kể được tên các tuyến nội tiết.</li> <li>– Nêu được chức năng của các tuyến nội tiết.</li> <li>– Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine,...).</li> <li>– Nêu được cấu tạo sơ lược của da.</li> <li>– Nêu được chức năng của da.</li> <li>– Nêu được khái niệm thân nhiệt.</li> <li>– Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người.</li> <li>– Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt.</li> <li>– Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng.</li> <li>– Nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt.</li> </ul> <p>Nêu được chức năng của hệ sinh dục.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Kể tên được các cơ quan sinh dục nam và nữ.</li> <li>– Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).</li> <li>– Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khoẻ sinh sản vị thành niên.</li> </ul> |                   |               |                 |         |
|          |                      | <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                   | <b>2</b>      | <b>1</b>        |         |
|          |                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó.</li> <li>– Trình bày được một số bệnh về thị giác và thính giác và cách phòng, chống các bệnh đó (ví dụ: bệnh về mắt: bệnh đau mắt đỏ, ...; tật về mắt: cận thị,</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                   |               |                 |         |

| Chủ đề | Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | TN nhiều lựa chọn | TN “Đúng-Sai” | TN trả lời ngắn | Tự luận |
|--------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|-----------------|---------|
|        |                  | viễn thị, ...).<br>– Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng.<br>– Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh.<br>– Nêu được cách phòng chống các bệnh liên quan đến hệ nội tiết.<br>Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể<br>– Thực hành được cách đo thân nhiệt.<br>– Trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ.<br>- Nêu được hiện tượng kinh nguyệt.<br>– Nêu được cách phòng tránh thai.<br>– Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai.<br>– Trình bày được cách phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...). |                   |               |                 |         |
|        |                  | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                   | <b>1</b>      |                 |         |
|        |                  | – Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt.<br>– Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai.<br>– Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác.<br>– Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                   |               |                 |         |

| Chủ đề | Đơn vị kiến thức    | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TN nhiều lựa chọn | TN “Đúng-Sai” | TN trả lời ngắn | Tự luận |
|--------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|-----------------|---------|
|        |                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học (cận thị, viễn thị,...), tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt.</li> <li>Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khoẻ bản thân và người thân trong gia đình.</li> <li>Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (ví dụ bệnh tiểu đường, bướu cổ).</li> <li>Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư.</li> <li>Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học.</li> <li>Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư.</li> <li>Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học.</li> <li>Thực hành được cách đo thân nhiệt.</li> <li>Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh.</li> <li>Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khoẻ bản thân.</li> <li>Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khoẻ sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục).</li> </ul> |                   |               |                 |         |
|        | <b>Hệ sinh thái</b> | <b>Nhận biết:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>1</b>          |               | <b>2</b>        |         |
|        |                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nêu được khái niệm môi trường sống của sinh vật</li> <li>Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái.</li> <li>Phát biểu được khái niệm quần thể sinh vật.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                   |               |                 |         |

| Chủ đề | Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TN nhiều lựa chọn | TN “Đúng-Sai” | TN trả lời ngắn | Tự luận  |
|--------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|-----------------|----------|
|        |                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nêu được các đặc trưng cơ bản của quần thể (đặc trưng về số lượng, giới tính, lứa tuổi, phân bố).</li> <li>Phát biểu được khái niệm quần xã sinh vật.</li> <li>Nêu được một số đặc điểm cơ bản của quần xã (Đặc điểm về độ đa dạng: số lượng loài và số cá thể của mỗi loài; đặc điểm về thành phần loài: loài ưu thế, loài đặc trưng).</li> <li>Phát biểu được khái niệm hệ sinh thái.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                   |               |                 |          |
|        |                  | <b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>1</b>          |               |                 | <b>1</b> |
|        |                  | <p>Phân biệt được 4 môi trường sống chủ yếu: môi trường trên cạn, môi trường dưới nước, môi trường trong đất và môi trường sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa các môi trường sống của sinh vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Trình bày được sơ lược khái niệm về giới hạn sinh thái, lấy được ví dụ minh họa.</li> <li>Phân biệt được nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố hữu sinh (bao gồm cả nhân tố con người). Lấy được ví dụ minh họa các nhân tố sinh thái và ảnh hưởng của nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật.</li> </ul> <p>Lấy được ví dụ minh họa cho các đặc trưng cơ bản của quần thể (đặc trưng về số lượng, giới tính, lứa tuổi, phân bố).</p> <p>Lấy được ví dụ minh họa các đặc trưng của quần xã.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nêu được khái niệm chuỗi, lưới thức ăn; sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải, tháp sinh thái.</li> <li>Nêu được tầm quan trọng của bảo vệ một số hệ sinh thái điển hình của Việt Nam: các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển và ven biển, các hệ sinh thái</li> </ul> |                   |               |                 |          |



| Chủ đề | Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | TN nhiều lựa chọn | TN “Đúng-Sai” | TN trả lời ngắn | Tự luận  |
|--------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|-----------------|----------|
|        |                  | <p>nông nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lấy được ví dụ về các kiểu hệ sinh thái (hệ sinh thái trên cạn, hệ sinh thái nước mặn, hệ sinh thái nước ngọt).</li> <li>– Lấy được ví dụ chuỗi thức ăn, lưới thức ăn trong quần xã.</li> <li>- Quan sát sơ đồ vòng tuần hoàn của các chất trong hệ sinh thái, trình bày được khái quát quá trình trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong hệ sinh thái.</li> </ul> |                   |               |                 |          |
|        |                  | <b>Vận dụng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                   |               | <b>1</b>        | <b>2</b> |
|        |                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đề xuất được một số biện pháp bảo vệ quần thể.</li> <li>– Đề xuất được một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã.</li> </ul> <p>Thực hành: điều tra được thành phần quần xã sinh vật trong một hệ sinh thái.</p>                                                                                                                                                               |                   |               |                 |          |

**PHỤ LỤC 13**  
**HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN CÔNG NGHỆ CẤP THPT**  
(Kèm theo Công văn số            /SGDDT-GDPT ngày        /12/2024 của Sở GDĐT)

**A. CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP**

**I. Hình thức, thời gian đề kiểm tra, đánh giá định kì**

- Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, trong đó: tỉ lệ điểm trắc nghiệm là **70%**, tỉ lệ điểm tự luận là **30%**.
- Thời gian: **45 phút**

**II. Cấu trúc:**

- + Mức độ đề: *Nhận biết 40%; Thông hiểu 30%; Vận dụng 30%.*
- + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 20 câu = 5,0 điểm
- + Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 câu = 2,0 điểm
- + Phần III. Tự luận: 2 câu = 3,0 điểm

**III. Ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì tham khảo**

| TT | Chương/ chủ đề                        | Đơn vị kiến thức                              | Mức độ đánh giá   |      |    |                  |      |    |         |      |    | Tổng số câu/ý hỏi |      |    | Tỉ lệ điểm |
|----|---------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------|------|----|------------------|------|----|---------|------|----|-------------------|------|----|------------|
|    |                                       |                                               | TN nhiều lựa chọn |      |    | TN dạng Đúng/Sai |      |    | Tự luận |      |    |                   |      |    |            |
|    |                                       |                                               | Biết              | Hiểu | VD | Biết             | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD | Biết              | Hiểu | VD |            |
| 1  | 1. Giới thiệu chung về cơ khí chế tạo | 1.1. Khái Quát về cơ khí chế tạo              | 2                 |      |    |                  |      |    |         |      |    | 2                 |      |    | 5%         |
|    |                                       | 1.2. Ngành nghề trong lĩnh vực cơ khí chế tạo |                   | 1    |    |                  |      |    |         |      |    |                   | 1    |    | 2,5%       |
| 2  |                                       | 2.1. Tổng quan về vật liệu cơ khí             | 1                 |      |    |                  |      |    |         |      |    | 1                 |      |    | 2,5%       |

| TT                | Chương/ chủ đề                     | Đơn vị kiến thức                                                                           | Mức độ đánh giá   |      |    |                  |           |              |         |      |     | Tổng số câu/ý hỏi |      |      | Tỉ lệ điểm |
|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------|----|------------------|-----------|--------------|---------|------|-----|-------------------|------|------|------------|
|                   |                                    |                                                                                            | TN nhiều lựa chọn |      |    | TN dạng Đúng/Sai |           |              | Tự luận |      |     |                   |      |      |            |
|                   |                                    |                                                                                            | Biết              | Hiểu | VD | Biết             | Hiểu      | VD           | Biết    | Hiểu | VD  | Biết              | Hiểu | VD   |            |
|                   | 2. Vật liệu cơ khí                 | 2.2. Vật liệu kim loại và hợp kim                                                          |                   | 1    |    |                  |           |              |         |      |     | 1                 |      | 2,5% |            |
|                   |                                    | 2.3. Vật liệu phi kim loại                                                                 |                   | 1    |    |                  |           |              |         |      |     | 1                 |      | 2,5% |            |
|                   |                                    | 2.4. Vật liệu mới                                                                          | 2                 |      |    |                  |           |              |         |      | 2   |                   |      | 5%   |            |
|                   |                                    |                                                                                            |                   |      |    |                  |           |              |         |      |     |                   |      |      |            |
| 3                 | 3. Các phương pháp gia công cơ khí | 3.1. Khái quát về gia công cơ khí                                                          | 2                 |      |    |                  |           |              |         |      | 2   |                   |      | 5%   |            |
|                   |                                    | 3.2. Một số phương pháp gia công cơ khí                                                    | 2                 |      |    | <u>1a</u>        | <u>1b</u> | <u>1c,1d</u> |         |      |     | 3                 | 1    | 2    | 15%        |
|                   |                                    | 3.3. Quy trình công nghệ gia công chi tiết                                                 | 1                 | 1    |    |                  |           |              |         | I    | 1   | 1                 | 1    | 20%  |            |
| 4                 | 4. Sản xuất cơ khí                 | 4.1. Quá trình sản xuất cơ khí                                                             | 1                 | 1    |    |                  |           |              |         | II   |     | 1                 | 2    |      | 15%        |
|                   |                                    | 4.2. Dây truyền sản xuất tự động với sự tham gia của robot                                 | 1                 |      |    |                  |           |              |         |      |     | 1                 |      |      | 2,5%       |
|                   |                                    | 4.3. Tự động hóa quá trình sản xuất dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 | 1                 |      |    |                  |           |              |         |      |     | 1                 |      |      | 2,5%       |
|                   |                                    | 4.4. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sản xuất cơ khí                           | 1                 | 1    |    | <u>2a</u>        | <u>2b</u> | <u>2c,d</u>  |         |      |     | 2                 | 2    | 2    | 15%        |
| Tổng số câu/ý hỏi |                                    |                                                                                            | 14                | 6    |    | 2                | 2         | 4            |         | 1    | 1   | 16                | 9    | 5    |            |
| Tổng số điểm      |                                    |                                                                                            | 3,5               | 1,5  |    | 0,5              | 0,5       | 1,0          |         | 1,0  | 2,0 | 4,0               | 3,0  | 3,0  | 10         |
| Tỉ lệ %           |                                    |                                                                                            | 50%               |      |    | 20%              |           |              | 30 %    |      |     | 40                | 30   | 30   | 100%       |

#### IV. Đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kì tham khảo

| TT | Chương/<br>chủ đề                              | Đơn vị kiến thức                                    | Yêu cầu cần đạt<br>(Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ)                                                                                   | Số lượng câu hỏi       |      |    |            |      |    |         |      |    |
|----|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|----|------------|------|----|---------|------|----|
|    |                                                |                                                     |                                                                                                                                              | Trắc nghiệm khách quan |      |    |            |      |    | Tự luận |      |    |
|    |                                                |                                                     |                                                                                                                                              | Nhiều lựa chọn         |      |    | Đúng - Sai |      |    |         |      |    |
|    |                                                |                                                     |                                                                                                                                              | Biết                   | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |
| 1  | 1. Giới<br>thiệu chung<br>về cơ khí<br>chế tạo | 1.1. Khái Quát về cơ<br>khí chế tạo                 | <b>NB.</b> Trình bày được khái niệm của cơ khí<br>chế tạo.<br><b>NB.</b> Trình bày được vai trò của cơ khí chế<br>tạo                        | 2                      |      |    |            |      |    |         |      |    |
|    |                                                | 1.2. Ngành nghề trong<br>lĩnh vực cơ khí chế<br>tạo | <b>TH.</b> Xác định được một số ngành nghề<br>phổ biến trong lĩnh vực cơ khí chế tạo.                                                        |                        | 1    |    |            |      |    |         |      |    |
| 2  | 2. Vật liệu<br>cơ khí                          | 2.1. Tổng quan về vật<br>liệu cơ khí                | <b>NB.</b> Trình bày được khái niệm cơ bản và<br>phân loại các vật liệu cơ khí.                                                              | 1                      |      |    |            |      |    |         |      |    |
|    |                                                | 2.2. Vật liệu kim loại<br>và hợp kim                | <b>TH.</b> Nhận biết được tính chất cơ bản của<br>một số vật liệu kim loại phổ biến bằng<br>phương pháp đơn giản.                            |                        | 1    |    |            |      |    |         |      |    |
|    |                                                | 2.3. Vật liệu phi kim<br>loại                       | <b>TH.</b> Mô tả được tính chất cơ bản, công<br>dụng của vật liệu phi kim loại.                                                              |                        | 1    |    |            |      |    |         |      |    |
|    |                                                | 2.4. Vật liệu mới                                   | <b>NB.</b> Trình bày được tính chất của một số<br>loại vật liệu mới.<br><b>NB.</b> Trình bày được công dụng của một<br>số loại vật liệu mới. | 2                      |      |    |            |      |    |         |      |    |
| 3  | 3. Các<br>phương<br>pháp gia<br>công cơ khí    | 3.1. Khái quát về gia<br>công cơ khí                | <b>NB.</b> Kể tên được các phương pháp gia<br>công cơ khí<br><b>NB.</b> Mô tả được các phương pháp gia<br>công cơ khí                        | 2                      |      |    |            |      |    |         |      |    |

| TT | Chương/<br>chủ đề  | Đơn vị kiến thức                                                | Yêu cầu cần đạt<br>(Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ)                                                                                                                                                                                                                                                                        | Số lượng câu hỏi       |      |    |            |      |    |         |      |    |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|----|------------|------|----|---------|------|----|
|    |                    |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Trắc nghiệm khách quan |      |    |            |      |    | Tự luận |      |    |
|    |                    |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Nhiều lựa chọn         |      |    | Đúng - Sai |      |    |         |      |    |
|    |                    |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Biết                   | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |
|    |                    | 3.2. Một số phương pháp gia công cơ khí                         | <b>NB:</b> - Biết được những nội dung cơ bản của phương pháp hàn.<br><b>NB:</b> - Biết được những nội dung cơ bản của phương pháp đúc.<br><b>TH</b> - Trình bày được những nội dung cơ bản của phương pháp tiện.<br>- Trình bày được ưu nhược điểm của phương pháp đúc.<br><b>VD</b> - Vận dụng được phương pháp đúc vào đời sống | 2                      |      |    | 1          |      |    |         |      |    |
|    |                    |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                        | 1    | 1  | 2          |      |    |         |      |    |
|    |                    | 3.3. Quy trình công nghệ gia công chi tiết                      | <b>NB:</b> Trình bày được khái niệm về lập quy trình công nghệ gia công chi tiết<br><b>TH.</b> Xác định được các bước lập quy trình công nghệ gia công chi tiết<br><b>VD:</b> Lập được quy trình công nghệ gia công chi tiết đơn giản                                                                                             | 1                      | 1    |    |            |      |    |         |      | 1  |
| 4  | 4. Sản xuất cơ khí | 4.1. Quá trình sản xuất cơ khí                                  | <b>NB</b> - Trình bày được các bước của quá trình sản xuất cơ khí?<br><b>TH</b> - Hiểu rõ được nội dung của từng bước trong quá trình sản xuất cơ khí<br><b>VD.</b> Phân tích được các bước của quá trình sản xuất cơ khí                                                                                                         | 1                      | 1    |    |            |      |    |         | 1    |    |
|    |                    | 4.2. Dây truyền sản xuất tự động với sự tham gia của robot      | <b>NB.</b> Biết được robot công nghiệp là gì.<br><b>TH.</b> Mô tả được dây chuyền sản xuất tự động hóa có sử dụng robot công nghiệp.                                                                                                                                                                                              | 1                      |      |    |            |      |    |         |      |    |
|    |                    | 4.3. Tự động hóa quá trình sản xuất dưới tác động của cuộc cách | <b>NB.</b> Nhận biết được tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong tự động hoá quá trình sản xuất                                                                                                                                                                                                                        | 1                      |      |    |            |      |    |         |      |    |

| TT        | Chương/<br>chủ đề | Đơn vị kiến thức                                                 | Yêu cầu cần đạt<br>(Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số lượng câu hỏi       |      |    |            |      |    |         |      |    |
|-----------|-------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|----|------------|------|----|---------|------|----|
|           |                   |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Trắc nghiệm khách quan |      |    |            |      |    | Tự luận |      |    |
|           |                   |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Nhiều lựa chọn         |      |    | Đúng - Sai |      |    |         |      |    |
|           |                   |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Biết                   | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |
|           |                   | mạng công nghiệp lần thứ 4                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                        |      |    |            |      |    |         |      |    |
|           |                   | 4.4. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sản xuất cơ khí | <b>NB.</b> - Trình bày được khái niệm an toàn lao động.<br>- Nhận biết được một số yếu tố gây mất an toàn trong sản xuất cơ khí.<br><b>TH.</b> Trình bày được các biện pháp về kỹ thuật an toàn.<br><b>VD.</b> - Liên hệ được một số điều luật về sử dụng người lao động.<br>- Nhận thức được tầm quan trọng của an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sản xuất cơ khí. | 1                      | 1    |    | 1          |      |    |         |      |    |
|           |                   |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                        |      |    | 1          | 1    | 2  |         |      |    |
| Tổng cộng |                   |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 14                     | 6    |    | 2          |      |    |         | 1    | 1  |

## B. CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP

### I. Hình thức, thời gian đề kiểm tra, đánh giá định kì

- Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, trong đó: tỉ lệ điểm trắc nghiệm là **70%**, tỉ lệ điểm tự luận là **30%**.

- Thời gian: **45 phút**

#### Cấu trúc:

+ Mức độ đề: 40% *Nhận biết*; 30% *Thông hiểu*; 30% *Vận dụng*.

+ Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 20 Câu = 5,0 điểm

+ Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu = 8 ý = 2,0 điểm

+ Phần III. Tự luận: 2 câu = 3 điểm

II. Ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì tham khảo

| TT | Chủ đề<br>/Chương                              | Nội dung/đơn vị kiến thức                                                       | Mức độ đánh giá |      |    |                 |      |    |         |      |    | Tổng câu/ý hỏi |      |    | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |   |
|----|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------|----|-----------------|------|----|---------|------|----|----------------|------|----|--------------------|---|
|    |                                                |                                                                                 | TNKQ nhiều LC   |      |    | TNKQ đúng - sai |      |    | Tự luận |      |    |                |      |    |                    |   |
|    |                                                |                                                                                 | Biết            | Hiểu | VD | Biết            | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD | Biết           | Hiểu | VD |                    |   |
| 1  | Chủ đề 4.<br>Phòng trị<br>bệnh cho<br>vật nuôi | 4.1. Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi.                               | C1              | C2   |    |                 |      |    |         |      |    | 1              | 1    |    | 5                  |   |
|    |                                                | 4.2. Một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi.                                      | C3              | C4   |    |                 |      |    |         |      |    |                | 1    | 1  |                    | 5 |
|    |                                                | 4.3. Một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. | C5              | C6   |    |                 |      |    |         |      |    |                | 1    | 1  |                    | 5 |
| 2  | Chủ đề 5<br>Công nghệ<br>chăn nuôi             | 5.1. Chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi                           | C7              | C8   |    |                 |      |    |         |      |    | 1              | 1    |    | 5                  |   |
|    |                                                | 5.2. Quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi phổ biến.                        | C9              | C10  |    |                 |      |    |         |      |    |                | 1    | 1  |                    | 5 |
|    |                                                | 5.3. Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP.                                         | C11             | C12  |    |                 |      |    |         |      |    |                | 1    | 1  |                    | 5 |

|                   |                                      |                                               |          |     |  |       |       |          |     |   |     |    |    |    |     |
|-------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------|----------|-----|--|-------|-------|----------|-----|---|-----|----|----|----|-----|
|                   |                                      | 5.4. Chăn nuôi công nghệ cao                  | C13, C14 |     |  |       |       |          | C23 |   | 2   | 1  |    | 15 |     |
|                   |                                      | 5.5. Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi. | C15, C16 |     |  | C21.a | C21.b | C21.c, d |     |   |     | 3  | 1  | 2  | 15  |
| 3                 | 6. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | 6.1. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.       | C17, C18 |     |  |       |       |          |     |   | C24 | 2  |    | 1  | 25  |
|                   |                                      | 6.2. Xử lí chất thải chăn nuôi                | C19, C20 |     |  | C22.a | C22.b | C22.c, d |     |   |     | 3  | 1  | 2  | 15  |
| Tổng số câu/ý hỏi |                                      |                                               | 14       | 6   |  | 2     | 2     | 4        |     | 1 | 1   | 16 | 9  | 5  | 30  |
| Tổng số điểm      |                                      |                                               | 3.5      | 1.5 |  | 0.5   | 0.5   | 1        |     | 1 | 2   | 4  | 3  | 3  | 10  |
| Tỉ lệ %           |                                      |                                               | 50       |     |  | 20    |       |          | 30  |   |     | 40 | 30 | 30 | 100 |

### III. Đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kì tham khảo

| TT | Chủ đề/<br>Chương    | Nội dung/ đơn<br>vị kiến thức                           | Yêu cầu cần đạt                                                           | Số câu hỏi/ý hỏi ở các mức độ đánh giá |      |    |          |      |    |         |      |    |
|----|----------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------|----|----------|------|----|---------|------|----|
|    |                      |                                                         |                                                                           | TNKQ                                   |      |    |          |      |    | Tự luận |      |    |
|    |                      |                                                         |                                                                           | Nhiều lựa chọn                         |      |    | Đúng/sai |      |    |         |      |    |
|    |                      |                                                         |                                                                           | Biết                                   | Hiểu | VD | Biết     | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |
| 1  | 4. Phòng<br>trị bệnh | 4.1. Vai trò của<br>phòng, trị bệnh<br>trong chăn nuôi. | Nhận biết:<br><br>- Trình bày được khái niệm của bệnh<br>trong chăn nuôi. | 1                                      | 1    |    |          |      |    |         |      |    |



| TT | Chủ đề/<br>Chương | Nội dung/ đơn<br>vị kiến thức                                                          | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                         | Số câu hỏi/ý hỏi ở các mức độ đánh giá |          |    |          |      |    |         |      |    |
|----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------|----|----------|------|----|---------|------|----|
|    |                   |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                         | TNKQ                                   |          |    |          |      |    | Tự luận |      |    |
|    |                   |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                         | Nhiều lựa chọn                         |          |    | Đúng/sai |      |    |         |      |    |
|    |                   |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                         | Biết                                   | Hiểu     | VD | Biết     | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |
|    | cho vật<br>nuôi   |                                                                                        | <b>Thông hiểu:</b><br><br>- Giải thích được ý nghĩa của phòng bệnh trong chăn nuôi.                                                                                                                                                                     |                                        |          |    |          |      |    |         |      |    |
|    |                   | <b>4.2. Một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi.</b>                                      | <b>Nhận biết:</b><br><br>- Nêu được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia cầm.<br><br><b>Thông hiểu:</b><br><br>- Lựa chọn được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến.                                     | <b>1</b>                               | <b>1</b> |    |          |      |    |         |      |    |
|    |                   | <b>4.3. Một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi.</b> | <b>Nhận biết:</b><br><br>- Nêu được ưu điểm của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi.<br><br><b>Thông hiểu:</b><br><br>- Phân tích được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. | <b>1</b>                               | <b>1</b> |    |          |      |    |         |      |    |

| TT | Chủ đề/<br>Chương | Nội dung/ đơn<br>vị kiến thức                            | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                             | Số câu hỏi/ý hỏi ở các mức độ đánh giá |      |    |          |      |    |         |      |    |
|----|-------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------|----|----------|------|----|---------|------|----|
|    |                   |                                                          |                                                                                                                                                                                                                             | TNKQ                                   |      |    |          |      |    | Tự luận |      |    |
|    |                   |                                                          |                                                                                                                                                                                                                             | Nhiều lựa chọn                         |      |    | Đúng/sai |      |    |         |      |    |
|    |                   |                                                          |                                                                                                                                                                                                                             | Biết                                   | Hiểu | VD | Biết     | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |
|    |                   | 5.1. Chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi    | <b>Nhận biết:</b><br><br>- Kể tên được các loại chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi.<br><b>Thông hiểu</b><br><br>- So sánh được các kiểu chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi.                                             | 1                                      | 1    |    |          |      |    |         |      |    |
|    |                   | 5.2. Quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi phổ biến. | <b>Nhận biết:</b><br><br>- Nêu được một số yêu cầu cơ bản về chăm sóc đối với các loại vật nuôi phổ biến.<br><b>Thông hiểu</b><br><br>- Phân tích được một số yêu cầu cơ bản về thức ăn đối với các loại vật nuôi phổ biến. | 1                                      | 1    |    |          |      |    |         |      |    |
|    |                   | 5.3. Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP                   | <b>Nhận biết:</b><br><br>- Nêu được nội dung các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP.                                                                                                                    | 1                                      | 1    |    |          |      |    |         |      |    |

| TT | Chủ đề/<br>Chương               | Nội dung/ đơn<br>vị kiến thức                        | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                 | Số câu hỏi/ý hỏi ở các mức độ đánh giá |      |    |          |          |          |         |          |    |
|----|---------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------|----|----------|----------|----------|---------|----------|----|
|    |                                 |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TNKQ                                   |      |    |          |          |          | Tự luận |          |    |
|    |                                 |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nhiều lựa chọn                         |      |    | Đúng/sai |          |          |         |          |    |
|    |                                 |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Biết                                   | Hiểu | VD | Biết     | Hiểu     | VD       | Biết    | Hiểu     | VD |
| 2  | 5. Công<br>nghệ<br>chăn<br>nuôi |                                                      | <b>Thông hiểu</b><br><br>- Phân tích được nội dung các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP.                                                                                                                                                                  |                                        |      |    |          |          |          |         |          |    |
|    |                                 | <b>5.4. Chăn nuôi công nghệ cao</b>                  | <b>Nhận biết:</b><br><br>- Nêu được khái niệm chăn nuôi công nghệ cao.<br>- Kể tên được một số công nghệ cao được áp dụng phổ biến trong chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới.                                                                                                 | <b>2</b>                               |      |    |          |          |          |         | <b>1</b> |    |
|    |                                 | <b>5.5. Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi.</b> | <b>Nhận biết:</b><br><br>- Nêu được khái niệm về bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi.<br>- Kể tên được một số phương pháp bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi.<br>- Trình bày được ưu và nhược điểm của các phương pháp bảo quản, chế biến sản phẩm chăn nuôi phổ biến. | <b>2</b>                               |      |    | <b>1</b> | <b>1</b> | <b>2</b> |         |          |    |

| TT | Chủ đề/<br>Chương                    | Nội dung/ đơn<br>vị kiến thức           | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số câu hỏi/ý hỏi ở các mức độ đánh giá |      |    |          |      |    |         |      |    |   |
|----|--------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------|----|----------|------|----|---------|------|----|---|
|    |                                      |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | TNKQ                                   |      |    |          |      |    | Tự luận |      |    |   |
|    |                                      |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Nhiều lựa chọn                         |      |    | Đúng/sai |      |    |         |      |    |   |
|    |                                      |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Biết                                   | Hiểu | VD | Biết     | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |   |
|    |                                      |                                         | <b>Thông hiểu</b><br><br>- Lựa chọn được phương pháp chế biến phù hợp cho một số loại sản phẩm chăn nuôi phổ biến.<br><br><b>Vận dụng</b><br><br>- Đề xuất được phương pháp bảo quản, chế biến phù hợp cho một sản phẩm chăn nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương.<br><br>- Đề xuất được giải pháp để nâng cao hiệu quả bảo quản một sản phẩm chăn nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương. |                                        |      |    |          |      |    |         |      |    |   |
| 6  | 6. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | 6.1. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. | <b>Nhận biết:</b><br><br>- Nêu được khái niệm ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi<br><br>- Liệt kê được các nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.                                                                                                                                                                                                                     | 2                                      |      |    |          |      |    |         |      |    | 1 |

| TT | Chủ đề/<br>Chương | Nội dung/ đơn<br>vị kiến thức         | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số câu hỏi/ý hỏi ở các mức độ đánh giá |      |    |          |          |          |         |      |    |
|----|-------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------|----|----------|----------|----------|---------|------|----|
|    |                   |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | TNKQ                                   |      |    |          |          |          | Tự luận |      |    |
|    |                   |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Nhiều lựa chọn                         |      |    | Đúng/sai |          |          |         |      |    |
|    |                   |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Biết                                   | Hiểu | VD | Biết     | Hiểu     | VD       | Biết    | Hiểu | VD |
|    |                   |                                       | <b>Vận dụng:</b><br><br>- Đề xuất được biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi phù hợp với thực tiễn chăn nuôi của gia đình, địa phương.                                                                                                                                                                                                                            |                                        |      |    |          |          |          |         |      |    |
|    |                   | <b>6.2. Xử lí chất thải chăn nuôi</b> | <b>Nhận biết:</b><br><br>- Nêu được nguồn phát sinh chất thải trong chăn nuôi.<br><br>- Nêu được một số phương pháp xử lí chất thải khí trong chăn nuôi.<br><br>- Nêu được một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong xử lí chất thải chăn nuôi.<br><br><b>Thông hiểu:</b><br><br>- Mô tả được một số phương pháp xử lí chất thải rắn trong chăn nuôi.<br><br><b>Vận dụng:</b> | <b>2</b>                               |      |    | <b>1</b> | <b>1</b> | <b>2</b> |         |      |    |

| TT                | Chủ đề/<br>Chương | Nội dung/ đơn<br>vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt                                                                                                    | Số câu hỏi/ý hỏi ở các mức độ đánh giá |      |    |          |      |    |         |      |    |
|-------------------|-------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------|----|----------|------|----|---------|------|----|
|                   |                   |                               |                                                                                                                    | TNKQ                                   |      |    |          |      |    | Tự luận |      |    |
|                   |                   |                               |                                                                                                                    | Nhiều lựa chọn                         |      |    | Đúng/sai |      |    |         |      |    |
|                   |                   |                               |                                                                                                                    | Biết                                   | Hiểu | VD | Biết     | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD |
|                   |                   |                               | - Đề xuất được biện pháp xử lí chất thải<br>chăn nuôi phù hợp với thực tiễn chăn<br>nuôi của gia đình, địa phương. |                                        |      |    |          |      |    |         |      |    |
| Tổng số câu/ý hỏi |                   |                               |                                                                                                                    | 14                                     | 6    |    | 2        | 2    | 4  |         | 1    | 1  |
| Tổng số điểm      |                   |                               |                                                                                                                    | 5,0                                    |      |    | 2,0      |      |    | 3,0     |      |    |
| Tỉ lệ %           |                   |                               |                                                                                                                    | 50                                     |      |    | 20       |      |    | 30      |      |    |

**PHỤ LỤC 14**  
**HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN LỊCH SỬ THPT**  
(Kèm theo Công văn số            /SGDDT-GDPT ngày        /12/2024 của Sở GDĐT)

- I. Hình thức, thời gian đề kiểm tra, đánh giá định kì**
- Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, trong đó: tỉ lệ điểm trắc nghiệm là **70%**, tỉ lệ điểm tự luận là **30%**.
  - Thời gian: **45** phút, đối với trường chuyên thời gian tối đa **90** phút.

**II. Ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì**

**1. Khung ma trận kiểm tra, đánh giá định kì**

| TT  | Chủ đề/<br>chương | Nội dung/ đơn<br>vị kiến thức | Mức độ đánh giá  |      |             |                           |      |             |         |      |             | Tổng |      |             | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|-----|-------------------|-------------------------------|------------------|------|-------------|---------------------------|------|-------------|---------|------|-------------|------|------|-------------|--------------------|
|     |                   |                               | TNKQ             |      |             |                           |      |             | Tự luận |      |             |      |      |             |                    |
|     |                   |                               | Nhiều lựa chọn   |      |             | “Đúng – sai” <sup>2</sup> |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
|     |                   |                               | Biết             | Hiểu | Vận<br>dụng | Biết                      | Hiểu | Vận<br>dụng | Biết    | Hiểu | Vận<br>dụng | Biết | Hiểu | Vận<br>dụng |                    |
| 1   | Chủ đề 1          |                               |                  |      |             |                           |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
| 2   | Chủ đề 2          |                               |                  |      |             | (n) <sup>3</sup>          |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
| ... | Chủ đề ...        |                               |                  |      |             |                           |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
|     | Tổng số câu       |                               |                  |      |             |                           |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
|     | Tổng số điểm      |                               | 3,0 <sup>4</sup> |      |             | 4,0                       |      |             | 3,0     |      |             | 4,0  | 3,0  | 3,0         |                    |
|     | Tỉ lệ %           |                               | 30               |      |             | 40                        |      |             | 30      |      |             | 40   | 30   | 30          |                    |

<sup>2</sup> Mỗi câu hỏi bao gồm 4 ý nhỏ, mỗi học sinh phải chọn đúng hoặc sai. Một số tài liệu xếp câu hỏi này vào loại *Nhiều lựa chọn phức hợp* hoặc *Nhiều lựa chọn có nhiều phương án đúng*.

<sup>3</sup> Có ở trong một số ô của ma trận, thể hiện số câu hỏi hoặc câu hỏi số bao nhiêu.

<sup>4</sup> Lựa chọn sao cho được khoảng 3,0 điểm, tương ứng với tỷ lệ khoảng 30%; tương tự như thế đối với các dạng khác.

## 2. Ví dụ minh họa ma trận kiểm tra, đánh giá cuối kì I – Lớp 12

**Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra cuối học kì 1.

**Thời gian làm bài:** 45 phút.

**Hình thức:** Trắc nghiệm 70%, tự luận 30%

**Cấu trúc:**

+ Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

+ Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 12 Câu = 3,0 điểm

+ Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 4 Câu = 16 ý = 4,0 điểm

+ Phần III. Tự luận: 2 câu = 3 điểm.

| TT | Chủ đề/ chương                                   | Nội dung/ đơn vị kiến thức                                           | Mức độ đánh giá |      |          |              |      |          |         |       |          | Tổng |           |           | Tỉ lệ % điểm |
|----|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------|------|----------|--------------|------|----------|---------|-------|----------|------|-----------|-----------|--------------|
|    |                                                  |                                                                      | TNKQ            |      |          |              |      |          | Tự luận |       |          |      |           |           |              |
|    |                                                  |                                                                      | Nhiều lựa chọn  |      |          | “Đúng – sai” |      |          |         |       |          |      |           |           |              |
|    |                                                  |                                                                      | Biết            | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu  | Vận dụng | Biết | Hiểu      | Vận dụng  |              |
| 1  | Chủ đề 1. Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh | Liên hợp quốc                                                        | 4               | 1    |          |              |      |          |         |       | 4        | 1    |           | 12,5      |              |
|    |                                                  | Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh                              |                 |      |          |              |      |          |         |       |          |      |           |           |              |
|    |                                                  | Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh                                |                 |      |          |              |      |          |         |       |          |      |           |           |              |
| 2  | Chủ đề 2. ASEAN: Những chặng đường lịch sử       | Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) | 4               | 1    |          |              |      |          |         |       | 4        | 1    |           | 12,5      |              |
|    |                                                  | Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực.                           |                 |      |          |              |      |          |         |       |          |      |           |           |              |
| 3  | Chủ đề 3: Cách mạng tháng Tám năm 1945,          | Cách mạng tháng Tám năm 1945.                                        |                 |      | 2        | 8            | 4    | 4        |         | III.1 | III.2    | 8    | 4 + III.1 | 6 + III.2 | 75,0         |



|  |                                                                                                                             |                                                     |     |   |   |     |   |   |  |     |     |     |           |           |     |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----|---|---|-----|---|---|--|-----|-----|-----|-----------|-----------|-----|
|  | <b>chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng Tám năm 1945 đến nay).</b> | Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954). |     |   |   |     |   |   |  |     |     |     |           |           |     |
|  | <b>Tổng số câu/ ý hỏi</b>                                                                                                   |                                                     | 8   | 2 | 2 | 8   | 4 | 4 |  | 1   | 1   | 16  | 6 + III.1 | 6 + III.2 | 100 |
|  | <b>Tổng số điểm</b>                                                                                                         |                                                     | 3,0 |   |   | 4,0 |   |   |  | 1,5 | 1,5 | 4,0 | 3,0       | 3,0       | 10  |
|  |                                                                                                                             |                                                     |     |   |   |     |   |   |  | 3,0 |     |     |           |           |     |
|  | <b>Tỉ lệ %</b>                                                                                                              |                                                     | 30  |   |   | 40  |   |   |  | 30  |     | 40  | 30        | 30        | 100 |

### III. Đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kì

#### 1. Khung đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kì

| TT  | Chủ đề/ chương | Nội dung/ đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Mức độ đánh giá       |      |          |                                 |                           |          |         |      |          |
|-----|----------------|----------------------------|-----------------|-----------------------|------|----------|---------------------------------|---------------------------|----------|---------|------|----------|
|     |                |                            |                 | TNKQ                  |      |          |                                 |                           |          | Tự luận |      |          |
|     |                |                            |                 | <i>Nhiều lựa chọn</i> |      |          | <i>“Đúng – sai”<sup>2</sup></i> |                           |          |         |      |          |
|     |                |                            |                 | Biết                  | Hiểu | Vận dụng | Biết                            | Hiểu                      | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
| 1   | Chủ đề 1       |                            |                 |                       |      |          |                                 |                           |          |         |      |          |
| 2   | Chủ đề 2       |                            |                 |                       |      |          |                                 | (n)<br>(NL?) <sup>5</sup> |          |         |      |          |
| ... | Chủ đề ...     |                            |                 |                       |      |          |                                 |                           |          |         |      |          |
|     | Tổng số câu    |                            |                 |                       |      |          |                                 |                           |          |         |      |          |
|     | Tổng số điểm   |                            |                 | 3,0                   |      |          | 4,0                             |                           |          | 3,0     |      |          |
|     | Tỉ lệ %        |                            |                 | 30                    |      |          | 40                              |                           |          | 30      |      |          |

<sup>5</sup> Có ở một ô của bản đặc tả, ghi tắt tên của năng lực (đã được quy định trong chương trình môn học/ hoạt động giáo dục).

**THLS:** Năng lực tìm hiểu lịch sử.

**NT&TD:** Nhận thức và tư duy lịch sử.

**VD KT, KN:** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

## 2. Ví dụ đặc tả đề kiểm tra cuối kì I – lớp 12

| TT | Chủ đề/ chương                                   | Nội dung/ đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mức độ đánh giá            |                    |          |                           |      |          |         |      |          |
|----|--------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------|----------|---------------------------|------|----------|---------|------|----------|
|    |                                                  |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | TNKQ                       |                    |          |                           |      |          | Tự luận |      |          |
|    |                                                  |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Nhiều lựa chọn             |                    |          | “Đúng – sai” <sup>2</sup> |      |          |         |      |          |
|    |                                                  |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Biết                       | Hiểu               | Vận dụng | Biết                      | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
| 1  | Chủ đề 1. Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh | Liên hợp quốc              | <b>Nhận biết:</b><br>- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về quá trình thành lập Liên hợp quốc.<br>- Nêu được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc.<br>- Trình bày được mục tiêu và nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc.<br>- Nêu được vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế.<br>- Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong lĩnh vực thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân.<br>- Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Lí giải được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc.<br>- Hiểu được mục tiêu và nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc.<br>- Lí giải được vai trò của Liên hợp quốc trong việc: duy trì | 4<br>THLS<br>(C1, 2, 3, 4) | 1<br>NT&TD<br>(C9) |          |                           |      |          |         |      |          |

[illegible]

|   |                                                   |                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                            |                     |  |  |  |  |  |  |  |
|---|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|--|--|--|--|--|--|--|
|   |                                                   |                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát và lí giải được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.</li> <li>- Khái quát và lí giải được: khái niệm đa cực; xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                            |                     |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | <b>Chủ đề 2. ASEAN: Những chặng đường lịch sử</b> | Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về quá trình thành lập ASEAN.</li> <li>- Trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN.</li> <li>- Trình bày được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10.</li> <li>- Nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (1967 đến nay).</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát và lí giải được được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN.</li> <li>- Vai trò của Thái Lan trong quá trình thành lập ASEAN.</li> <li>- Lí giải được nguyên nhân dẫn đến sự giải tán của các tổ chức tiền thân của ASEAN.</li> <li>- Lí giải được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10.</li> <li>- Khái quát được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (1967 đến nay).</li> <li>- Xác định và lí giải được sự kiện mang tính bước ngoặt trong quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10.</li> </ul> | 4<br>THLS<br>(C5, 6, 7, 8) | 1<br>NT&TD<br>(C10) |  |  |  |  |  |  |  |

|   |                                                                                                                                                                     |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |  |                                   |                                                       |                                      |                                              |  |                    |                       |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------|--|--------------------|-----------------------|
|   |                                                                                                                                                                     | Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực. | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu để tìm hiểu về quá trình hình thành và mục tiêu của Cộng đồng ASEAN.</li> <li>- Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.</li> <li>- Trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.</li> <li>- Nêu được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhân tố tác động tới việc hình thành Cộng đồng ASEAN.</li> <li>- Hiểu được đặc điểm Cộng đồng ASEAN.</li> <li>- Hiểu được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN (Bản chất, mục đích, hoạt động chính, vai trò, ...).</li> <li>- Hiểu được về những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.</li> </ul> |  |  |                                   |                                                       |                                      |                                              |  |                    |                       |
| 3 | <b>Chủ đề 3: Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng Tám năm 1945 đến nay).</b> | Cách mạng tháng Tám năm 1945.              | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.</li> <li>- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được về bối cảnh lịch sử, nhiệm vụ cách mạng, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  | 2 VD<br>KT,<br>KN<br>(C11,<br>12) | 8<br>THLS<br>(1a,b;<br>2 a, b;<br>3 a, b;<br>4 a, b). | 4<br>NT&TD<br>(1c<br>2c<br>3c<br>4c) | 4 VD<br>KT,<br>KN<br>(1d<br>2d<br>3d<br>4d). |  | III.1<br>NT&T<br>D | III.2<br>VD KT,<br>KN |

[illegible]

|  |                           |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |            |   |   |            |   |   |            |   |   |
|--|---------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---|---|------------|---|---|------------|---|---|
|  |                           |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ra được đặc điểm của kháng chiến chống Pháp.</li> <li>- So sánh các vấn đề liên quan với kháng chiến chống Pháp.</li> <li>- Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 - 1954. Trân trọng những bài học kinh nghiệm trong lịch sử và sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.</li> </ul> |            |   |   |            |   |   |            |   |   |
|  | <b>Tổng số câu/ ý hỏi</b> |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8          | 2 | 2 | 8          | 4 | 4 |            | 1 | 1 |
|  | <b>Tổng số điểm</b>       |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>3,0</b> |   |   | <b>4,0</b> |   |   | <b>3,0</b> |   |   |
|  | <b>Tỉ lệ %</b>            |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>30</b>  |   |   | <b>40</b>  |   |   | <b>30</b>  |   |   |

**PHỤ LỤC 15**  
**HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN ĐỊA LÍ CẤP THPT**  
(Kèm theo Công văn số \_\_\_\_\_/SGDDT-GDPT ngày \_\_\_\_/12/2024 của Sở GDĐT)

**I. Hình thức, thời gian đề kiểm tra, đánh giá định kì**

**1. Thời gian:** 45 phút, đối với trường chuyên thời gian tối đa 120 phút.

**2. Hình thức**

- Khối 10, Khối 11: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

- Khối 12: Trắc nghiệm 100%.

- Phần trắc nghiệm đảm bảo có 3 dạng thức:

+ Dạng trắc nghiệm 04 phương án lựa chọn, chọn 01 phương án đúng, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

+ Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai: mỗi câu hỏi có 4 ý, tại mỗi ý chọn Đúng hoặc Sai, mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

+ Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn: mỗi câu đưa ra đáp số đúng được 0,25 điểm.



II. Ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì

1. Khối 10, Khối 11<sup>1</sup>

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT           | Chủ đề/<br>Chương | Nội dung/đơn vị<br>kiến thức | Mức độ đánh giá        |      |             |                 |              |             |                     |      |             |         |      |             | Tổng |      |             | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|--------------|-------------------|------------------------------|------------------------|------|-------------|-----------------|--------------|-------------|---------------------|------|-------------|---------|------|-------------|------|------|-------------|--------------------|
|              |                   |                              | Trắc nghiệm khách quan |      |             |                 |              |             |                     |      |             | Tự luận |      |             |      |      |             |                    |
|              |                   |                              | Nhiều lựa chọn<br>(1)  |      |             | Đúng/Sai<br>(2) |              |             | Trả lời ngắn<br>(3) |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
|              |                   |                              | Biết                   | Hiểu | Vận<br>dụng | Biết            | Hiểu         | Vận<br>dụng | Biết                | Hiểu | Vận<br>dụng | Biết    | Hiểu | Vận<br>dụng | Biết | Hiểu | Vận<br>dụng |                    |
| 1            | Chủ đề 1          | Nội dung 1                   |                        |      |             |                 |              |             |                     |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
|              |                   | Nội dung 2                   |                        |      |             |                 |              |             |                     |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
|              |                   | ...                          |                        |      |             |                 | (n)<br>(NL?) |             |                     |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
| 2            | Chủ đề 2          |                              |                        |      |             |                 |              |             |                     |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
|              |                   |                              |                        |      |             |                 |              |             |                     |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
|              |                   |                              |                        |      |             |                 |              |             |                     |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
| ...          | Chủ đề ....       |                              |                        |      |             |                 |              |             |                     |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
| Tổng số câu  |                   |                              |                        |      |             |                 |              |             |                     |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
| Tổng số điểm |                   |                              | 3,0                    |      |             | 3,0             |              |             | 1,0                 |      |             | 3,0     |      |             | 4,0  | 3,0  | 3,0         |                    |
| Tỉ lệ (%)    |                   |                              | 30                     |      |             | 30              |              |             | 10                  |      |             | 30      |      |             | 40   | 30   | 30          |                    |
|              |                   |                              | 100                    |      |             | 100             |              |             | 100                 |      |             | 100     |      |             | 100  |      |             |                    |

2. Khối 12

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT  | Chủ đề/<br>Chương | Nội dung/đơn vị<br>kiến thức | Mức độ đánh giá |      |          |              |      |          |              |      |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|-----|-------------------|------------------------------|-----------------|------|----------|--------------|------|----------|--------------|------|----------|------|------|----------|--------------------|
|     |                   |                              | Nhiều lựa chọn  |      |          | Đúng/Sai     |      |          | Trả lời ngắn |      |          |      |      |          |                    |
|     |                   |                              | Biết            | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |                    |
| 1   | Chủ đề 1          |                              |                 |      |          |              |      |          |              |      |          |      |      |          |                    |
|     |                   |                              |                 |      |          |              |      |          |              |      |          |      |      |          |                    |
|     |                   |                              |                 |      |          | (n)<br>(NL?) |      |          |              |      |          |      |      |          |                    |
| 2   | Chủ đề 2          |                              |                 |      |          |              |      |          |              |      |          |      |      |          |                    |
|     |                   |                              |                 |      |          |              |      |          |              |      |          |      |      |          |                    |
|     |                   |                              |                 |      |          |              |      |          |              |      |          |      |      |          |                    |
| ... | Chủ đề ....       |                              |                 |      |          |              |      |          |              |      |          |      |      |          |                    |

<sup>1</sup> Tỉ lệ điểm trắc nghiệm và tự luận tham khảo: 70% và 30%; có thể linh hoạt.

| TT           | Chủ đề/<br>Chương | Nội dung/đơn vị<br>kiến thức | Mức độ đánh giá |      |          |          |      |          |              |      |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|--------------|-------------------|------------------------------|-----------------|------|----------|----------|------|----------|--------------|------|----------|------|------|----------|--------------------|
|              |                   |                              | Nhiều lựa chọn  |      |          | Đúng/Sai |      |          | Trả lời ngắn |      |          |      |      |          |                    |
|              |                   |                              | Biết            | Hiểu | Vận dụng | Biết     | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |                    |
| Tổng số câu  |                   |                              |                 |      |          |          |      |          |              |      |          |      |      |          |                    |
| Tổng số điểm |                   |                              | 4,5             |      |          | 4,0      |      |          | 1,5          |      |          | 4,0  | 3,0  | 3,0      |                    |
| Tỉ lệ (%)    |                   |                              | 45              |      |          | 40       |      |          | 15           |      |          | 40   | 30   | 30       |                    |

III. Đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kì
 

1. Khối 10, Khối 11<sup>2</sup>

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT           | Chủ đề/Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt                                    | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          |
|--------------|---------------|---------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------|------|----------|----------|--------------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|
|              |               |                           |                                                    | Trắc nghiệm khách quan           |      |          |          |              |          |              |      |          | Tự luận |      |          |
|              |               |                           |                                                    | Nhiều lựa chọn                   |      |          | Đúng/Sai |              |          | Trả lời ngắn |      |          |         |      |          |
|              |               |                           |                                                    | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết     | Hiểu         | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
| 1            | Chủ đề 1      | Nội dung 1                | - Biết ...<br>NL1<br>- Hiểu ...<br>- VD ...<br>NL3 |                                  |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          |
|              |               | Nội dung 2                | - Hiểu...                                          |                                  |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          |
|              |               | .....                     | - VD...                                            |                                  |      |          |          | (n)<br>(NL?) |          |              |      |          |         |      |          |
| 2            | Chủ đề 2      |                           | - Biết...                                          |                                  |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          |
|              |               |                           | - Hiểu...                                          |                                  |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          |
|              |               |                           | - VD...                                            |                                  |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          |
| ...          | Chủ đề ....   |                           |                                                    |                                  |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          |
| Tổng số câu  |               |                           |                                                    |                                  |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          |
| Tổng số điểm |               |                           |                                                    | 3,0                              |      |          | 3,0      |              |          | 1,0          |      |          | 3,0     |      |          |
| Tỉ lệ (%)    |               |                           |                                                    | 30                               |      |          | 30       |              |          | 10           |      |          | 30      |      |          |

<sup>2</sup> Tỉ lệ điểm trắc nghiệm và tự luận tham khảo, có thể linh hoạt.

## 2. Khối 12

### BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT                  | Chủ đề/Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt                                    | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |           |              |          |              |      |          |
|---------------------|---------------|---------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------|------|----------|-----------|--------------|----------|--------------|------|----------|
|                     |               |                           |                                                    | Nhiều lựa chọn                   |      |          | Đúng/Sai  |              |          | Trả lời ngắn |      |          |
|                     |               |                           |                                                    | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết      | Hiểu         | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng |
| 1                   | Chủ đề 1      | Nội dung 1                | - Biết ...<br>NL1<br>- Hiểu ...<br>- VD ...<br>NL3 |                                  |      |          |           |              |          |              |      |          |
|                     |               | Nội dung 2                | - Hiểu...                                          |                                  |      |          |           |              |          |              |      |          |
|                     |               | ....                      | - VD...                                            |                                  |      |          |           | (n)<br>(NL?) |          |              |      |          |
| 2                   | Chủ đề 2      |                           | - Biết...                                          |                                  |      |          |           |              |          |              |      |          |
|                     |               |                           | - Hiểu<br>...<br>NL2                               |                                  |      |          |           |              |          |              |      |          |
|                     |               |                           | - VD...                                            |                                  |      |          |           |              |          |              |      |          |
| ...                 | Chủ đề ....   |                           |                                                    |                                  |      |          |           |              |          |              |      |          |
| <b>Tổng số câu</b>  |               |                           |                                                    |                                  |      |          |           |              |          |              |      |          |
| <b>Tổng số điểm</b> |               |                           |                                                    | 4,5                              |      |          | 4,0       |              |          | 1,5          |      |          |
| <b>Tỉ lệ (%)</b>    |               |                           |                                                    | <b>45</b>                        |      |          | <b>40</b> |              |          | <b>15</b>    |      |          |

**Ghi chú:** - (n): ghi thứ tự trong câu hỏi Đúng/Sai, ví dụ 1a, 1b, 1c, 1d;  
- (NL?): ghi tắt tên của năng lực đã được quy định trong Chương trình môn học.

Ký hiệu năng lực:

NL1: Nhận thức khoa học địa lí;

NL2: Tìm hiểu địa lí;

NL 3: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

- Căn cứ đặc điểm, đối tượng học sinh, điều kiện thực tế của nhà trường, học sinh có thể sử dụng Atlas Địa lí/Tập bản đồ Địa lí được biên soạn theo Chương trình GDPT 2018 theo quy định khi làm bài kiểm tra.

**PHỤ LỤC 16**  
**HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ THCS**  
(Kèm theo Công văn số            /SGDDT-GDPT ngày        /12/2024 của Sở GDĐT)

**A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

**I. Hình thức, thời gian đề kiểm tra, đánh giá định kì**

- Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, trong đó: tỉ lệ điểm trắc nghiệm là **35%**, tỉ lệ điểm tự luận là **15%**.
- Thời gian: **45 phút**.
- Tổng điểm: **5 điểm**

**II. Ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì**

**1. Khung ma trận kiểm tra, đánh giá định kì**

| TT  | Chủ đề/<br>chương | Nội dung/ đơn<br>vị kiến thức | Mức độ đánh giá  |      |             |                           |      |             |         |      |             | Tổng |      |             | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|-----|-------------------|-------------------------------|------------------|------|-------------|---------------------------|------|-------------|---------|------|-------------|------|------|-------------|--------------------|
|     |                   |                               | TNKQ             |      |             |                           |      |             | Tự luận |      |             |      |      |             |                    |
|     |                   |                               | Nhiều lựa chọn   |      |             | “Đúng – sai” <sup>2</sup> |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
|     |                   |                               | Biết             | Hiểu | Vận<br>dụng | Biết                      | Hiểu | Vận<br>dụng | Biết    | Hiểu | Vận<br>dụng | Biết | Hiểu | Vận<br>dụng |                    |
| 1   | Chủ đề 1          |                               |                  |      |             |                           |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
| 2   | Chủ đề 2          |                               |                  |      |             | (n) <sup>3</sup>          |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
| ... | Chủ đề ...        |                               |                  |      |             |                           |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
|     | Tổng số câu       |                               |                  |      |             |                           |      |             |         |      |             |      |      |             |                    |
|     | Tổng số điểm      |                               | 1,5 <sup>4</sup> |      |             | 2,0                       |      |             | 1,5     |      |             | 2,0  | 1,5  | 1,5         |                    |
|     | Tỉ lệ %           |                               | 15               |      |             | 20                        |      |             | 15      |      |             | 20   | 15   | 15          |                    |

<sup>2</sup> Mỗi câu hỏi bao gồm 4 ý nhỏ, mỗi học sinh phải chọn đúng hoặc sai. Một số tài liệu xếp câu hỏi này vào loại *Nhiều lựa chọn phức hợp* hoặc *Nhiều lựa chọn có nhiều phương án đúng*.

<sup>3</sup> Có ở trong một số ô của ma trận, thể hiện số câu hỏi hoặc câu hỏi số bao nhiêu.

<sup>4</sup> Lựa chọn sao cho được khoảng 1,5 điểm, tương ứng với tỷ lệ khoảng 15%; tương tự như thế đối với các dạng khác.

## 2. Ví dụ minh họa ma trận kiểm tra, đánh giá cuối kì I – Lớp 9

**Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra cuối học kì I

**Thời gian làm bài: 45 phút.**

**Hình thức:** Trắc nghiệm 35%, tự luận 15%

### Cấu trúc:

- + Mức độ đề: 20% Nhận biết; 15% Thông hiểu; 15% Vận dụng.
- + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 6 Câu = 1,5 điểm
- + Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu = 8 ý = 2,0 điểm
- + Phần III. Tự luận: 2 câu = 1.5 điểm.

[illegible]

|   |                           |                                                      |     |   |   |     |   |   |     |       |     |     |           |           |       |
|---|---------------------------|------------------------------------------------------|-----|---|---|-----|---|---|-----|-------|-----|-----|-----------|-----------|-------|
|   |                           | Cách mạng tháng Tám năm 1945                         |     |   |   |     |   |   |     |       |     |     |           |           |       |
| 3 | Thế giới từ năm 1945-1991 | Chiến tranh lạnh (1947 - 1989)                       |     | 1 | 1 | 2   | 1 | 1 |     | III.2 |     | 2   | 2 + III.2 | 2         | 22,5% |
|   |                           | Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 |     |   |   |     |   |   |     |       |     |     |           |           |       |
|   |                           | Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991  |     |   |   |     |   |   |     |       |     |     |           |           |       |
|   |                           | Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991                   |     |   |   |     |   |   |     |       |     |     |           |           |       |
|   |                           | Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991                      |     |   |   |     |   |   |     |       |     |     |           |           |       |
|   | Tổng số câu/ ý hỏi        |                                                      | 2   | 3 | 1 | 4   | 2 | 2 |     | 1     | 1   | 6   | 5 + III.1 | 3 + III.2 | 50%   |
|   | Tổng số điểm              |                                                      | 1,5 |   |   | 2,0 |   |   |     | 0,5   | 1,0 | 1,5 | 2,0       | 1,5       | 10    |
|   |                           |                                                      |     |   |   |     |   |   | 1,5 |       |     |     |           |           |       |
|   | Tỉ lệ %                   |                                                      | 15  |   |   | 20  |   |   | 15  |       |     | 15  | 20        | 15        | 50    |

| TT | Chủ đề/ chương | Nội dung/ đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Mức độ đánh giá |      |          |              |      |          |         |      |          |
|----|----------------|----------------------------|-----------------|-----------------|------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|
|    |                |                            |                 | TNKQ            |      |          |              |      |          | Tự luận |      |          |
|    |                |                            |                 | Nhiều lựa chọn  |      |          | “Đúng – sai” |      |          |         |      |          |
|    |                |                            |                 | Biết            | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
|    | Tổng số câu    |                            |                 |                 |      |          |              |      |          |         |      |          |
|    | Tổng số điểm   |                            |                 | 3,0             |      |          | 4,0          |      |          | 3,0     |      |          |
|    | Tỉ lệ %        |                            |                 | 30              |      |          | 40           |      |          | 30      |      |          |

\* Có ở một ô của bản đặc tả, ghi tắt tên của năng lực (đã được quy định trong chương trình môn học).

**\* Ghi chú:**

**Biết: Năng lực tìm hiểu lịch sử (THLS).**

**Hiếu: Nhân thức và tư duy lịch sử (NT&TD).**

**Vận dụng:** Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học (VD KT, KN).

## 2. Ví dụ đặc tả đề kiểm tra cuối kì I – lớp 9

| TT | Chủ đề/ chương                     | Nội dung/ đơn vị kiến thức                                                                                                                                | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                  | Mức độ đánh giá   |                    |          |              |      |          |         |      |          |
|----|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|
|    |                                    |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                  | TNKQ              |                    |          |              |      |          | Tự luận |      |          |
|    |                                    |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                  | Nhiều lựa chọn    |                    |          | “Đúng – sai” |      |          |         |      |          |
|    |                                    |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                  | Biết              | Hiểu               | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
| 1  | <b>Thế giới từ năm 1918 - 1945</b> | <div>Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945</div> <div>Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945</div> <div>Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945</div> | <b>Nhận biết:</b><br>Nhận biết được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.<br><br><b>Thông hiểu:</b><br>Phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại. | 1<br>(c1)<br>THLS | 1<br>(C2)<br>NT&TD |          |              |      |          |         |      |          |

| TT | Chủ đề/ chương                                             | Nội dung/ đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                                                                       | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mức độ đánh giá |              |          |              |          |              |         |      |                 |  |
|----|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------|----------|--------------|----------|--------------|---------|------|-----------------|--|
|    |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TNKQ            |              |          |              |          |              | Tự luận |      |                 |  |
|    |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Nhiều lựa chọn  |              |          | “Đúng – sai” |          |              |         |      |                 |  |
|    |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Biết            | Hiểu         | Vận dụng | Biết         | Hiểu     | Vận dụng     | Biết    | Hiểu | Vận dụng        |  |
|    |                                                            | Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                 |              |          |              |          |              |         |      |                 |  |
| 2  | Việt Nam từ năm 1918 - 1945<br>Việt Nam từ năm 1918 - 1945 | Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930<br>Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam<br>Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939<br>Cách mạng tháng Tám năm 1945<br>Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930 | <b>Nhận biết:</b><br>- Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam;<br>- Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước.<br>- Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Lý giải được công lao của Nguyễn Ái Quốc với cách mạng Việt Nam trong những năm 20 của thế kỉ XX.<br>- Lý giải được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 .<br><b>Vận dụng:</b><br>- Đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá | 1 (c3) THLS     | 1 (C4) NT&TD |          | 1a,b THLS    | 1c NT&TD | 1d VD KT, KN |         |      | III.1 VD KT, KN |  |



| TT | Chủ đề/ chương                   | Nội dung/ đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                             | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mức độ đánh giá |           |                    |              |             |                       |            |
|----|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|--------------|-------------|-----------------------|------------|
|    |                                  |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | TNKQ            |           |                    | Tự luận      |             |                       |            |
|    |                                  |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Nhiều lựa chọn  |           |                    | “Đúng – sai” |             |                       |            |
|    |                                  |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Biết            | Hiểu      | Vận dụng           | Biết         | Hiểu        | Vận dụng              |            |
|    |                                  |                                                                                                                                                                                                                        | trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.<br>- Đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                 |           |                    |              |             |                       |            |
| 3  | <b>Thế giới từ năm 1945-1991</b> | Chiến tranh lạnh (1947 - 1989)<br>Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991<br>Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991<br>Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991<br>Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991 | <b>Nhận biết:</b><br>Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.<br>- Lý giải được nét nổi bật về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba.<br>- Liên hệ được ý nghĩa Việt Nam gia nhập ASEAN. |                 | 1<br>(c5) | 1<br>(c6)<br>NT&TD | 2a,b<br>THLS | 2c<br>NT&TD | 2d<br>VD<br>KT,<br>KN | III.2      |
|    | <b>Tổng số câu/ ý hỏi</b>        |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2               | 3         | 1                  | 4            | 2           | 2                     | 1          |
|    | <b>Tổng số điểm</b>              |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>1,5</b>      |           |                    | <b>2,0</b>   |             |                       | <b>1,5</b> |
|    | <b>Tỉ lệ %</b>                   |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>30</b>       |           |                    | <b>40</b>    |             |                       | <b>30</b>  |

## **B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

### **I. Hình thức, thời gian đề kiểm tra, đánh giá định kì**

#### **1. Thời gian: 45 phút**

#### **2. Hình thức**

- Trắc nghiệm kết hợp tự luận, trong đó tỉ lệ điểm trắc nghiệm chiếm 30% - 50%, tỉ lệ điểm tự luận tương ứng chiếm 70% - 50% tổng số điểm của phần Địa lí.

- Phần trắc nghiệm đảm bảo có 3 dạng thức:

+ Dạng trắc nghiệm 04 phương án lựa chọn, chọn 01 phương án đúng, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

+ Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai: mỗi câu hỏi có 4 ý, tại mỗi ý chọn Đúng hoặc Sai, mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

+ Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn: mỗi câu đưa ra đáp số đúng được 0,25 điểm.

### **II. Ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì (tham khảo)<sup>1</sup>**

---

<sup>1</sup> Tỉ lệ điểm trắc nghiệm và tự luận tham khảo: 40% và 60%.

# MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT                    | Chủ đề/Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá        |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          | Tổng | Tỉ lệ % điểm phần Địa lí |    |     |
|-----------------------|---------------|---------------------------|------------------------|------|----------|----------|--------------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|------|--------------------------|----|-----|
|                       |               |                           | Trắc nghiệm khách quan |      |          |          |              |          |              |      |          | Tự luận |      |          |      |                          |    |     |
|                       |               |                           | Nhiều lựa chọn         |      |          | Đúng/Sai |              |          | Trả lời ngắn |      |          |         |      |          |      |                          |    |     |
|                       |               |                           | (1)                    |      |          | (2)      |              |          | (3)          |      |          |         |      |          |      |                          |    |     |
| Biết                  | Hiểu          | Vận dụng                  | Biết                   | Hiểu | Vận dụng | Biết     | Hiểu         | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |      |                          |    |     |
| 1                     | Chủ đề 1      | Nội dung 1                |                        |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          |      |                          |    |     |
|                       |               | Nội dung 2                |                        |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          |      |                          |    |     |
|                       |               | ...                       |                        |      |          |          | (n)<br>(NL?) |          |              |      |          |         |      |          |      |                          |    |     |
| 2                     | Chủ đề 2      |                           |                        |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          |      |                          |    |     |
|                       |               |                           |                        |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          |      |                          |    |     |
|                       |               |                           |                        |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          |      |                          |    |     |
| ...                   | Chủ đề ....   |                           |                        |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          |      |                          |    |     |
| Tổng số câu           |               |                           |                        |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          |      |                          |    |     |
| Tổng số điểm          |               |                           |                        |      |          |          |              |          |              |      |          |         |      |          |      |                          |    |     |
| Tỉ lệ (%) phần Địa lí |               |                           | 25                     |      |          | 10       |              |          | 5            |      |          | 60      |      |          | 40   | 30                       | 30 | 100 |

### III. Đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kì (tham khảo)

#### BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT                    | Chủ đề/Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt                                                | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
|-----------------------|---------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----------|--------------|------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|
|                       |               |                           |                                                                | Trắc nghiệm khách quan           |      |          |              |      |          |              |      |          | Tự luận |      |          |
|                       |               |                           |                                                                | Nhiều lựa chọn                   |      |          | Đúng/Sai     |      |          | Trả lời ngắn |      |          |         |      |          |
|                       |               |                           |                                                                | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
| 1                     | Chủ đề 1      | Nội dung 1                | - Biết ...<br><br>NL1<br>- Hiểu ...<br><br>- VD ...<br><br>NL3 |                                  |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
|                       |               | ...                       | - Hiểu...                                                      |                                  |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
|                       |               |                           | - VD...                                                        |                                  |      |          | (n)<br>(NL?) |      |          |              |      |          |         |      |          |
| 2                     | Chủ đề 2      | ...                       | - Biết...                                                      |                                  |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
|                       |               |                           | - Hiểu...                                                      |                                  |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
|                       |               |                           | - VD...                                                        |                                  |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
| ...                   | Chủ đề ....   |                           |                                                                |                                  |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
| Tổng số câu           |               |                           |                                                                |                                  |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
| Tổng số điểm          |               |                           |                                                                |                                  |      |          |              |      |          |              |      |          |         |      |          |
| Tỉ lệ (%) phần Địa lí |               |                           |                                                                | 25                               |      |          | 10           |      |          | 5            |      |          | 60      |      |          |

*Ghi chú:* - (n): ghi thứ tự trong câu hỏi Đúng/Sai, ví dụ 1a, 1b, 1c, 1d;

- (NL?): ghi tắt tên của năng lực đã được quy định trong Chương trình môn học.

Ký hiệu năng lực:

*NL1: Nhận thức khoa học địa lí;*

*NL2: Tìm hiểu địa lí;*

*NL 3: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*

- Căn cứ đặc điểm, đối tượng học sinh, điều kiện thực tế của nhà trường, học sinh có thể sử dụng Atlas Địa lí/Tập bản đồ Địa lí được biên soạn theo Chương trình GDPT 2018 theo quy định khi làm bài kiểm tra.

**PHỤ LỤC 17**  
**HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT CẤP THPT**  
(Kèm theo Công văn số                      /SGDDT-GDPT ngày                      /12/2024 của Sở GDĐT)

**I. Hình thức, thời gian đề kiểm tra, đánh giá định kì**

**1. Thời gian:** 45 phút

**2. Hình thức**

- Khối 10, Khối 11: Trắc nghiệm kết hợp tự luận, tỉ lệ 70% trắc nghiệm và 30% tự luận hoặc 60% trắc nghiệm và 40% tự luận.
- Khối 12: Trắc nghiệm 100%.
- Phần trắc nghiệm đảm bảo có 2 dạng thức:
  - + Dạng trắc nghiệm 04 phương án lựa chọn, chọn 01 phương án đúng, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.
  - + Dạng trắc nghiệm Đúng/ Sai. Mỗi câu hỏi có 4 ý, tại mỗi ý, HS lựa chọn đúng hoặc sai. Chọn chính xác, HS sẽ được 0,1 điểm một câu; 0,25 điểm nếu đúng hai câu; 0,5 điểm nếu đúng ba câu và 1,0 điểm nếu đúng bốn câu.

**II. Ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì**

**1. Khối 10, Khối 11<sup>1</sup>**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

| TT           | Chủ đề/<br>Chương | Nội dung/ đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá        |      |          |          |              |          |         |      |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ %<br>điểm |
|--------------|-------------------|----------------------------|------------------------|------|----------|----------|--------------|----------|---------|------|----------|------|------|----------|-----------------|
|              |                   |                            | Trắc nghiệm khách quan |      |          |          |              |          | Tự luận |      |          |      |      |          |                 |
|              |                   |                            | Nhiều lựa chọn         |      |          | Đúng-Sai |              |          |         |      |          |      |      |          |                 |
|              |                   |                            | Biết                   | Hiểu | Vận dụng | Biết     | Hiểu         | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |                 |
| 1            | Chủ đề 1          | Nội dung 1                 |                        |      |          |          |              |          |         |      |          |      |      |          |                 |
|              |                   | Nội dung 2                 |                        |      |          |          | (n)<br>(NL?) |          |         |      |          |      |      |          |                 |
| 2            | Chủ đề 2          | Nội dung 1                 |                        |      |          |          |              |          |         |      |          |      |      |          |                 |
|              |                   | Nội dung 2                 |                        |      |          |          |              |          |         |      |          |      |      |          |                 |
| Tổng số câu  |                   |                            |                        |      |          |          |              |          |         |      |          |      |      |          |                 |
| Tổng số điểm |                   |                            | 4,0                    |      |          | 3,0      |              |          | 3,0     |      |          | 4,0  | 3,0  | 3,0      |                 |
| Tỉ lệ %      |                   |                            | 40                     |      |          | 30       |              |          | 30      |      |          | 40   | 30   | 30       | 100             |

<sup>1</sup> Tỉ lệ điểm trắc nghiệm và tự luận tham khảo, có thể linh hoạt.

## 2. Khối 12

# MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT           | Chủ đề/<br>Chương | Nội dung/ đơn vị<br>kiến thức | Mức độ đánh giá        |      |          |          |              |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ %<br>điểm |
|--------------|-------------------|-------------------------------|------------------------|------|----------|----------|--------------|----------|------|------|----------|-----------------|
|              |                   |                               | Trắc nghiệm khách quan |      |          |          |              |          |      |      |          |                 |
|              |                   |                               | Nhiều lựa chọn         |      |          | Đúng-Sai |              |          |      |      |          |                 |
|              |                   |                               | Biết                   | Hiểu | Vận dụng | Biết     | Hiểu         | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |                 |
| 1            | Chủ đề 1          | Nội dung 1                    |                        |      |          |          |              |          |      |      |          |                 |
|              |                   | Nội dung 2                    |                        |      |          |          | (n)<br>(NL?) |          |      |      |          |                 |
| 2            | Chủ đề 2          | Nội dung 1                    |                        |      |          |          |              |          |      |      |          |                 |
|              |                   | Nội dung 2                    |                        |      |          |          |              |          |      |      |          |                 |
| Tổng số câu  |                   |                               |                        |      |          |          |              |          |      |      |          |                 |
| Tổng số điểm |                   |                               | 6,0                    |      |          | 4,0      |              |          | 4,0  | 3,0  | 3,0      |                 |
| Tỉ lệ %      |                   |                               | 60                     |      |          | 40       |              |          | 40   | 30   | 30       | 100             |

### III. Đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kì

## 1. Khối 10, Khối 11

[illegible]

|   |          |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|---|----------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 2 | Chủ đề 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |          |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chủ đề 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |          |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |          |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

## 2. Khỏi 12

| TT | Chủ đề   | Nội dung kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |    |            |              |    |
|----|----------|--------------------|-----------------|----------------------------------|------|----|------------|--------------|----|
|    |          |                    |                 | Trắc nghiệm khách quan           |      |    |            |              |    |
|    |          |                    |                 | Nhiều lựa chọn                   |      |    | “Đúng-Sai” |              |    |
|    |          |                    |                 | Biết                             | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu         | VD |
| 1  | Chủ đề 1 |                    | Biết....        |                                  |      |    |            |              |    |
|    |          |                    | Hiểu....        |                                  |      |    |            | (n)<br>(NL?) |    |
|    |          |                    | Vận dụng...     |                                  |      |    |            |              |    |
|    |          |                    |                 |                                  |      |    |            |              |    |
| 2  | Chủ đề 2 |                    |                 |                                  |      |    |            |              |    |
|    |          |                    |                 |                                  |      |    |            |              |    |
| 3  | Chủ đề 3 |                    |                 |                                  |      |    |            |              |    |
|    |          |                    |                 |                                  |      |    |            |              |    |
|    |          |                    |                 |                                  |      |    |            |              |    |

### Ghi chú:

- (n): ghi thứ tự trong câu hỏi Đúng/Sai, ví dụ 1a, 1b, 1c, 1d;
- (NL?): ghi tắt tên của năng lực đã được quy định trong Chương trình môn học.
- Ký hiệu năng lực:
  - NL1: Năng lực điều chỉnh hành vi
  - NL2: Năng lực phát triển bản thân
  - NL3: Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội.





|                     |  |            |  |            |  |            |  |            |            |            |             |  |  |  |  |
|---------------------|--|------------|--|------------|--|------------|--|------------|------------|------------|-------------|--|--|--|--|
|                     |  |            |  |            |  |            |  |            |            |            |             |  |  |  |  |
| <b>Tổng số câu</b>  |  |            |  |            |  |            |  |            |            |            |             |  |  |  |  |
| <b>Tổng số điểm</b> |  | 3,0        |  | 2,0        |  | 5,0        |  | 4,0        | 3,0        | 3,0        |             |  |  |  |  |
| <b>Tỉ lệ %</b>      |  | <b>30%</b> |  | <b>20%</b> |  | <b>50%</b> |  | <b>40%</b> | <b>30%</b> | <b>30%</b> | <b>100%</b> |  |  |  |  |

### III. Đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kì (Tham khảo)

| STT          | Chủ đề/Bài | Nội dung/đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt                                          | Mức độ đánh giá        |      |          |                |                  |          |         |  |  |      |      |
|--------------|------------|---------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------|------|----------|----------------|------------------|----------|---------|--|--|------|------|
|              |            |                           |                                                          | Trắc nghiệm khách quan |      |          |                |                  |          | Tự luận |  |  |      |      |
|              |            |                           |                                                          | Nhiều lựa chọn (1)     |      |          | Đúng – Sai (2) |                  |          |         |  |  |      |      |
|              |            |                           |                                                          | Biết                   | Hiểu | Vận dụng | Biết           | Hiểu             | Vận dụng |         |  |  | Biết | Hiểu |
| 1            | Chủ đề 1   | Nội dung 1                | - Biết ...<br>NL....<br>- Hiểu ...<br>- VD ...<br>NL.... |                        |      |          |                | (n)<br><br>(NL?) |          |         |  |  |      |      |
|              |            | Nội dung 2                | - Biết                                                   |                        |      |          |                |                  |          |         |  |  |      |      |
|              |            | .....                     | - VD                                                     |                        |      |          |                |                  |          |         |  |  |      |      |
| 2            | Chủ đề 2   |                           | - Hiểu                                                   |                        |      |          |                |                  |          |         |  |  |      |      |
|              |            |                           | - Biết                                                   |                        |      |          |                |                  |          |         |  |  |      |      |
|              |            |                           | - VD                                                     |                        |      |          |                |                  |          |         |  |  |      |      |
| ...          | Chủ đề.... |                           |                                                          |                        |      |          |                |                  |          |         |  |  |      |      |
| Tổng số câu  |            |                           |                                                          |                        |      |          |                |                  |          |         |  |  |      |      |
| Tổng số điểm |            |                           |                                                          | 3                      |      |          | 2              |                  |          | 5       |  |  |      |      |
| Tỉ lệ %      |            |                           |                                                          | 30%                    |      |          | 20%            |                  |          | 50%     |  |  |      |      |

**Ghi chú:**

- (n): ghi thứ tự trong câu hỏi Đúng/Sai, ví dụ 1a, 1b, 1c, 1d;
- (NL?): ghi tắt tên của năng lực đã được quy định trong Chương trình môn học./.

**PHỤ LỤC 19**  
**HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN TIẾNG PHÁP CẤP THPT**  
*(Kèm theo Công văn số            /SGDDT-GDPT ngày    /12/2024 của Sở GDĐT)*

**I. Hình thức, thời gian kiểm tra, đánh giá định kì**

- **Hình thức:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, với tỉ lệ điểm cụ thể:
  - + Trắc nghiệm: 60 - 75%.
  - + Tự luận: 25 - 40%.
- **Thời gian:** 60 - 90 phút; đối với trường chuyên, thời gian tối đa là 120 phút.

**II. Ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì**

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ**  
**MÔN: TIẾNG PHÁP – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

| TT           | Kĩ năng   | Nội dung/đơn vị kiến thức<br>(Theo chương trình ban hành theo<br>thông tư 19/2021/TT-BGDĐT) | Mức độ đánh giá |      |     |         |      |     | Tổng |      |    | Tỉ lệ<br>% điểm |
|--------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------|-----|---------|------|-----|------|------|----|-----------------|
|              |           |                                                                                             | TNKQ            |      |     | Tự luận |      |     |      |      |    |                 |
|              |           |                                                                                             | Biết            | Hiểu | VD  | Biết    | Hiểu | VD  | Biết | Hiểu | VD |                 |
| 1            | Nghe hiểu | Nội dung 1 : .....<br>Nội dung 2 : .....<br>.....                                           | 2               | 2    | 1   |         |      |     | 2    | 2    | 1  | 25 %            |
| 2            | Đọc hiểu  | <b>Phần 1 :</b> Kỹ năng đọc hiểu<br>Nội dung 1 : .....<br>Nội dung 2 : .....<br>.....       | 2               | 2    | 1   |         |      |     | 2    | 2    | 1  | 25%             |
|              |           | <b>Phần 2 :</b> Kiến thức ngôn ngữ<br>Nội dung 1 : .....<br>Nội dung 2 : .....<br>.....     | 6               | 2    | 2   |         |      |     | 6    | 2    | 2  | 25%             |
| 3            | Viết      | Nội dung 1 : .....<br>Nội dung 2 : .....<br>.....                                           |                 |      |     | 1 bài   |      |     |      |      |    | 25%             |
| Tổng số câu  |           |                                                                                             | 10              | 6    | 4   | 1 bài   |      |     | 10   | 6    | 4  | 20 câu và 1 bài |
| Tổng số điểm |           |                                                                                             | 3,5             | 2,5  | 1,5 | 0,5     | 0,5  | 1,5 | 4    | 3    | 3  | 10              |
| Tỉ lệ %      |           |                                                                                             | 75 %            |      |     | 25%     |      |     | 40   | 30   | 30 | 100%            |

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ**  
**MÔN: TIẾNG PHÁP – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| TT           | Kĩ năng   | Nội dung/đơn vị kiến thức<br>(Theo chương trình ban hành theo thông tư<br>19/2021/TT-BGDĐT) | Mức độ đánh giá |      |    |         |      |    | Tổng |      |    | Tỉ lệ<br>% điểm    |
|--------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------|----|---------|------|----|------|------|----|--------------------|
|              |           |                                                                                             | TNKQ            |      |    | Tự luận |      |    |      |      |    |                    |
|              |           |                                                                                             | Biết            | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD |                    |
| 1            | Nghe hiểu | Nội dung 1 : .....<br>Nội dung 2 : .....<br>.....                                           | 4               | 2    | 2  |         |      |    | 4    | 2    | 2  | 20 %               |
| 2            | Đọc hiểu  | <b>Phần 1</b> : Kỹ năng đọc hiểu<br>Nội dung 1 : .....<br>Nội dung 2 : .....<br>.....       | 4               | 2    | 2  |         |      |    | 4    | 2    | 2  | 20 %               |
|              |           | <b>Phần 2</b> : Kiến thức ngôn ngữ<br>Nội dung 1 : .....<br>Nội dung 2 : .....<br>.....     | 4               | 4    |    |         |      |    | 4    | 4    |    | 20 %               |
| 3            | Viết      | Nội dung 1 : .....<br>Nội dung 2 : .....<br>.....                                           |                 |      |    | 1 bài   |      |    |      |      |    | 20 %               |
| 4            | Nói       | Nội dung 1 : .....<br>Nội dung 2 : .....<br>.....                                           |                 |      |    | 2 bài   |      |    |      |      |    | 20 %               |
| Tổng số câu  |           |                                                                                             | 12              | 8    | 4  | 3 bài   |      |    | 12   | 8    | 4  | 24 câu và<br>3 bài |
| Tổng số điểm |           |                                                                                             | 3               | 2    | 1  | 1       | 1    | 2  | 4    | 3    | 3  | 10                 |
| Tỉ lệ %      |           |                                                                                             | 60 %            |      |    | 40%     |      |    | 40   | 30   | 30 | 100%               |

### III. Đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kì (Minh họa)

#### BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I - LỚP 11

#### MÔN: TIẾNG PHÁP - THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT

| TT | Kĩ năng          | Nội dung/đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mức độ đánh giá |         |
|----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------|
|    |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | TNKQ            | Tự luận |
| 1  | <b>Nghe hiểu</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu một cuộc phỏng vấn về các chủ đề chưa quen thuộc (ví dụ, phỏng vấn các bạn trẻ về cách nhìn nhận tương lai, tác giả của một cuốn sách mới, hoặc một nhóm nhạc rock nổi tiếng), với điều kiện người nói phải diễn đạt chậm rãi và rõ ràng suốt cuộc phỏng vấn, đôi khi cần nghe lại nhiều lần.</li> <li>- Hiểu các điểm chính và các chi tiết quan trọng các câu chuyện và thông điệp tương đối dài.</li> </ul> | <b>Nhận biết :</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định thể loại của văn bản ghi âm.</li> <li>- Nhận biết giọng nói (nam, nữ, người lớn tuổi, thanh niên...).</li> <li>- Nhận biết ngữ cảnh (ngoài đường, trong nhà hàng, tại nhà ga, sân bay...).</li> <li>- Xác định số lượng người tham gia nói chuyện.</li> <li>- Nhận biết mối quan hệ giữa những người nói (vai trò, địa vị của các bên trong giao tiếp).</li> <li>- Xác định chủ đề chung của văn bản ghi âm.</li> <li>- Nhận diện âm thanh đặc trưng.</li> </ul> | 2               |         |
|    |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>Thông hiểu :</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung chính của văn bản (qui ? quoi ? où ? quand ? comment ? pourquoi ?),.</li> <li>- Nắm được nội dung chi tiết (diễn biến, nguyên nhân, hệ quả, phương thức thực hiện...).</li> <li>- Hiểu được thái độ của người nói (hài lòng, tức giận...) thông qua các yếu tố ngôn ngữ và ngữ điệu.</li> </ul>                                                                                                                  | 2               |         |
|    |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>Vận dụng :</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn lọc thông tin.</li> <li>- Liên kết các thông tin đã nghe được.</li> <li>- Có khả năng thuật lại một phần nội dung người khác đã nói.</li> <li>- Có thể tự xử lý được trong một số tình huống giao tiếp đơn giản.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                           | 1               |         |

|   |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |  |
|---|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|   |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | - Suy luận ý đồ và thái độ của người nói (thuyết phục, mời, từ chối, đồng ý...) dựa trên các yếu tố phi ngôn ngữ như giọng nói, ngữ điệu.                                                                                                                                                         |   |  |
| 2 | <b>Độc hiểu</b> | <b>Phần 1</b><br>- Nắm được các thông tin quan trọng trên bao bì sản phẩm (ví dụ, hạn sử dụng và các hướng dẫn về cách sử dụng hoặc cách pha chế thuốc).<br>- Hiểu các bức thư cá nhân đơn giản kể lại chi tiết những sự kiện và trải nghiệm.                                                                                           | <b>Nhận biết :</b><br>- Xác định nguồn gốc trích xuất và tác giả của tài liệu (thời điểm, chu kỳ xuất bản...).<br>- Nhận diện loại hình văn bản (thư từ, quảng cáo, đoạn trích báo chí...).<br>- Nhận biết chủ đề khái quát của văn bản thông qua tiêu đề, hình ảnh minh họa, hoặc chuyên mục,... | 2 |  |
|   |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Thông hiểu :</b><br>- Tìm kiếm và nắm bắt thông tin chính trong các văn bản thường nhật như thư từ, quảng cáo.<br>- Đọc lướt văn bản để xác định các thông tin cần thiết và trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung chính (qui ? quoi ? où ? quand ? comment ? pourquoi ?).                 | 2 |  |
|   |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Vận dụng</b><br>- Phân loại và so sánh thông tin.<br>- Chọn lọc và liên kết các thông tin để diễn đạt ý chính, ý đồ hoặc quan điểm của người nói một cách rõ ràng và logic.                                                                                                                    | 1 |  |
|   |                 | <b>Phần 2</b><br>Kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp) giúp học sinh đạt được yêu cầu cần đạt sau :<br>- Nắm vững các thông tin quan trọng trên bao bì sản phẩm (ví dụ: hạn sử dụng và các hướng dẫn về cách sử dụng hoặc cách pha chế thuốc).<br>- Hiểu các bức thư cá nhân đơn giản, kể lại chi tiết những sự kiện và trải nghiệm. | <b>Nhận biết :</b><br>- Nhận biết từ vựng thuộc chủ điểm đang học.                                                                                                                                                                                                                                | 3 |  |
|   |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Thông hiểu</b><br>- Hiểu và sử dụng được từ vựng thuộc chủ điểm đang học bằng cách định nghĩa từ, tìm từ cùng họ hoặc từ đồng nghĩa.                                                                                                                                                           | 1 |  |
|   |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Vận dụng :</b><br>- Tìm từ đồng nghĩa, trái nghĩa                                                                                                                                                                                                                                              | 1 |  |
|   |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Nhận biết :</b><br>- Nhận biết đại từ sở hữu<br>- Nhận biết đại từ và tính từ không xác định.                                                                                                                                                                                                  | 3 |  |
|   |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Thông hiểu :</b><br>- Hiểu cấu trúc ngữ pháp dùng để đưa ra các chỉ dẫn và mệnh lệnh.<br>- Nắm được cách sử dụng hiện tại phân từ.<br>- Hiểu danh động từ (gérondif) trong các ngữ cảnh diễn tả cách thức, điều kiện, hoặc sự đồng thời.                                                       | 1 |  |

|                     |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |       |
|---------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------|
|                     |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>Vận dụng :</b><br>- Tìm câu tương ứng, chuyển đổi câu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1    |       |
| 3                   | <b>Viết</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tóm tắt các văn bản đơn giản về những chủ đề quen thuộc và thể hiện quan điểm cá nhân.</li> <li>- Kể lại một sự kiện bằng những câu đơn giản, cấu trúc mạch lạc (ví dụ: trải nghiệm ở trường, cuộc thi, vụ trộm xe đạp hoặc tai nạn).</li> <li>- Văn bản có cấu trúc mở đầu, thân bài, kết luận và có độ dài khoảng 120-130 từ.</li> </ul> | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được yêu cầu của đề bài về nội dung và hình thức của đoạn văn.</li> <li>- Viết đúng dạng thức văn bản theo yêu cầu.</li> <li>- Đảm bảo độ dài phù hợp với yêu cầu.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết đúng chủ đề</li> </ul> <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn ý phù hợp với hành động giao tiếp được yêu cầu</li> <li>- Tóm tắt nguồn thông tin nghe hoặc đọc được và đưa ra ý kiến của mình</li> <li>- Sử dụng đúng các cấu trúc câu phù hợp ngữ cảnh</li> <li>- Phát triển các ý tưởng một cách rõ ràng và mạch lạc.</li> <li>- Liên kết các phần của văn bản chặt chẽ và logic.</li> </ul> | .    | 1 bài |
| <b>Tổng số câu</b>  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 20   | 1 bài |
| <b>Tổng số điểm</b> |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 10 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7,5  | 2,5   |
| <b>Tỉ lệ %</b>      |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 75 % | 25%   |

### BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I - LỚP 11

#### MÔN: TIẾNG PHÁP - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

| TT | Kĩ năng          | Nội dung/đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                                                                             | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mức độ đánh giá |         |
|----|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------|
|    |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | TNKQ            | Tự luận |
| 1  | <b>Nghe hiểu</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu các điểm chính và các chi tiết quan trọng các câu chuyện và thông điệp dài.</li> <li>- Hiểu ý chính trong các tranh luận được trình bày chậm rãi và rõ ràng về các chủ đề quen thuộc (ví dụ: kỳ thi lên lớp,</li> </ul> | <b>Nhận biết :</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định thể loại của văn bản ghi âm.</li> <li>- Nhận biết giọng nói (nam, nữ, người lớn tuổi, thanh niên...).</li> <li>- Nhận biết ngữ cảnh (ngoài đường, trong nhà hàng, tại nhà ga, sân bay...).</li> <li>- Xác định số lượng người tham gia nói chuyện.</li> <li>- Nhận biết mối quan hệ giữa những người nói (vai trò, địa vị của các bên trong giao tiếp).</li> </ul> | 4               |         |

|   |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |   |  |
|---|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|   |                 | các môn thể thao đang thịnh hành, hàng hiệu).                                                                                                                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định chủ đề chung của văn bản ghi âm.</li> <li>- Nhận diện âm thanh đặc trưng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |   |  |
|   |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>Thông hiểu :</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung chính của văn bản (qui ? quoi ? où ? quand ? comment ? pourquoi ?),.</li> <li>- Nắm được nội dung chi tiết (diễn biến, nguyên nhân, hệ quả, phương thức thực hiện...).</li> <li>- Hiểu được thái độ của người nói (hài lòng, tức giận...) thông qua các yếu tố ngôn ngữ và ngữ điệu.</li> </ul>                                                                                                                            | 2 |  |
|   |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>Vận dụng :</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn lọc thông tin.</li> <li>- Liên kết các thông tin đã nghe được.</li> <li>- Có khả năng thuật lại một phần nội dung người khác đã nói.</li> <li>- Có thể tự xử lý được trong một số tình huống giao tiếp đơn giản.</li> <li>- Suy luận ý đồ và thái độ của người nói (thuyết phục, mời, từ chối, đồng ý...) dựa trên các yếu tố phi ngôn ngữ như giọng nói, ngữ điệu.</li> </ul>                                                                                                  | 2 |  |
| 2 | <b>Đọc hiểu</b> | <b>Phần 1</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu các bức thư cá nhân đơn giản kể lại chi tiết những sự kiện và trải nghiệm.</li> <li>- Hiểu một lịch trình hoặc hành trình phản ánh các hoạt động hàng ngày trong chuyến đi hoặc những trải nghiệm, khám phá trong một chuyến du lịch.</li> </ul> | <b>Nhận biết :</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra nguồn gốc trích xuất và tác giả của tài liệu (thời điểm, chu kỳ xuất bản...),</li> <li>- Nhận diện loại hình văn bản (thư từ, quảng cáo, đoạn trích báo chí,...).</li> <li>- Xác định chủ đề khái quát của văn bản (thông qua tiêu đề, hình ảnh minh họa, chuyên mục...).</li> <li>- Nhận ra tác giả.</li> <li>- Nhận ra đối tượng mà văn bản hướng đến</li> <li>- Nhận biết các thông tin đơn giản được trình bày rõ ràng (tên riêng, số liệu, ngày tháng,...).</li> </ul> | 4 |  |
|   |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>Thông hiểu :</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm kiếm và hiểu thông tin chính trong các văn bản thường nhật như thư từ, quảng cáo, báo chí, v.v.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2 |  |



|   |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |       |
|---|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|
|   |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc lướt văn bản để tìm kiếm các thông tin cần thiết và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung chính của văn bản (qui ? quoi ? où ? quand ? comment ? pourquoi ?),</li> <li>- Hiểu thông tin chi tiết (diễn biến, nguyên nhân, hệ quả, v.v.).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |   |       |
|   |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>Vận dụng</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại và so sánh thông tin.</li> <li>- Chọn lọc và liên kết các thông tin để diễn đạt ý chính, ý đồ hoặc quan điểm của người nói một cách rõ ràng và logic.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2 |       |
|   |             | <b>Phần 2</b><br>Kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp) giúp học sinh đạt được các yêu cầu cần đạt sau : <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu các bức thư cá nhân đơn giản, trong đó kể lại những sự kiện và trải nghiệm một cách chi tiết.</li> <li>- Hiểu một lịch trình, hành trình phản ánh những hoạt động hàng ngày trong chuyến đi hoặc những trải nghiệm, khám phá trong một chuyến du lịch.</li> </ul> | <b>Nhận biết :</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết từ vựng thuộc chủ điểm đang học.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2 |       |
|   |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>Thông hiểu</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và sử dụng được từ vựng thuộc chủ điểm đang học bằng cách định nghĩa từ, tìm từ cùng họ hoặc từ đồng nghĩa.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2 |       |
|   |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>Nhận biết :</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được thì quá khứ hoàn thành (plus-que-parfait).</li> <li>- Nhận biết các giới từ chỉ thời gian (<i>pendant, depuis, dans, il y a</i>).</li> <li>- Nhận biết các trạng từ chỉ thời gian (diễn đạt quá khứ hoặc tương lai)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2 |       |
|   |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>Thông hiểu :</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được cách sử dụng đại từ sở hữu.</li> <li>- Hiểu được cách sử dụng đại từ và tính từ không xác định.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2 |       |
| 3 | <b>Viết</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể lại một sự kiện bằng những câu đơn giản, cấu trúc rõ ràng (ví dụ như trải nghiệm ở trường, cuộc thi, vụ trộm xe đạp hoặc tai nạn).</li> <li>- Liệt kê những ưu và nhược điểm của những gì cá nhân quan tâm (ví dụ điều kiện nhà ở tại gia đình hoặc nội quy hiện hành ở trường học); biện minh cho ý kiến của mình bằng những từ đơn giản.</li> </ul>                          | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được yêu cầu của đề bài về nội dung và hình thức của đoạn văn.</li> <li>- Viết đúng dạng thức văn bản theo yêu cầu.</li> <li>- Đảm bảo độ dài phù hợp với yêu cầu.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết đúng chủ đề</li> </ul> <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn ý phù hợp với yêu cầu giao tiếp cụ thể.</li> <li>- Miêu tả tương đối chi tiết những hoạt động cá nhân, tình cảm và sự kiện đã xảy ra.</li> <li>- Tóm tắt thông tin nghe hoặc đọc được và trình bày ý kiến cá nhân.</li> <li>- Sử dụng chính xác các cấu trúc câu phù hợp với ngữ cảnh.</li> </ul> |   | 1 bài |

|                     |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |       |
|---------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------|
|                     |            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản có mở đầu, thân bài, kết luận và có độ dài khoảng 120 - 130 từ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển các ý tưởng một cách rõ ràng và mạch lạc.</li> <li>- Liên kết các phần trong văn bản một cách chặt chẽ và logic.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |       |
|                     | <b>Nói</b> | <p><b>Nói độc thoại</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu ý kiến cá nhân về hành động của người khác và giải thích lý do của ý kiến đó.</li> <li>- Giải thích ngắn gọn và biện minh cho quan điểm, giả định, hoặc kế hoạch của bản thân.</li> <li>- Thông báo ngắn gọn một kế hoạch, sử dụng ngôn từ đơn giản (ví dụ: trình bày chương trình buổi sáng cho khách du lịch).</li> </ul> <p><b>Nói tương tác :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh và đánh giá các ban nhạc, phong cách âm nhạc hoặc bộ phim.</li> <li>- Phỏng vấn bằng các câu hỏi đã chuẩn bị trước, và thỉnh thoảng có thể hỏi thêm một vài câu hỏi tự nhiên mà không cần phải suy nghĩ quá lâu.</li> <li>- Xử lý được phần lớn các tình huống phát sinh khi đi du lịch.</li> </ul> | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo thời gian nói theo yêu cầu.</li> <li>- Nói đúng thể loại.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói đúng chủ đề.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miêu tả một vật.</li> <li>- Đưa ra các chỉ dẫn đơn giản về cách sử dụng thiết bị tại nơi làm việc.</li> <li>- Diễn đạt sự sợ hãi</li> <li>- Trấn an người khác.</li> <li>- Hỏi thăm hoặc cung cấp thông tin.</li> <li>- Kể lại một trải nghiệm cá nhân (như tai nạn, sự cố...).</li> <li>- Tường thuật lại lời nói của người khác (giới thiệu và diễn đạt lại ý kiến của người khác).</li> <li>- So sánh các ban nhạc, phong cách âm nhạc, phim ảnh, v.v.</li> <li>- Diễn đạt nỗi buồn, sự thất vọng, sự chán nản.</li> <li>- Sử dụng đúng các cấu trúc câu.</li> <li>- Giới thiệu và giải thích rõ ràng các ý kiến cá nhân.</li> <li>- Phát triển các ý một cách logic.</li> <li>- Liên kết các ý trong bài, trình bày chặt chẽ và logic.</li> <li>- Nói rõ ràng, dễ nghe và trôi chảy.</li> </ul> |     | 2 bài |
| <b>Tổng số câu</b>  |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 24  | 3 bài |
| <b>Tổng số điểm</b> |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 10 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6   | 4     |
| <b>Tỉ lệ %</b>      |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 60% | 40%   |

**PHỤ LỤC 20**  
**HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN TIẾNG TRUNG QUỐC CẤP THPT**  
*(Kèm theo Công văn số 4148/SGDDĐT-GDPT ngày 31/12/2024 của Sở GDĐT)*

**I. Hình thức, thời gian đề kiểm tra, đánh giá định kì**

- Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, trong đó: tỉ lệ điểm trắc nghiệm là **70%**, tỉ lệ điểm tự luận là **30%**.
- Thời gian: từ **60** đến **90** phút, đối với trường chuyên thời gian tối đa **120** phút.

**II. Ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì**

**Khung ma trận đề kiểm tra định kì**  
**MA TRẬN GIỮA KÌ - HỌC KÌ 1 - LỚP 10**

| TT | Chương<br>/<br>chủ đề | Nội dung/đơn vị<br>kiến thức                                                                                                                                                                          | Mức độ đánh giá |      |    |         |      |    | Tổng |      |    | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|----|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------|----|---------|------|----|------|------|----|--------------------|
|    |                       |                                                                                                                                                                                                       | TNKQ            |      |    | Tự luận |      |    |      |      |    |                    |
|    |                       |                                                                                                                                                                                                       | Biết            | Hiểu | VD | Biết    | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD |                    |
| 1  | Nghe                  | <b>Nội dung 1</b><br>Nghe hiểu ý của người nói dựa vào ngữ điệu.<br><b>Nội dung 2</b><br>Nghe hiểu được chi tiết các chỉ dẫn, yêu cầu đơn giản thông thường (chỉ dẫn giao thông, dự báo thời tiết...) | 5               | 4    | 1  | 0       | 0    | 0  | 5    | 4    | 1  | 30                 |

|   |            |                                                                                                                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
|---|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
| 2 | <b>Đọc</b> | <b>Nội dung 1</b><br>Đọc hiểu được ý chính của văn bản ngắn về chủ đề mang tính thời sự đã học.<br><b>Nội dung 2</b><br>Xác định đúng và | 5 | 3 | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | 3 | 2 | 40 |
|---|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|

|                     |             |                                                                                                                                                                              |     |     |     |   |    |     |     |     |     |     |
|---------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----|---|----|-----|-----|-----|-----|-----|
|                     |             | hiểu được các thông tin quan trọng trong các tờ thông tin quảng cáo, tờ rơi thường nhật.                                                                                     |     |     |     |   |    |     |     |     |     |     |
| 3                   | <b>Viết</b> | <b>Nội dung 1</b><br>Viết được bài văn ngắn, cấu trúc hoàn chỉnh về chủ đề quen thuộc, thể hiện được quan điểm, ý kiến cá nhân, có sử dụng các phương thức liên kết văn bản. | 0   | 0   | 0   | 0 | 0  | 1   | 0   | 0   | 1   | 30  |
| <b>Tổng số câu</b>  |             |                                                                                                                                                                              | 10  | 7   | 3   | 0 | 0  | 1   | 10  | 7   | 4   | 21  |
| <b>Tổng số điểm</b> |             |                                                                                                                                                                              | 3.5 | 2.4 | 1.1 | 0 | 0  | 3.0 | 3.5 | 2.4 | 4.1 | 10  |
| <b>Tỉ lệ %</b>      |             |                                                                                                                                                                              | 70  |     |     |   | 30 |     | 35  | 24  | 41  | 100 |

### III. Đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kỳ

#### BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ - GIỮA KÌ 1 - LỚP 10

| TT | Chương/<br>chủ đề | Nội dung/đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                                                      | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số lượng câu                               |         |
|----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
|    |                   |                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | TNKQ                                       | Tự luận |
| 1  | <b>Nghe</b>       | <p><b>Nội dung 1</b><br/>Nghe hiểu ý của người nói dựa vào ngữ điệu.</p> <p><b>Nội dung 2</b><br/>Nghe hiểu được chi tiết các chỉ dẫn, yêu cầu đơn giản thông thường (chỉ dẫn giao thông, dự báo thời tiết...)</p>                             | <p><b>Biết:</b><br/>Nhận biết thông tin cụ thể được nói rõ ràng trong văn bản nghe.</p> <p><b>Hiểu:</b><br/>Lựa chọn được thông tin khái quát trong văn bản nghe.</p> <p><b>Vận dụng:</b><br/>Suy đoán được thông tin tương đối phức tạp trong văn bản nghe.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>Biết: 5<br/>Hiểu: 4<br/>Vận dụng: 1</p> | 0       |
| 2  | <b>Đọc</b>        | <p><b>Nội dung 1</b><br/>Đọc hiểu được ý chính của văn bản ngắn về chủ đề mang tính thời sự đã học.</p> <p><b>Nội dung 2</b><br/>Xác định đúng và hiểu được các thông tin quan trọng trong các tờ thông tin quảng cáo, tờ rơi thường nhật.</p> | <p><b>Biết:</b><br/>- Nhận biết được nghĩa cơ bản, nghĩa phái sinh thông dụng của từ, hoặc cách sử dụng cấu tạo từ, cấu trúc ngữ pháp đơn giản phù hợp với văn bản đọc.<br/>- Nhận ra được nghĩa cơ bản, nghĩa phái sinh thông dụng của từ có trong văn bản đọc.<br/>- Xác định được thông tin hiển thị rõ ràng có trong văn bản đọc.</p> <p><b>Hiểu:</b><br/>- Lựa chọn được từ/ cụm từ/ cấu trúc ngữ pháp phù hợp với nội dung văn bản đọc.<br/>- Giải thích được ý nghĩa của từ/ cụm từ/ câu có trong văn bản đọc.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> | <p>Biết: 5<br/>Hiểu: 3<br/>Vận dụng: 2</p> | 0       |

|                     |             |                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |    |             |
|---------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------|
|                     |             |                                                                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý giải được ý nghĩa của từ/ cụm từ/ câu có trong văn bản đọc.</li> <li>- Phân biệt được cách dùng của từ/ cụm từ/ cấu trúc ngữ pháp phù hợp với văn bản đọc.</li> <li>- Suy luận được mạch logic của văn bản đọc hoặc thông tin hàm ẩn trong văn bản đọc.</li> <li>- Chỉ ra được quan điểm của tác giả, luận điểm, kết luận, thông điệp của văn bản đọc.</li> </ul> |    |             |
| 3                   | <b>Viết</b> | <b>Nội dung 1</b><br>Viết được bài văn ngắn, cấu trúc hoàn chỉnh về chủ đề quen thuộc, thể hiện được quan điểm, ý kiến cá nhân, có sử dụng các phương thức liên kết văn bản. | <b>Vận dụng:</b><br>Vận dụng được kiến thức ngôn ngữ, văn hóa để viết bài văn ngắn, cấu trúc hoàn chỉnh về chủ đề quen thuộc, thể hiện được quan điểm, ý kiến cá nhân, có sử dụng các phương thức liên kết văn bản (khoảng 100 chữ) theo yêu cầu.                                                                                                                                                             | 0  | Vận dụng: 1 |
| <b>Tổng số câu</b>  |             |                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 20 | 1           |
| <b>Tổng số điểm</b> |             |                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7  | 3           |
| <b>Tỉ lệ %</b>      |             |                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 70 | 30          |

**Lưu ý:** Nội dung bài kiểm tra gắn với chủ đề và kiến thức ngôn ngữ thuộc chương trình lớp 10.